

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM



VŨ THỊ MAI PHƯƠNG

**MÔ TẢ THỰC TRẠNG SỬ DỤNG VÀ CÔNG NĂNG,
CHỦ TRỊ CỦA 50 BÀI THUỐC NAM
TẠI MIỀN BẮC VIỆT NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ Y HỌC

HÀ NỘI - 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM



VŨ THỊ MAI PHƯƠNG

**MÔ TẢ THỰC TRẠNG SỬ DỤNG VÀ CÔNG NĂNG,
CHỦ TRỊ CỦA 50 BÀI THUỐC NAM
TẠI MIỀN BẮC VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Y học cổ truyền

Mã số: 8720115

LUẬN VĂN THẠC SĨ Y HỌC

Người hướng dẫn khoa học:

TS. Nguyễn Tiến Chung

HÀ NỘI - 2023

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận văn này, tôi xin trân trọng bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới:

Đảng ủy, Ban Giám đốc, Phòng đào tạo Sau Đại học, các Bộ môn, khoa phòng cùng các thầy cô trong Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam đã tạo điều kiện và giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và làm luận văn.

TS. Nguyễn Tiến Chung - người Thầy đã trực tiếp hướng dẫn định hướng đề tài và trang bị cho tôi kiến thức chuyên ngành, sửa chữa thiếu sót trong luận văn, động viên tôi trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu.

Đảng ủy, Ban Giám đốc, Phòng kế hoạch tổng hợp, các khoa phòng Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Nội; Hội Đông Y tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, huyện Ba Vì – Hà Nội, cùng các thầy thuốc, lương y tại địa phương đã tạo điều kiện tốt nhất cho tôi hoàn thành nghiên cứu.

Các Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ trong Hội đồng thông qua đề cương và Hội đồng bảo vệ luận văn Thạc sĩ đã cho tôi những ý kiến đóng góp quý báu trong quá trình hoàn thiện luận văn này.

Tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới bố mẹ, gia đình và người thân đã luôn bên cạnh, khuyến khích tôi trong suốt quá trình học tập. Tôi xin được cảm ơn tới bạn bè đồng nghiệp đã luôn động viên, khích lệ tôi để vượt qua những khó khăn trong quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận văn.

Tôi trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày 6 tháng 12 năm 2023

Vũ Thị Mai Phương

LỜI CAM ĐOAN

Tôi là **Vũ Thị Mai Phương**, học viên cao học khóa 14 - Học viện Y Dược học Cổ truyền Việt Nam, chuyên ngành Y học cổ truyền, xin cam đoan:

1. Đây là luận văn do bản thân tôi trực tiếp thực hiện dưới sự hướng dẫn của **TS. Nguyễn Tiến Chung**
2. Công trình này không trùng lặp với bất kỳ nghiên cứu nào khác đã được công bố tại Việt Nam.
3. Các số liệu và thông tin trong nghiên cứu là hoàn toàn chính xác, trung thực và khách quan, đã được xác nhận và chấp thuận của cơ sở nơi nghiên cứu.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những cam kết này.

Hà Nội, ngày 6 tháng 12 năm 2023

Người cam đoan

Vũ Thị Mai Phương

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÀI LIỆU	3
1.1. Một số khái niệm liên quan đến thuốc nam.....	3
1.1.1. Thuốc nam	3
1.1.2. Bài thuốc cổ truyền.....	3
1.1.3. Công năng, chủ trị của bài thuốc	6
1.2. Sơ lược về thực trạng sử dụng thuốc nam	7
1.2.1. Thực trạng sử dụng thuốc nam tại cộng đồng	7
1.2.2. Thực trạng thuốc nam trong tài liệu	11
1.3. Sơ lược về địa bàn nghiên cứu.....	15
1.3.1. Hà Nội.....	15
1.3.2. Thái Nguyên.....	16
1.3.3. Tuyên Quang.....	16
1.4. Một số nghiên cứu về sử dụng thuốc nam	17
Chương 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	21
2.1. Đối tượng nghiên cứu	21
2.1.1. Tiêu chuẩn lựa chọn.....	21
2.1.2. Tiêu chuẩn loại trừ.....	23
2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu.....	23
2.3. Phương pháp nghiên cứu	23
2.3.1. Phương pháp mô tả thực trạng của 50 bài thuốc nam	23
2.3.2. Phương pháp mô tả công năng, chủ trị của 50 bài thuốc nam.....	25
2.4. Xử lý số liệu.....	26
2.5. Sơ đồ nghiên cứu	27
Chủ trị.....	27
Chương 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	28
3.1. Thực trạng của 50 bài thuốc nam.....	28
3.1.1. Mô tả bài thuốc nam trong tài liệu, cộng đồng.....	28

3.1.2. Mô tả 50 bài thuốc nam được lựa chọn	29
3.2. Công năng, chủ trị của 50 bài thuốc nam	39
3.2.1. Mô tả chung	39
3.2.2. Mô tả công năng, chủ trị bài thuốc nam nhóm cơ xương khớp.....	40
3.2.3. Mô tả công năng, chủ trị bài thuốc nam nhóm tiêu hóa	42
3.2.4. Mô tả công năng, chủ trị bài thuốc nam nhóm hô hấp	44
3.2.5. Mô tả công năng, chủ trị bài thuốc nam nhóm tiết niệu	45
3.2.6. Mô tả công năng, chủ trị bài thuốc nam nhóm phụ khoa	47
3.2.7. Mô tả công năng, chủ trị bài thuốc nam nhóm ngoại khoa	48
3.2.8. Mô tả công năng, chủ trị bài thuốc nam nhóm ngoại cảm	50
3.2.9. Mô tả công năng, chủ trị bài thuốc nam nhóm bệnh khác.....	51
3.2.10. Thông tin về bài thuốc nam không được đồng thuận	53
Chương 4. BÀN LUẬN.....	55
4.1. Về thực trạng của 50 bài thuốc nam	55
4.1.1. Thực trạng bài thuốc nam trong tài liệu, cộng đồng.....	55
4.1.2. Bài thuốc được lựa chọn	56
4.2. Về công năng, chủ trị của 50 bài thuốc nam.....	57
4.2.1. Bài thuốc nam nhóm cơ xương khớp.....	58
4.2.2. Bài thuốc nam nhóm tiêu hóa	60
4.2.3. Bài thuốc nam nhóm hô hấp	62
4.2.4. Bài thuốc nam nhóm tiết niệu	63
4.2.5. Bài thuốc nam nhóm phụ khoa	65
4.2.6. Bài thuốc nam nhóm ngoại khoa	66
4.2.7. Bài thuốc nam nhóm ngoại cảm	67
4.2.8. Bài thuốc nam nhóm bệnh khác.....	69
KẾT LUẬN.....	71
KHUYẾN NGHỊ.....	73
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Dịch nghĩa
NXB	Nhà xuất bản
PP	Phương pháp
YHCT	Y học cổ truyền
YHHĐ	Y học hiện đại

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1.	Toa căn bản.....	5
Bảng 1.2.	Tỷ lệ các cây thuốc đã xác định trong các bài thuốc	7
Bảng 1.3.	Kết quả thu thập bài thuốc kinh nghiệm.....	8
Bảng 3.1.	Số lượng bài thuốc thu thập từ tài liệu.....	28
Bảng 3.2.	Số lượng bài thuốc thu thập từ cộng đồng.....	29
Bảng 3.3.	Thông tin ban đầu về bài thuốc nhóm cơ xương khớp.....	29
Bảng 3.4.	Thông tin ban đầu về bài thuốc nhóm tiêu hóa	31
Bảng 3.5.	Thông tin ban đầu về bài thuốc nhóm tuần hoàn.....	32
Bảng 3.6.	Thông tin ban đầu về bài thuốc nhóm hô hấp	33
Bảng 3.7.	Thông tin ban đầu về bài thuốc nhóm tiết niệu	34
Bảng 3.8.	Thông tin ban đầu về bài thuốc nhóm tâm thần thần	35
Bảng 3.9.	Thông tin ban đầu về bài thuốc nhóm sản phụ khoa	36
Bảng 3.10.	Thông tin ban đầu về bài thuốc nhóm ngoại khoa.....	37
Bảng 3.11.	Thông tin ban đầu về bài thuốc nhóm bệnh ngoại cảm.....	38
Bảng 3.12.	Số lượng bài thuốc được đồng thuận phân theo nhóm bệnh ..	39
Bảng 3.13.	Công năng, chủ trị của bài thuốc nhóm cơ xương khớp.....	40
Bảng 3.14.	Công năng, chủ trị của bài thuốc nhóm tiêu hóa	42
Bảng 3.15.	Công năng, chủ trị của bài thuốc nhóm hô hấp	44
Bảng 3.16.	Công năng, chủ trị của bài thuốc nhóm tiết niệu.....	45
Bảng 3.17.	Công năng, chủ trị của bài thuốc nhóm phụ khoa	47
Bảng 3.18.	Công năng, chủ trị của bài thuốc nhóm ngoại khoa	48
Bảng 3.19.	Công năng, chủ trị của bài thuốc nhóm ngoại cảm	50
Bảng 3.20.	Công năng, chủ trị của bài thuốc nhóm bệnh khác.....	51
Bảng 3.21.	Thông tin về một số bài thuốc chưa có sự đồng thuận.....	53

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1.	Phương thuốc trong Nam y nghiệm phương	11
Hình 1.2.	Phương thuốc trong Tuệ Tĩnh toàn tập.....	12
Hình 1.3.	Phương thuốc trong cuốn “Những bài thuốc kinh nghiệm YHCT” của hội Đông y tỉnh Nghệ An	14

ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam có nguồn tài nguyên dược liệu phong phú và đa dạng, có nhiều bài thuốc quý lưu hành trong cộng đồng các dân tộc. Theo kết quả điều tra của Viện Dược liệu – Bộ Y tế, từ năm 1961 đến năm 2016 đã phát hiện và thống kê được ở Việt Nam 5117 loài thực vật được sử dụng làm thuốc [1],[2].

Bên cạnh những bài thuốc lưu hành trong cộng đồng, số lượng bài thuốc kinh nghiệm được ghi chép trong sách cổ cũng đạt đến con số không hề nhỏ. Theo báo cáo Bộ Y tế, của Hội y học cổ truyền (YHCT) Việt Nam (từ năm 1960 đến năm 1990) chúng ta đã sưu tầm được 497 tác phẩm y dược cổ truyền (YDCT) bằng chữ Hán – Nôm; 202 tác phẩm y dược cổ truyền bằng chữ Quốc ngữ của các Danh y như: Tuệ Tĩnh, Nguyễn Đại Năng, Lê Đức Vọng, Hoàng Đôn Hoà, Hải Thượng Lãn Ông, Nguyễn Gia Phan, Nguyễn Trục, Đào Công Chính, Nguyễn Tử Siêu, Phó Đức Thành ... 12.513 lương y đương thời và cộng đồng các dân tộc Việt Nam (Kinh, Thượng, Tày, Nùng, Dao, Mường, Mán, Thái, Mông, Khơ – me, Chăm, Hoa, ...) cống hiến gần 40.000 phương thuốc kinh nghiệm, bài thuốc gia truyền, bài thuốc và cây thuốc dân gian quý [3].

Tuy nhiên, bài thuốc thu thập từ cộng đồng cũng như trong tài liệu đều chưa phân loại, sắp xếp và chuẩn hoá theo chuyên khoa. Đa phần thông tin về bài thuốc, vị thuốc là tác dụng chữa bệnh mang tính kinh nghiệm theo bệnh danh y học hiện đại (YHHĐ) như: điều trị viêm dạ dày, viêm đại tràng, ..., chưa có đầy đủ công năng, chủ trị theo biện chứng của YHCT [3], [4].

Thực tiễn đã ghi nhận về hiệu quả điều trị của thuốc nam, tuy nhiên việc thanh toán bảo hiểm y tế, đăng kí cấp số lưu hành tại các tuyến y tế công lập còn gặp khó khăn về cơ chế chính sách và cơ sở khoa học. Vì vậy, trong Chiến lược quốc gia ngày 17/03/2021, Thủ Tướng Chính Phủ đã định hướng “người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam” trong phát triển ngành Dược,

nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu thuốc nam, đảm bảo tính khoa học của thuốc nam trong sử dụng [5].

Từ đó, việc xây dựng danh mục bài thuốc nam thường dùng với đầy đủ thông tin về công năng chủ trị là cần thiết, nhằm phục vụ nhu cầu tra cứu và thúc đẩy sử dụng nguồn dược liệu trong nước theo phương châm “Nam dược trị nam nhân” [6]. Tuy nhiên, sự khác nhau về điều kiện khí hậu, đặc điểm thổ nhưỡng dẫn đến mô hình bệnh tật có khác biệt giữa các vùng miền, ảnh hưởng trực tiếp đến danh mục bài thuốc nam khi thực tế sử dụng. Vì vậy, chúng tôi tiến hành đề tài “**Mô tả thực trạng sử dụng và công năng, chủ trị của 50 bài thuốc nam tại miền Bắc Việt Nam**”, trước hết nghiên cứu về bài thuốc nam tại 3 tỉnh miền Bắc bao gồm Thái Nguyên, Hà Nội, Tuyên Quang nhằm thực hiện hai mục tiêu:

1. *Mô tả thực trạng sử dụng 50 bài thuốc nam thường dùng tại miền Bắc Việt Nam.*
2. *Mô tả công năng, chủ trị 50 bài thuốc nam thường dùng tại miền Bắc Việt Nam.*

Chương 1

TỔNG QUAN TÀI LIỆU

1.1. Một số khái niệm liên quan đến thuốc nam

1.1.1. Thuốc nam

Đông dược (bao gồm cả thuốc nam và thuốc bắc) là những vị thuốc kinh nghiệm của ông cha ta, có tác dụng chữa bệnh tốt, thậm chí trị được những bệnh mãn tính, lại dễ tìm, rẻ tiền, sử dụng tương đối dễ dàng, nhưng việc sử dụng chỉ mới dựa vào kinh nghiệm, học thuyết âm dương ngũ hành của triết học phương Đông, phần lớn chưa được giải thích bằng cơ sở khoa học hiện đại [7].

Theo cách hiểu phổ biến hiện nay: Thuốc nam là những loại thuốc, thảo dược xuất phát trên địa bàn lãnh thổ Việt Nam hay còn gọi là “thuốc ta”, để phân biệt với loại thuốc có nguồn gốc và bào chế theo sách của Trung Quốc truyền sang (thuốc bắc). Thuốc nam, theo định nghĩa ở trên, được nhân dân một số nơi ở miền Nam gọi là “thuốc vườn” vì có thể kiếm quanh vườn [7]. Theo Nguyễn Văn Quý trong cuốn “Thuốc bắc thường dùng” đã phân biệt thuốc nam là cách gọi dân gian ở Việt Nam đối với các loại thuốc được sử dụng trong YHCT của Việt Nam. Cách gọi này để phân biệt với thuốc bắc là thuốc theo YHCT của Trung Quốc [8].

1.1.2. Bài thuốc cổ truyền

1.1.2.1. Các khái niệm:

- *Thuốc cổ truyền*: là một vị thuốc sống hoặc chín hay một chế phẩm thuốc được phối ngũ (lập phương) và bào chế theo phương pháp của YHCT từ một hay nhiều vị thuốc có nguồn gốc thực vật, động vật, khoáng vật, có tác dụng chữa bệnh hoặc có lợi cho sức khỏe con người [9].

- *Thuốc gia truyền*: là những môn thuốc, bài thuốc trị một chứng bệnh nhất định có hiệu quả và nổi tiếng một vùng, một địa phương được sản xuất và lưu truyền lâu đời trong gia đình [9], [10].

- *Cổ phương* (phương thuốc cổ) là thuốc cổ truyền được ghi trong sách về YHCT của Việt Nam và Trung Quốc từ trước thế kỷ 19, trong đó có ghi số vị thuốc, hàm lượng từng vị, phương pháp bào chế, tác dụng, chỉ định, đường dùng, liều dùng, cách dùng và chỉ định của phương thuốc [10], [11].

- *Thuốc cổ phương gia giảm*: là thuốc cổ phương có tăng hoặc giảm về số vị thuốc, hàm lượng từng vị thuốc phù hợp với bệnh hoặc chứng bệnh theo lý luận của YHCT nhưng không thay đổi về phương pháp bào chế, đường dùng, liều dùng, cách dùng và các vị thuốc trong công thức thuốc không có sự tương kỵ [12], [13].

- *Tân phương* (thuốc cổ truyền mới): là thuốc có cấu trúc khác hoàn toàn với cổ phương về: số vị thuốc, lượng từng vị, dạng thuốc, cách dùng, chỉ định [14].

- *Dược liệu*: là nguyên liệu làm thuốc có nguồn gốc từ thực vật, động vật, khoáng vật và đạt tiêu chuẩn làm thuốc. Thuốc dược liệu là thuốc có thành phần từ dược liệu và có tác dụng dựa trên bằng chứng khoa học [12], [14].

1.1.2.2. *Kết cấu của bài thuốc cổ truyền*:

* Kết cấu Quân, Thần, Tá, Sứ:

Một bài thuốc cổ truyền thường được cấu tạo theo nguyên tắc: Quân – Thần – Tá – Sứ.

Quân: Là vị thuốc chính và được coi là chủ dược của bài thuốc, dùng để chữa nguyên nhân gây ra bệnh, triệu chứng chính trong hội chứng bệnh lý. Trong một bài thuốc thông thường có 1 đến 2 vị thuốc là quân, nó trở thành bộ phận chủ yếu của bài thuốc [15], [16].

Thần: Là vị thuốc hỗ trợ cho vị thuốc chủ dược, nhằm làm tăng cường tác dụng của vị thuốc đóng vai trò quân [15].

Tá: Là vị thuốc chữa các triệu chứng phụ của hội chứng bệnh tật, hay có vai trò hạn chế tác dụng quá mạnh hay độc tính của vị thuốc chủ dược, nó cũng còn tăng tác dụng của vị thuốc chính [15].

Sứ: Là vị thuốc đưa tác dụng của bài thuốc đến nơi có bệnh của tạng phủ hay kinh lạc nào đó và còn có tác dụng điều hoà tính năng của các vị thuốc trong bài thuốc [15].

*Kết cấu toa căn bản:

Toa căn bản là một trong những phương pháp YHCT hiệu quả được lưu lại với mục đích hướng dẫn người dân trồng và sử dụng một số loại cây thuốc nam thông thường ngay tại vườn nhà [17].

Toa căn bản được xem là bài thuốc cổ phương vì được giới YHCT dùng từ lâu và được Bộ Y tế công nhận, in thành sách để phổ biến. Toa căn bản là công thức phối hợp những vị thuốc dễ trồng, dễ mọc, có sẵn quanh năm trong vườn nhà, nổi tiếng gồm 10 vị thuốc nam thông dụng ở mọi miền đất nước, với ưu điểm là các vị thuốc dễ kiếm, dễ áp dụng và có hiệu quả, những cán bộ y tế cấp cơ sở hoặc người dân cũng bốc thuốc được [18].

Bài thuốc gồm 10 vị như sau:

Bảng 1.1. Toa căn bản

STT	Tên nguyên phụ liệu	Đơn vị	Số lượng cho 1 thang
1	Rễ tranh	Gam	8
2	Rau má	Gam	8
3	Lá muồng trâu	Gam	4
4	Cỏ mực	Gam	8
5	Cỏ màn trâu	Gam	8
6	Ké đầu ngựa	Gam	4
7	Cam thảo đất	Gam	4
8	Gừng khô	Gam	2
9	Củ sả	Gam	4
10	Trần bì	Gam	4

Bài thuốc dùng dưới dạng thuốc sắc hay chế thành trà để hãm nước [17].

Tác dụng bài thuốc: điều hoà cơ thể, tăng cường sức đề kháng (phù chính), kết hợp với tấn công bệnh (khu tà). Phạm vi tác dụng của toa căn bản bao gồm các bệnh cảm mạo tứ thời và các bệnh thông thường của các cơ quan hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu. Không dùng bài thuốc này cho các bệnh nặng hoặc bệnh thuộc phạm vi ngoại khoa [19].

1.1.3. Công năng, chủ trị của bài thuốc

- *Công năng của bài thuốc*: danh pháp YHCT, mô tả tác dụng bài thuốc:

+ Theo bát pháp: bổ, ích, dưỡng, tư, tả, thanh, hoạt, hành, tiềm, tán, ...

+ Theo vị trí tác dụng của bài thuốc: khí, huyết, can, thận, tỳ, phế, thận, âm, dương, ...

+ Ví dụ: tư dưỡng can thận, hành khí hoạt huyết, ..., một bài thuốc có thể có một hoặc nhiều công năng [15], [16].

- *Chủ trị của bài thuốc*: là tên gọi bệnh chứng bài thuốc có thể can thiệp:

+ Tên chứng bệnh

+ Tên thể bệnh và/hoặc đặc điểm theo bát cương của chứng bệnh.

+ Ví dụ: chứng tý thể can thận hư kiêm phong hàn thấp, chứng tiết tả thể hàn thấp, ..., một bài thuốc thuốc có thể có một hoặc nhiều chủ trị [15], [16].

Theo lý luận y học cổ truyền, mỗi chứng bệnh đều có căn nguyên, có cơ chế phát sinh và biểu hiện thành chứng trạng. Căn nguyên thông qua cơ chế gây bệnh làm rối loạn công năng hoạt động của vận hóa tạng chứa của ngũ tạng, công năng truyền tống của lục phủ hoặc rối loạn đường tuần hành của khí huyết vận hành trong kinh lạc, ... mà sinh ra chứng trạng. Một phương thuốc điều trị được coi là trị được bệnh chứng nếu can thiệp được vào cơ chế bệnh sinh để điều chỉnh hoạt động của tạng phủ, sơ thông được tuần hành khí huyết. Như vậy, luôn có sự thống nhất, logic khoa học theo lý luận y học cổ truyền giữa chứng bệnh, thể bệnh với chủ trị của bài thuốc; pháp điều trị với công năng của bài thuốc, tạo nên trục logic “lý – pháp – phương – dược” [16].

1.2. Sơ lược về thực trạng sử dụng thuốc nam

1.2.1. Thực trạng sử dụng thuốc nam tại cộng đồng

Qua kết quả nghiên cứu của các đề tài khảo sát về sử dụng thuốc nam ở Việt Nam trong khám chữa bệnh tại cộng đồng cho thấy, đồng bào các dân tộc có nhiều kinh nghiệm phối hợp sử dụng cây và con để làm thuốc, có rất nhiều phương thuốc quý trong bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng.

* Khu vực miền Bắc:

- Thái Nguyên:

Trong các cuộc điều tra, số lượng bài thuốc được các thầy thuốc và người dân đồng bào các dân tộc Tày, Nùng, Sán Dìu, Sán Chay và Dao của tỉnh Thái Nguyên cung cấp là khá lớn; thống kê được 180 bài thuốc nhiều người tin dùng và thừa nhận hiệu quả chữa bệnh [20]:

Bảng 1.2. Tỷ lệ các cây thuốc đã xác định trong các bài thuốc [20]

Cộng đồng dân tộc	Số bài thuốc thu thập	Số cây thuốc trong các bài thuốc	Số cây thuốc đã xác định trong các bài thuốc	Tỷ lệ cây thuốc đã xác định (%)
Tày	57	255	246	96,47%
Nùng	21	106	88	83,02%
Sán Dìu	6	40	29	72,50%
Sán Chay	53	294	234	79,59%
Dao	43	311	226	72,67%

Qua thu thập các bài thuốc kinh nghiệm của người dân tộc tại Thái Nguyên, cụ thể là phỏng vấn trực tiếp 46 thầy thuốc nhận thấy sự đa dạng trong phương pháp chữa bệnh cũng như những nhóm bệnh được chữa trị ở mỗi dân tộc [20].

Bảng 1.3. Kết quả thu thập bài thuốc kinh nghiệm

Cộng đồng dân tộc thiểu số ở tỉnh Thái Nguyên	Số lượng bài thuốc thu thập	
	Số lượng	Bài thuốc kinh nghiệm theo nhóm bệnh
Dân tộc Tày	57	Bệnh tiêu hoá 13; Bệnh đường tiết niệu 6 Bệnh phụ nữ sinh sản 6; Bệnh ngoài da 6 Bệnh thần kinh 5; Bệnh cơ xương khớp 5 Bệnh trẻ em 5; Bệnh đường hô hấp 3; Chữa ngộ độc 2; Ung bướu 2; Bệnh răng miệng 2; Bệnh mắt 1; Chữa động vật cắn 1
Dân tộc Nùng	21	Bệnh xương – khớp 6; Bệnh tiêu hoá 5 Bệnh ngoài da 2; Bệnh đường tiết niệu 2; Bệnh đường hô hấp 2; Thuốc bổ 1; Cảm cúm 1; Cầm máu 1; Chữa động vật cắn 1
Dân tộc Sán Dìu	6	Bệnh xương – khớp 2; Bệnh tiêu hoá 2 Bệnh hô hấp 1; Bệnh ngoài da 1
Dân tộc Sán Chay	53	Bệnh ngoài da 9; Bệnh trẻ em 6; Bệnh đường tiêu hoá 9; Bệnh đường tiết niệu 6; Bệnh phụ nữ 5; Bệnh đường hô hấp 5; Bệnh xương – khớp 3; Bệnh thần kinh 3; Thuốc bổ 2; Răng miệng 2; Bệnh tim 1 Bệnh mắt 1; Chữa động vật cắn 1
Dân tộc Dao	43	Bệnh xương khớp 7; Bệnh tiết niệu 6; Bệnh phụ nữ 5; Bệnh thần kinh 3; Bệnh ở trẻ em 3; Bệnh ngoài da 2; Ung bướu 2; Bệnh tiêu hoá 5; Thuốc bổ 2; Cảm cúm, đậu lào 2; Răng miệng 1; Bệnh mắt 1; Chữa động vật cắn 1

Trong một nghiên cứu khác của Lê Thị Thanh Hương và cộng sự vào năm 2014 cho thấy tỉnh Thái Nguyên có 24 cây thuốc quý thuộc 18 chi, 17 họ của 2 ngành thực vật bậc cao có mạch nằm trong diện cần bảo vệ theo Sách đỏ Việt Nam (2007) [21].

- Tuyên Quang:

Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, đồng bào các dân tộc Tày và Dao đã có tập quán sử dụng thuốc nam để chăm sóc sức khỏe và chữa trị bệnh từ rất lâu đời. Các loài cây thuốc mà đồng bào Tày thường khai thác, sử dụng khá phong phú (223 loài/176 chi/84 họ) và nhiều hơn hẳn so với đồng bào dân tộc Dao (164 loài/136 chi/72 họ). Trong số đó có 151 loài/130 chi/71 họ được cả hai dân tộc cùng sử dụng làm thuốc [22].

- Hà Nội:

Khu vực núi Ba Vì sở hữu hơn 5000 loài dược liệu quý, tại đây đồng bào dân tộc Dao sống dưới chân núi Ba Vì đã bảo tồn, phát triển nghề thuốc nam lâu đời. Thuốc nam của người Dao ở Ba Vì có tác dụng chữa trị rất nhiều bệnh từ xương khớp, gan, thận, dạ dày, thần kinh, răng miệng, thuốc tắm cho phụ nữ sau sinh. Người Dao không chỉ biết dùng cây thuốc dưới dạng tươi hoặc khô để nấu nước tắm hoặc uống thì những năm gần đây, các bài thuốc được cải tiến thành dạng tiện lợi hơn như nấu cao, nghiền thành bột, thuốc nước để nhỏ, thuốc đắp [23].

- Một số tỉnh khác thuộc khu vực miền Bắc: Theo nghiên cứu của Phạm Thanh Huyền và cộng sự vào năm 2016, Hà Giang là một trong những tỉnh có nguồn tài nguyên thực vật nói chung và nguồn tài nguyên cây thuốc nói riêng phong phú bậc nhất nước ta, ghi nhận 1565 loài cây thuốc mọc tự nhiên, trong đó có 4 loài mới, 26 loài có tiềm năng khai thác, 97 loài thuốc quý hiếm thuộc dạng bảo tồn [24].

**Khu vực miền Trung:*

Xã Quy Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình có 77 loài, về giá trị sử dụng, có 12 loài chữa bệnh ngoài da, 14 loài chữa cảm, ho, hạ sốt, 11 loài

chữa bệnh đường tiêu hóa, 13 loài chữa tê thấp, đau nhức, 12 loài chữa bệnh phụ nữ và 15 loài chữa bệnh khác [25]. Nhìn chung, dược liệu tươi được dùng đun hoặc sắc để uống là chủ yếu và lá là bộ phận được sử dụng phổ biến nhất. Kết quả nghiên cứu cho thấy cộng đồng K'ho vẫn phụ thuộc vào cây thuốc (bài thuốc độc vị) để chữa trị một số bệnh như đau đầu, sốt, sốt rét, ỉa chảy, lỵ, gãy xương, bong gân và thấp khớp. Phạm Thi Kim Thoa et al. (2019) khẳng định khu bảo tồn Bà Nà (Núi Chúa) Đà Nẵng, thảo dược là hình thức phổ biến nhất của cây thuốc được sử dụng (35,36%), tiếp theo là cây (28,21%) và cây bụi (20%). Dựa trên kiến thức bản địa, thuốc nam ở đây được sử dụng để điều trị 15 bệnh khác nhau, phổ biến nhất là điều trị dạ dày, ruột kết, viêm ruột, bệnh gan và thận [26]. Theo Nguyễn Văn Ánh và cộng sự (2020) thống kê ở thành phố Đà Nẵng có 1.117 loài thực vật cho công dụng làm thuốc, trong đó có 25 loài có tiềm năng khai thác như câu đằng, chân chim, bách bộ, dạ cẩm, chè vằng, ... [27].

**Khu vực miền Nam:*

Khu vực núi Cấm, An Giang có 120 loài và rễ là bộ phận được sử dụng làm thuốc với tỉ lệ cao nhất. Thấp khớp, nhức mỏi, ho, sốt và tiêu chảy là các nhóm bệnh sử dụng cây thuốc ở đây điều trị hiệu quả nhất [28]. Vùng rừng ngập mặn huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu có 132 loài thực vật bậc cao có mạch có công dụng làm thuốc của 119 chi thuộc 65 họ trong 2 ngành thực. Các loài cây thuốc được sử dụng để chữa trị 24 nhóm bệnh khác nhau [29].

Trong báo cáo của Cục quản lý Y Dược cổ truyền - Bộ Y tế tại Hội nghị “Tăng cường kiểm soát nguồn gốc và chất lượng dược liệu” diễn ra tại Hà Nội vào tháng 9/2016 đã nêu rõ: Hằng năm ngành dược Việt Nam sử dụng khoảng 60.000 tấn dược liệu các loại, 80% - 85% nhập khẩu từ nước ngoài, chủ yếu là từ Trung Quốc, còn lại khoảng 1400 tấn dược liệu có nguồn gốc không rõ ràng. Nguồn tài nguyên dược liệu lớn như vậy, nhưng việc sử dụng dược liệu chủ yếu vẫn dựa vào nhập khẩu, sử dụng thuốc nam còn nhiều hạn chế [30].

1.2.2. Thực trạng thuốc nam trong tài liệu

Những kinh nghiệm phòng, chữa bệnh của ông cha ta qua nhiều thế hệ được các Danh y ghi chép đúc kết lại qua các tác phẩm YHCT nổi tiếng như “Nam dược thần hiệu”, “Hải thượng Y tông tâm lĩnh” với nhiều phương thuốc quý [3].

Trong cuốn “Nam y nghiệm phương – những bài thuốc Nam kinh nghiệm”, đã ghi lại khoảng 3000 bài thuốc chữa 440 chứng bệnh thuộc các chuyên khoa: Nội khoa, Phụ khoa, Nhi khoa, Ngũ quan khoa và Ngoại thương khoa sử dụng gần 900 vị thuốc. Bài thuốc được giới thiệu trong cuốn sách hầu hết là các bài thuốc nam, thuốc dân tộc do các lương y và nhân dân công hiến, không có tên gọi, tác giả đã chủ động đặt cho một tên gọi thích hợp để tiện sử dụng. Một số ít là bài cổ phương của Trung Quốc truyền sang đã được Việt Nam hóa [3]. Các bài thuốc được sắp xếp logic theo từng chuyên khoa, từng nhóm bệnh và hệ cơ quan. Thông tin về bài thuốc bao gồm: các vị thuốc thành phần, liều dùng, cách dùng, kiêng kỵ, 100% số bài thuốc không có thông tin công năng; hầu hết đã có thông tin chủ trị; trong đó, số bài thuốc mô tả chủ trị theo bệnh danh YHCT chiếm gần 15%, đa số bài thuốc mô tả chủ trị dạng liệt kê triệu chứng bệnh hoặc tên bệnh theo danh pháp của YHHĐ.

6. CAO LƯƠNG KHƯƠNG THANG	
Cao lương khương	8g
Đại táo	1 quả
Chủ trị:	
Đau bụng nôn mửa	
Cách dùng, liều lượng:	
Các vị cho vào 200ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày	

Hình 1.1. Phương thuốc trong Nam y nghiệm phương [3]

Trong cuốn “Tuệ Tĩnh toàn tập” – bộ Nam dược thần hiệu gồm bản thảo dược tính của 499 vị thuốc nam và 3932 bài thuốc nam ứng trị 184 loại bệnh được phân theo 10 khoa chữa bệnh: bệnh trúng, bệnh về khí, bệnh xuất huyết, bệnh có đau, bệnh không đau, bệnh chín khiếu, bệnh nội khoa, bệnh phụ khoa, bệnh nhi khoa, bệnh ngoại khoa. Bài thuốc không có tên riêng mà được sắp xếp theo tên của chúng/bệnh điều trị. Thông tin được nhắc đến mang tính liệt kê vị thuốc, cách dùng và một vài tác dụng bài thuốc theo kinh nghiệm. 100% số bài thuốc không có thông tin công năng, 100% thông tin chủ trị liệt kê triệu chứng bệnh hoặc tên bệnh mà bài thuốc đó có tác dụng điều trị [31].

18. Kinh trị ho ra máu, tức ngực là hỏa bức ở phổi:

Cải củ 3 củ già vắt lấy nước cốt một chén cho vào tý muối mà uống hết ngay.

19. Kinh trị ho ra đờm, khí xông lên thở dốc, khạc ra máu mũi:

Hột củ cải một vốc sắc nước uống sau bữa ăn.

20. Kinh trị ho ra máu:

- Rễ cỏ tranh, Tang bạch bì, Hạt dành dành sao đen. Các vị đều nhau sắc uống, bất cứ lúc nào.

- Lá sen khô, Hoa hòe sao qua, đều tán nhỏ, mỗi lần uống 2, 3 đồng hòa với nước dãi trẻ con mà uống rất hay.

Hình 1.2. Phương thuốc trong Tuệ Tĩnh toàn tập [31]

Trong cuốn “Toa thuốc Đông y cổ truyền Việt Nam”, bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng đã sắp xếp các toa thuốc theo chứng bệnh của các hệ thống cơ quan bao gồm: 234 bài thuốc trị bệnh hô hấp, 737 bài thuốc trị bệnh tiêu hoá, 61 bài thuốc trị bệnh tim mạch, 287 bài thuốc chữa bệnh cảm sốt – sốt rét, ... Nội dung tổng hợp gồm thành phần bài thuốc, liều dùng, cách dùng và một vài tác dụng điều trị, mà chưa có công năng chủ trị theo biện chứng của YHCT [32].

Trong cuốn “Đông dược cổ phương tập thành” tổng hợp hơn 2800 bài thuốc cao – đơn – hoàn – tán tập hợp từ những sách thuốc cổ điển của YHCT. Các bài thuốc được trình bày về xuất xứ, chủ trị, thành phần vị thuốc, điều

ché và cách dùng. Tuy nhiên sách chủ yếu đề cập đến vị thuốc bắc và cách phối ngũ, công năng chủ trị theo YHCT của Trung Quốc, chưa đề cập nhiều đến thuốc nam [33].

Nam Y cải cách bản thảo đã giới thiệu 400 vị thuốc thường dùng và các bài thuốc nam được dùng trong huấn luyện đào tạo đội ngũ y sinh thuộc hệ thống Tịnh độ cư sỹ Phật Hội Việt Nam, các vị thuốc, bài thuốc được giới thiệu dạng ca, vè nêu lên tác dụng và ứng dụng điều trị bệnh của các vị thuốc nam với những tên gọi theo vùng mà chưa có sự thống nhất trong thuật ngữ thông dụng. Các bài thuốc được giới thiệu mang tính kinh nghiệm, không có thông tin công năng; thông tin về chủ trị, liều lượng và cách dùng đều chưa rõ ràng [34].

Trong cuốn “Cơ bản tính thuốc ta” của cụ Lương y Nguyễn Kiều có ghi chép về 17 bài thuốc chính (Toa căn bản, Thuốc ho, Kê khương đường, Thuốc tê thấp,...) đi kèm là 14 loại thuốc hậu bị (thuốc tăng ôn, giảm ôn, thuốc trị táo bón, thuốc giải độc, thuốc bồi dưỡng thần kinh, ...) 100 vị thuốc đã qua kinh nghiệm bào chế, phối ngũ của cụ, cuối sách là bản thảo tứ ngôn với ngôn từ dễ đọc, dễ nhớ để vận dụng chữa trị [19].

Trong cuốn “Những bài thuốc kinh nghiệm Y học cổ truyền” của hội YHCT tỉnh Nghệ An xuất bản năm 1995 đã sưu tầm chọn lọc 150 bài thuốc kinh nghiệm trong tổng số hơn 2000 bài do các cụ lương y, ông lang bà mẹ trong tỉnh Nghệ An công hiến và in thành sách, được sắp xếp theo 5 chuyên khoa bao gồm: bệnh phụ khoa, nhi khoa, nội khoa, ngoại khoa, thuốc bổ dưỡng [35].

Đến năm 2012, hội Đông Y Nghệ An tiếp tục cho ra cuốn “Những bài thuốc Đông y xứ Nghệ” sau khi đã tổng hợp lại từ hơn 6000 bài thuốc được hội viên công hiến, lựa chọn ra trên 1000 bài thuốc có tác dụng lâm sàng cao sắp xếp theo từng chuyên khoa. Cuốn sách ghi lại kinh nghiệm chữa bệnh của

từng lương y về thành phần các vị thuốc, cách bào chế và sử dụng bài thuốc cho từng bệnh, tuy nhiên công năng chủ trị và biện chứng của bài thuốc không được đề cập đến [36].

Bài số 5: Cam mạo phong hàn

Công thức:

Thương truật	12gr	Xuyên khung	16gr
Bạch chỉ	16gr	Kinh giới	12gr
Mạn kinh tử	12gr	Quế chi	8gr
Khương hoạt	12gr	Tử tô	12gr
Chi xác	18gr	Sài hồ	8gr
Song bạch	12gr (sao)	Cam thảo	8gr
Gừng nướng	3 lát		

Cách dùng:

Đổ nước vừa đủ sắc còn 2/3 cho bệnh nhân uống lúc còn nóng

Người công hiến

Lương y PHÙNG VĂN CÁN

Nghi Thuận – Nghi Lộc – Nghệ An

Hình 1.3. Phương thuốc trong cuốn “Những bài thuốc kinh nghiệm YHCT” của hội Đông y tỉnh Nghệ An [35]

Các lương y đương thời và cộng đồng các dân tộc Việt Nam như Kinh, Thượng, Tày, Nùng, Dao, Mường, Mán,... đã hưởng ứng chủ trương của Đảng và Chính phủ cống hiến hàng vạn phương thuốc kinh nghiệm, bài thuốc, cây con thuốc gia truyền quý [3]. Trong buổi làm việc của Hội Đông Y- tỉnh Hoà Bình với Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam, nhiều vị lương y đã cung cấp những bài thuốc quý, gia truyền nhiều đời như: bài thuốc chữa viêm mũi dị ứng của lương y Bùi Văn Hạnh, bài thuốc chữa ung bướu của lương y Nguyễn Văn Tún, bài thuốc hỗ trợ tiểu đường của lương y Đỗ Chí Quyết, để tập hợp thành tài liệu hội nghề nghiệp.

1.3. Sơ lược về địa bàn nghiên cứu

1.3.1. Hà Nội

Hà Nội hiện nay có tọa độ địa lý từ $20^{\circ}53'$ đến $21^{\circ}23'$ vĩ độ Bắc và $105^{\circ}44'$ đến $106^{\circ}02'$ kinh độ Đông, tiếp giáp với các tỉnh Thái Nguyên - Vĩnh Phúc ở phía Bắc; Hà Nam - Hòa Bình ở phía Nam; Bắc Giang - Bắc Ninh - Hưng Yên ở phía Đông và Hòa Bình - Phú Thọ ở phía Tây.

Hà Nội thuộc vùng đồng bằng sông Hồng - đồng bằng châu thổ có nhiều ô trũng, tài nguyên quý giá nhất của vùng là đất phù sa sông Hồng. Địa hình Hà Nội vừa có đồi, núi và đồng bằng, trong đó diện tích của đồng bằng là lớn nhất (chiếm khoảng $\frac{3}{4}$ diện tích tự nhiên của thành phố). Độ cao trung bình từ 5 – 20m so với mực nước biển. Địa hình thấp dần từ Bắc xuống Nam, các đồi núi cao chủ yếu đều tập trung ở phía Bắc và phía Tây, đỉnh cao nhất là Ba Vì, Gia Dê, Chân Chim, [37]. Điều kiện khí hậu và thủy văn thuận lợi cho việc thâm canh tăng vụ trong sản xuất nông nghiệp. Thời tiết mùa đông rất phù hợp với một số cây ưa lạnh [38].

Trong những năm gần đây, trồng cây dược liệu được coi là mũi nhọn của ngành trồng trọt. Hà Nội đang phát triển vùng dược liệu hữu cơ tại Sóc Sơn, vùng dược liệu cổ truyền người Dao tại Ba Vì, du nhập và phát triển một số dược liệu quý, giá trị kinh tế cao tại Thạch Thất, Phú Xuyên, Đông Anh. Toàn thành phố Hà Nội có 729 vườn thuốc với diện tích 52.600 m^2 , các vườn thuốc có từ 149 loại cây thuốc trở lên. Thành phố có 2 trung tâm cung cấp thuốc đông dược là xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm với 250 hộ; phố Lãn Ông, quận Hoàn Kiếm với trên 100 hộ; nhiều làng xã chuyên trồng và kinh doanh các cây thuốc đông nam dược như hợp tác xã thuốc nam chùa Bộc, xã Vĩnh Quỳnh huyện Thanh Trì, xã Hồng Dương huyện Thanh Oai, ... Đặc biệt huyện Ba Vì vừa được công nhận là làng nghề truyền thống về YHCT [23], [39].

1.3.2. Thái Nguyên

Thái Nguyên thuộc vùng trung du và miền núi Bắc Bộ, là cửa ngõ giao lưu kinh tế xã hội giữa trung du miền núi với vùng đồng bằng Bắc Bộ, phía Bắc tiếp giáp với tỉnh Bắc Kạn, phía Tây giáp với các tỉnh Vĩnh Phúc, Tuyên Quang, phía Đông giáp với tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang và phía Nam tiếp giáp với thủ đô Hà Nội. Diện tích tự nhiên là 3.562 km². Địa hình không quá phức tạp so với các tỉnh trung du và miền núi khác, đây là một thuận lợi của Thái Nguyên cho canh tác nông lâm nghiệp và phát triển kinh tế xã hội nói chung so với các tỉnh trung du miền núi phía bắc khác. Một mặt khác, khí hậu tỉnh Thái Nguyên chia thành 2 mùa rõ rệt cùng với những thuận lợi về đất đai, tỉnh này sớm phát triển mạnh ngành nông lâm nghiệp, nổi tiếng có chè Tân Cương, nhà máy chế biến sữa Phở Yên [40].

Dân số Thái Nguyên khoảng 1,2 triệu người, trong đó có 8 dân tộc chủ yếu sinh sống đó là: Kinh, Tày, Nùng, Sán Dìu, Mông, Sán Chay, Hoa, Dao. Người Nùng ở Thái Nguyên biết nhiều loại cây thuốc chữa bệnh, bao gồm thuốc bổ, thuốc độc, thuốc chữa bệnh. Tuy nhiên phần lớn cây thuốc của đồng bào Nùng ở Thái Nguyên không có tên, thường chỉ gọi tên cây thuốc, bài thuốc theo công dụng của nó như “cây thuốc chữa gãy xương”, “bài thuốc chữa bong gân” [38], [21], [41].

1.3.3. Tuyên Quang

Tuyên Quang là tỉnh miền núi phía Đông Bắc, cách thủ đô Hà Nội 165km, phía Bắc giáp tỉnh Hà Giang, phía Đông giáp tỉnh Bắc Kạn, Thái Nguyên, phía Tây giáp tỉnh Yên Bái, phía Nam giáp tỉnh Vĩnh Phúc, Phú Thọ. Địa hình của Tuyên Quang khá phức tạp bị chia cắt nhiều dãy núi cao và sông suối. Do địa hình bị chia cắt nên Tuyên Quang có 2 tiểu khu khí hậu rõ rệt, cho phép phát triển nông lâm nghiệp đa dạng. Khí hậu Tuyên Quang mang đặc điểm khí hậu nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng của lục địa Bắc Á Trung Hoa, được chia thành 4 mùa rõ rệt: xuân, hạ, thu, đông [40].

Tuyên Quang là tỉnh có 22 dân tộc cư trú (dân tộc Dao, dân tộc Tày, dân tộc Sán Dìu, dân tộc Cao Lan, ...) mỗi cộng đồng các dân tộc sinh sống trên mảnh đất này đều có những nét văn hoá, phong tục tập quán chữa bệnh độc đáo. Tỉnh Tuyên Quang thực hiện trồng cây dược liệu dưới tán rừng tự nhiên với 10 đề tài dự án phát triển về cây dược liệu như trồng cây xạ đen, cà gai leo, thảo quả, ba kích, sa nhân [38], [22], [42].

1.4. Một số nghiên cứu về sử dụng thuốc nam

Tại Việt Nam, việc nghiên cứu về thuốc nam đã được tiến hành từ rất sớm, gắn liền với tên tuổi của nhiều danh y nổi tiếng như: Thiền sư Tuệ Tĩnh với bộ “Nam Dược Thần Hiệu” viết về 3932 bài thuốc nam ứng trị 184 loại bệnh, bản thảo dược tính 499 vị thuốc bằng thơ và 10 khoa chữa bệnh trong đó có 241 vị thuốc có nguồn gốc từ thực vật. Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác với bộ “Lĩnh Nam Bản Thảo” gồm 2 quyển: quyển thượng chép 496 kê thừa của Tuệ Tĩnh, quyển hạ ghi 305 vị bổ sung về công dụng mới phát hiện thêm [31], [43].

Thời kỳ Pháp thuộc, các nhà thực vật học phương Tây đã thống kê trên toàn Đông Dương có 1.350 cây thuốc thuộc 160 họ thực vật khác nhau. Mãi đến khi miền Bắc được giải phóng (1954), Việt Nam mới có nhiều điều kiện thuận lợi trong việc sưu tầm, nghiên cứu nguồn tài nguyên cây thuốc. Năm 1996, Võ Văn Chi đã công bố hệ thực vật làm thuốc ở Việt Nam có 3.200 loài (kể cả nấm) [44],[45].

Năm 2005, Lưu Đàm Cư đã xác định được 312 loài cây thuốc thuộc 88 họ mà người Dao ở Sa Pa sử dụng, tuy nhiên nghiên cứu chưa khai thác các phương thuốc kinh nghiệm của người dân địa phương [46].

Năm 2005, Hội Đông y Ninh Thuận điều tra được 677 bài thuốc của người Chăm nhưng đây chưa phải là những bài thuốc thực sự đặc hiệu của người Chăm, bởi những bài thuốc đặc hiệu là bửu bối, cần câu cơm cho nhiều gia đình người Chăm. Muốn khai thác những bài thuốc hay, chữa bệnh có hiệu quả nhất cần phải có chính sách đãi ngộ thỏa đáng [47].

Năm 2011 – 2014, Nguyễn Văn Dur đã điều tra thực vật dân tộc học về các bài thuốc của 14 dân tộc tại Tây Nguyên; thu thập 362 bài thuốc của các dân tộc trong đó có 315 bài thuốc độc vị, 32 bài sử dụng 2 loài cây thuốc, 9 bài sử dụng 3 loài cây thuốc và 6 bài sử dụng từ 4 loài cây thuốc trở lên. Từ đó đã lập danh lục cây thuốc tại Tây Nguyên gồm có 1.633 loài thuộc 6 ngành thực vật bậc cao có mạch, trong đó 51 loài cây thuốc bổ sung cho danh lục cây thuốc ở Tây Nguyên; 88 loài được ghi nhận trong Sách Đỏ Việt Nam (2007); thu thập 2.400 mẫu tiêu bản các loài cây thuốc thông qua [48].

Năm 2012, Đỗ Văn Tuân đã thống kê được tại vườn quốc gia Tam Đảo và vùng đệm có 461 loài cây thuốc. Người dân vùng đệm, chủ yếu là người Dao và Sán Dìu sử dụng gần 300 loài cây thuốc để chữa 16 nhóm bệnh khác nhau [49].

Năm 2016, Lê Thị Thanh Hương và cộng sự đã thống kê được 180 bài thuốc được phỏng vấn trực tiếp từ 46 thầy thuốc và người dân đồng bào các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu, Sán Chay và Dao của tỉnh Thái Nguyên điều trị chủ yếu nhóm bệnh tiêu hoá, cơ – xương – khớp, bệnh phụ nữ sinh sản [16], [21].

Nam Y cải cách bản thảo đã giới thiệu 400 vị thuốc thường dùng và các bài thuốc nam được dùng trong huấn luyện đào tạo đội ngũ y sinh thuộc hệ thống Tịnh độ cư sỹ Phật Hội Việt Nam, các vị thuốc, bài thuốc được giới thiệu dạng ca, về nêu lên tác dụng và ứng dụng điều trị bệnh của các vị thuốc nam với những tên gọi theo vùng mà chưa có sự thống nhất trong thuật ngữ thông dụng. Các bài thuốc được giới thiệu mang tính kinh nghiệm, chưa có phân tích kết cấu bài thuốc [34].

Trong cuốn Ba kiền Côn Lôn - Người lập sáng Trường thuốc nam Tuệ Tĩnh, tác giả là người học trò thừa kế của Lương y Nguyễn Kiền, đã giới thiệu 152 vị thuốc dưới dạng ca vè - các vị thuốc nam thường được Cố lương y Nguyễn Kiền sử dụng để chăm sóc sức khỏe cho các cán bộ cách mạng trong

thời gian bị tù ở Côn Đảo và những đúc kết của cố Lương y Nguyễn Kiều sau khi thành lập Trường Y Tuệ Tĩnh đã dày công tổng kết. Tuy nhiên, tài liệu cũng chưa giới thiệu đầy đủ về tác dụng và tính vị quy kinh của các vị thuốc này, vẫn có những tên gọi theo vùng miền. Ngoài ra, cuốn sách cũng giới thiệu nhiều bài thuốc kinh nghiệm của cố Lương y Nguyễn Kiều đã ghi chép và đúc kết kinh nghiệm trong quá trình hoạt động khám chữa bệnh cho cán bộ Đảng, nhà nước và nhân dân [50].

Trong cuốn những cây thuốc nam thông dụng ở Phú Yên do Bệnh viện YHCT Phú Yên là chủ nhiệm đề tài đã tiến hành điều tra, sưu tầm và xuất bản đã giới thiệu 117 cây thuốc nam và một số bài thuốc có vị thuốc nam tại Phú Yên [51]. Tuy nhiên, thông tin về cây thuốc cũng chỉ giới thiệu về tên khoa học, tên khác, cách trồng, tác dụng và liều dùng một cách vắn tắt, mà chưa nhắc đến công năng, chủ trị của các vị thuốc, bài thuốc.

Năm 1995, hội YHCT tỉnh Nghệ An đã sưu tầm chọn lọc 150 bài thuốc kinh nghiệm trong tổng số hơn 2000 bài do các cụ lương y, ông lang bà mẹ trong tỉnh Nghệ An công hiến và in thành cuốn “ Những bài thuốc kinh nghiệm Y học cổ truyền” [35]. Năm 2009, “Những cây thuốc Nghệ An” ra đời trên cơ sở kết quả điều tra nghiên cứu của các nhà khoa học của Viện dược liệu Bộ Y tế phối hợp với Sở Y tế tỉnh Nghệ An tiến hành khảo sát, điều tra. Cuốn sách giới thiệu 350 cây thuốc hiện có tại Nghệ An với những nội dung kết cấu định dạng phổ biến hiện nay, không có giới thiệu về tính vị quy kinh. Các thông tin mang tính tham khảo từ nguồn tư liệu sẵn có và thông qua điều tra lấy mẫu [52]. Đến năm 2012, hội Đông Y Nghệ An tiếp tục cho ra cuốn “Những bài thuốc Đông y xứ Nghệ” sau khi đã tổng hợp lại từ hơn 6000 bài thuốc được hội viên công hiến, lựa chọn ra trên 1000 bài thuốc có ứng dụng lâm sàng cao [36].

Thảo mộc quanh nhà thực dưỡng và làm thuốc của nhóm tác giả với mục tiêu giới thiệu 300 vị thuốc quanh nhà với nội dung như tên gọi, tên khác, tên khoa học, mô tả, bộ phận dùng, thành phần hóa học, tính vị quy kinh, tác

dụng chủ trị, liều dùng và món ăn bài thuốc. Nhóm tác giả đã giới thiệu tương đối đầy đủ theo các thành phần như mục tiêu đề ra nhằm cung cấp một cách toàn diện thông tin về các vị thuốc quanh nhà ngoài việc dùng để chữa bệnh còn làm món ăn trị liệu. Tuy nhiên, những thông tin trong cuốn sách thông qua việc tham khảo các tư liệu trong và ngoài nước, chưa thể hiện được những giá trị được đúc kết từ thực tiễn sử dụng của các thầy thuốc của Việt Nam, chưa thể hiện được giá trị chân thực của thuốc nam quanh nhà trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, thông tin còn mang tính tổng hợp, chưa đặc thù cho vùng [53].

Trong bộ sách Cây thuốc Việt Nam và những bài thuốc thường dùng của tác giả Nguyễn Việt Thân đã dày công sưu tầm và đúc kết. Tác giả đã cung cấp thông tin của hàng nghìn vị thuốc và cây thuốc với ảnh màu, giới thiệu tên khác, tên khoa học, mô tả, bộ phận dùng, thành phần hóa học, công dụng mà chưa có giới thiệu tính vị quy kinh và tác dụng theo y học cổ truyền. Ngoài ra, tác giả đã giới thiệu trong bộ sách gồm các bài thuốc thường dùng nhưng chỉ ở giới hạn là thành phần bài thuốc và cách dùng rất khái quát [54].

Các nghiên cứu trên thế giới về thực vật làm thuốc cũng được tiến hành từ thế kỷ XX. Theo thông tin của tổ chức y tế thế giới (WHO) đến năm 1985, trên toàn thế giới đã biết đến trên 20.000 loài thực vật bậc thấp, cũng như bậc cao (trong tổng số hơn 25.000 loài thực vật đã biết) được sử dụng trực tiếp để làm thuốc hay có xuất xứ cung cấp hoạt chất [55]. Trong đó, ở Trung Quốc đã có tới hơn 10.000 loài thực vật được coi là cây thuốc, Ấn Độ hơn 6000 loài, vùng nhiệt đới Đông Nam Á khoảng 6.500 loài. Được biết tại các quốc gia đang phát triển, hiện vẫn có một tỷ lệ lớn dân số (chiếm khoảng 80%) dựa vào nền y học cổ truyền để đáp ứng cho nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu, mà trong đó chủ yếu là sử dụng cây thuốc. Bên cạnh các phương thức dùng cây thuốc theo cách cổ truyền, như thuốc sắc, thuốc cao, thuốc bột, thuốc viên, thuốc chườm bó và xoa bóp. Nhiều loại thuốc hiện đại có nguồn gốc cây cỏ cũng được chế tạo, mang lại hiệu quả điều trị cao hơn. Xu hướng sử dụng cây thuốc theo hướng ngày càng được chú trọng và phát triển [56], [57].

Chương 2

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- 50 bài thuốc nam thường dùng được mô tả trong tài liệu và/hoặc thu thập được từ cộng đồng thông qua hoạt động điều tra phỏng vấn.

- Người có thể cung cấp thông tin về bài thuốc nam: người dân bản địa.

- Chuyên gia, người am hiểu về thuốc nam: giảng viên giảng dạy về y học cổ truyền, người làm công tác kế thừa thuốc nam, người làm công tác chuyên môn tại Hội đông y cấp huyện trở lên, bác sĩ y học cổ truyền công tác tại bệnh viện tuyến tỉnh trở lên.

2.1.1. Tiêu chuẩn lựa chọn

* *Bài thuốc mô tả trong tài liệu:*

Lựa chọn các bài thuốc nam trong tài liệu khi đáp ứng đầy đủ điều kiện sau:

- Bài thuốc nam có số lượng vị thuốc ≤ 10 ;

- Bài thuốc nam có tìm thấy ít nhất một thông tin công năng và/hoặc chủ trị từ tài liệu chính thống.

Tài liệu chính thống là tài liệu viết về bài thuốc nam, bài thuốc cổ truyền, dược liệu, vị thuốc nam như: giáo trình, tài liệu giảng dạy, sách chuyên khảo, tạp chí, ... của các nhà xuất bản có uy tín; báo cáo chuyên đề của hội nghề nghiệp, tài liệu của các bệnh viện YHCT, trang mạng khoa học có uy tín. Cụ thể các tài liệu chính sử dụng trong nghiên cứu này như sau:

- Bài giảng bệnh học nội khoa y học cổ truyền, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam [58];

- Bài giảng điều trị học nội khoa y học cổ truyền, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam [59];

- Giáo trình ngoại khoa y học cổ truyền, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam [60];

- Giáo trình sản phụ khoa y học cổ truyền, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam [61];
- Giáo trình nhi khoa y học cổ truyền, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam [62];
- Bài giảng lão khoa y học cổ truyền, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam [63];
- Bài giảng Y học cổ truyền, Trường đại học Y Hà Nội [64];
- Khái yếu Hải thượng Y tông tâm lĩnh [65];
- Tuệ Tĩnh toàn tập [31];
- Nam y nghiệm phương [3];
- Thuốc nam thuốc bắc [66];
- Toa thuốc đông y cổ truyền Việt Nam [32];
- Thuốc nam trị bệnh [67];
- Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam [7];
- Danh mục cây thuốc Việt Nam [68];
- Tài liệu của bác sĩ Hoàng Thủ [69].

** Bài thuốc thu thập từ cộng đồng:*

Lựa chọn các bài thuốc nam từ cộng đồng khi đáp ứng đầy đủ điều kiện sau:

- Bài thuốc nam cấu tạo từ các vị thuốc thành phần được thu hái, nuôi trồng, ... tại địa bàn nghiên cứu: Hà Nội, Thái Nguyên, Tuyên Quang;
- Bài thuốc nam chứa các vị thuốc thành phần có thu thập được hình ảnh mẫu vật tại địa phương nghiên cứu (ảnh chụp cây thuốc hoặc mẫu vật tươi hoặc mẫu vật khô do nhóm nghiên cứu trực tiếp thực hiện);
- Bài thuốc nam có thu thập được thông tin về chủ trị từ chuyên gia hoặc người dân bản địa.

Thông tin về bài thuốc nam ở cộng đồng được thu thập từ những người dân và/hoặc chuyên gia có kinh nghiệm sử dụng trực tiếp bài thuốc đó thông qua hoạt động điều tra, thu thập mẫu tại các địa điểm nghiên cứu.

2.1.2. Tiêu chuẩn loại trừ

- Bài thuốc chứa các vị thuốc thành phần không tra cứu hoặc không tìm hiểu được thông tin.

- Bài thuốc có thông tin về công năng, chủ trị không nhận được sự đồng thuận từ các chuyên gia.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

- Địa điểm: 3 tỉnh, thành phố tại miền Bắc, Việt Nam bao gồm: Hà Nội, Thái Nguyên, Tuyên Quang.

- Thời gian: Từ tháng 05 đến tháng 11 năm 2023.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Phương pháp mô tả thực trạng của 50 bài thuốc nam

2.3.1.1. Bài thuốc nam trong tài liệu

* *Phương pháp:*

Tra cứu, tổng hợp tài liệu.

* *Chỉ tiêu thu thập:*

- Thông tin chung:

+ Tên bài thuốc nam, thành phần bài thuốc.

+ Đường dùng, cách dùng, dạng bào chế.

+ Gia giảm, kiêng kỵ.

- Chủ trị: tên chứng bệnh, thể bệnh bài thuốc có thể can thiệp.

- Công năng: tác dụng của bài thuốc theo danh pháp YHCT.

* *Các bước tiến hành:*

- Bước 1: Suu tầm, lựa chọn tài liệu phù hợp theo tiêu chuẩn lựa chọn;

- Bước 2: Tra cứu, tổng hợp, tạo lập kho dữ liệu (ma trận dữ liệu) về thông tin ban đầu của bài thuốc nam trong tài liệu;

- Bước 3: Lựa chọn bài thuốc theo tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ;

- Bước 4: Trình bày kết quả, nhận xét và báo cáo.

2.3.1.2. Bài thuốc nam từ cộng đồng

* Phương pháp:

Sử dụng phương pháp điều tra mở của Nguyễn Thượng Dong (2006) trong cuốn “Nghiên cứu thuốc từ thảo dược” [70], tiến hành điều tra phỏng vấn, thu thập bài thuốc và cách sử dụng bài thuốc trong cộng đồng.

Kết hợp phương pháp phỏng vấn PRA (Participatory rapid appraisal), có sự tham gia của người dân theo nghiên cứu thực vật dân tộc học của Gary J. Martin [71]; phỏng vấn những người am hiểu về bài thuốc trong khu vực trên địa bàn 3 tỉnh Hà Nội, Thái Nguyên, Tuyên Quang.

* Chỉ tiêu thu thập:

- Tên bài thuốc nam, thành phần bài thuốc.
- Chủ trị: mô tả theo chứng bệnh, tên gọi được người cung cấp mô tả về bệnh/chứng mà bài thuốc có thể can thiệp được, ví dụ: viêm đại tràng, đau khớp, mất ngủ, mụn nhọt, ...
- Công năng: mô tả theo ngôn từ được người cung cấp mô tả về tác dụng của bài thuốc đang được sử dụng, ví dụ: tiêu viêm, giảm đau, an thần, lợi tiểu, giải độc, bổ gan, ...
- Thông tin khác về bài thuốc nam:
 - + Dạng bào chế: thuốc thang, tán, hoàn, cao, đơn, rượu, dùng tươi, ...
 - + Đường dùng/cách dùng: uống trong, xông, ngâm/tắm, đắp/chườm, ...
 - + Gia giảm, kiêng kỵ: khi dùng thường gia giảm thế nào? Kiêng kỵ thế nào?

* Các bước tiến hành:

- Bước 1: Xây dựng biểu mẫu thu thập thông tin ban đầu bài thuốc nam (*Biểu mẫu chi tiết tại phụ lục 3*);
- Bước 2: Sử dụng biểu mẫu để phỏng vấn, thu thập thông tin về bài thuốc nam từ người cung cấp thông tin;
- Bước 3: Chụp hình ảnh vị thuốc thành phần (*tạo tập ảnh theo phụ lục 6*);
- Bước 4: Trình bày kết quả, nhận xét và báo cáo.

2.3.2. Phương pháp mô tả công năng, chủ trị của 50 bài thuốc nam.

2.3.2.1. Mô tả chủ trị

*** Phương pháp:**

Phỏng vấn sâu, xin ý kiến đồng thuận chuyên gia.

*** Chỉ số nghiên cứu:**

Các đặc điểm về chứng bệnh mà bài thuốc có thể can thiệp được, bao gồm:

- Tên chứng bệnh;
- Tên thể bệnh và/hoặc đặc điểm theo bát cương của chứng bệnh.

*** Các bước tiến hành:**

- Bước 1: Xây dựng biểu mẫu phỏng vấn thu thập thông tin về Chủ trị bài thuốc (*Biểu mẫu chi tiết tại phụ lục 4*);

- Bước 2: Phỏng vấn sâu xác định thêm thông tin về bài thuốc:

+ Từ thông tin ban đầu về bài thuốc thông qua hoạt động của mục tiêu 1 (bao gồm hai nguồn: từ tài liệu và từ cộng đồng), sử dụng biểu mẫu (*phụ lục 4*) phỏng vấn sâu để xác định thêm về chủ trị, bệnh danh, thể bệnh của bài thuốc và các vị thuốc thành phần;

+ Sản phẩm là Bảng thông tin về Chủ trị của bài thuốc nam;

- Bước 3: Tổng hợp thông tin, trình bày thành biểu mẫu (*Phụ lục 5*);

- Bước 4: Xin ý kiến chuyên gia:

+ Xin ý kiến, tham vấn chuyên môn từ 20 chuyên gia về Chủ trị của bài thuốc nam. Chủ trị của bài thuốc được xác định khi nhận được ý kiến đồng thuận của ≥ 15 chuyên gia ($>70\%$);

+ Sản phẩm là Bảng xác định Chủ trị của bài thuốc nam.

2.3.2.2. Mô tả công năng

*** Phương pháp:**

Thống kê, đối sánh, luận suy, xin ý kiến đồng thuận chuyên gia.

*** Chỉ số nghiên cứu:**

Tác dụng của bài thuốc mô tả theo danh pháp y học cổ truyền:

- + Theo bát pháp: bổ, ích, dưỡng, tư, tả, thanh, hoạt, hành, tiêm, tán, ...
- + Theo vị trí tác dụng của bài thuốc: khí, huyết, can, thận, tỳ, phế, thận, âm, dương, ...

**Các bước tiến hành:*

- Bước 1: Xây dựng bảng đối sánh mối liên hệ giữa Chủ trị - Công năng:
 + Theo nguyên tắc: tương ứng với mỗi thể bệnh (được tra cứu từ tài liệu bệnh học và điều trị học [58], [59], [60], [61], [62], [63], [64]) có một pháp điều trị, luận suy thành công năng tương ứng.

+ Sản phẩm là bảng tra cứu xác định “Công năng” bài thuốc nam (*chi tiết tại phụ lục 7*);

- Bước 2: Tra cứu xác định công năng: từ thông tin về Chủ trị của bài thuốc đã được xác định, tra cứu và đối sánh để xác định Công năng của bài thuốc nam;

- Bước 3: Xin ý kiến chuyên gia:

+ Xin ý kiến, tham vấn chuyên môn từ 20 chuyên gia về Công năng của bài thuốc nam. Công năng của bài thuốc được xác định khi nhận được ý kiến đồng thuận của ≥ 15 chuyên gia ($>70\%$);

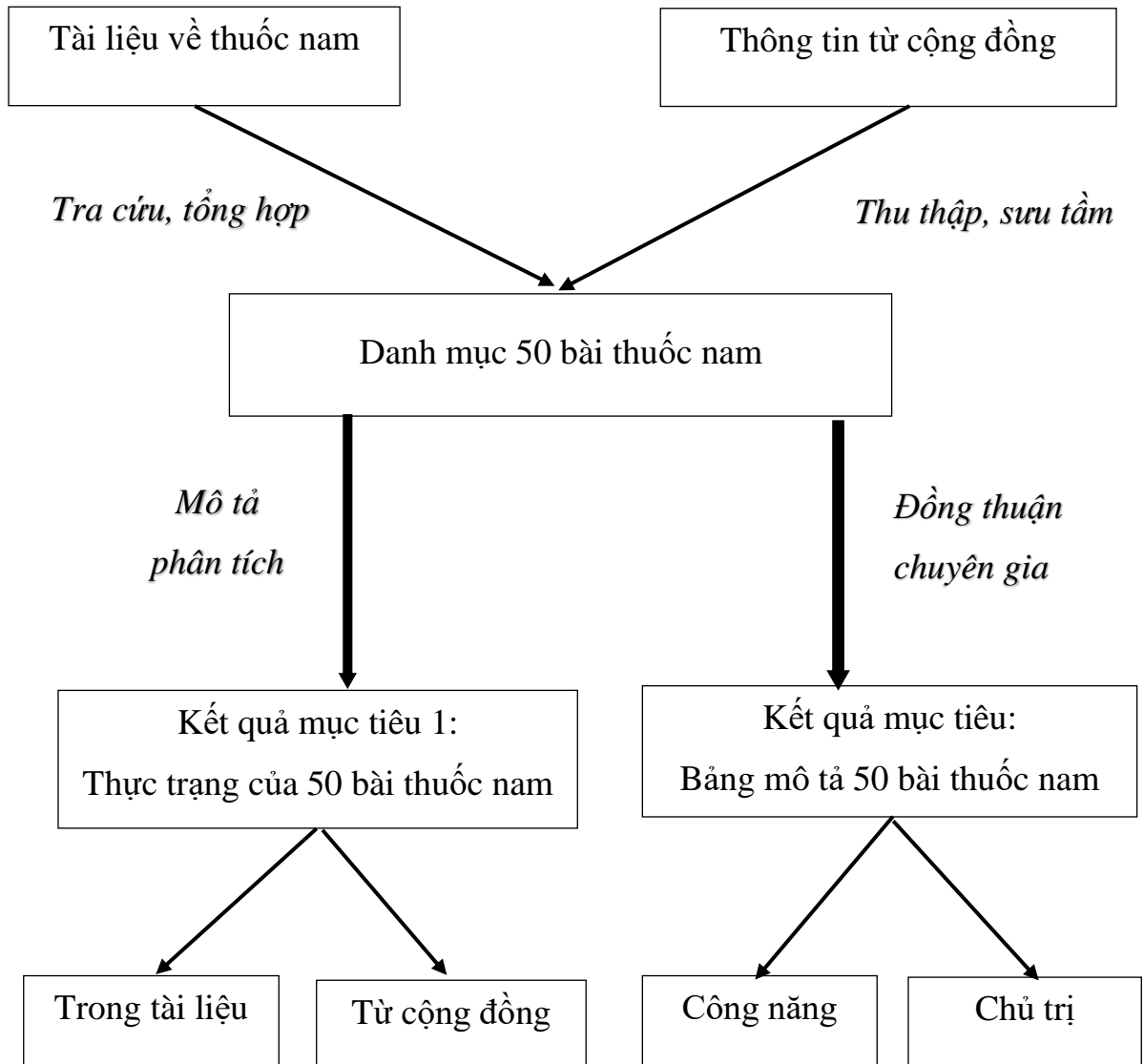
+ Sản phẩm là “Phiếu xin ý kiến về công năng, chủ trị của bài thuốc” (*chi tiết tại phụ lục 5*), Bảng tổng hợp ý kiến chuyên gia;

- Bước 4: Phân tích số liệu, kết luận về công năng, chủ trị của 50 bài thuốc nam.

2.4. Xử lý số liệu

Số liệu thu được trong nghiên cứu sẽ được thống kê, phân tích và xử lý bằng phần mềm Microsoft excel.

2.5. Sơ đồ nghiên cứu



Chương 3

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Căn cứ thông tin bài thuốc được tra cứu từ tài liệu (563 bài) và thông tin bài thuốc được cung cấp tại cộng đồng (41 bài), chúng tôi có dữ liệu ban đầu về 604 bài thuốc. Từ kho dữ liệu trên, chúng tôi tiến hành loại bỏ các bài thuốc không có thông tin cả về công năng và chủ trị, tiếp tục tạo dựng được kho dữ liệu về công năng, chủ trị của 138 bài thuốc. Sau khi khảo sát tại cộng đồng 3 tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Nội, căn cứ tính khả thi về mẫu cây thuốc tươi, sự có mặt của các vị thuốc thành phần trong bài thuốc tại địa điểm nghiên cứu, chúng tôi thu được 56 bài thuốc nam thỏa mãn tiêu chuẩn lựa chọn của đề tài. Những kết quả dưới đây, chúng tôi trình bày về thông tin của 56 bài thuốc này:

3.1. Thực trạng của 50 bài thuốc nam

3.1.1. Mô tả bài thuốc nam trong tài liệu, cộng đồng

3.1.1.1. Bài thuốc theo tài liệu

Bảng 3.1. Số lượng bài thuốc thu thập từ tài liệu

TT	Tên tài liệu	Số lượng bài thuốc
1	Nam Y nghiệm phương	17
2	Lão khoa YHCT	1
3	Tài liệu kế thừa của bác sĩ Hoàng Thủ	1
Tổng số		19

Nhận xét:

Trong nghiên cứu của chúng tôi, bài thuốc nam tra cứu từ tài liệu phù hợp để đưa vào nghiên cứu là 19 bài, chiếm 31,67% số bài thuốc được lựa chọn; tập trung chủ yếu trong tài liệu Nam Y nghiệm phương (89,48%), các tài liệu còn lại là 10,52%.

3.1.1.2. Bài thuốc từ cộng đồng

Bảng 3.2. Số lượng bài thuốc thu thập từ cộng đồng

TT	Tên địa phương	Số lượng bài thuốc	Tỷ lệ %
1	Thái Nguyên	10	27,03
2	Tuyên Quang	11	29,73
3	Hà Nội	16	43,24
Tổng số		37	100

Nhận xét:

Trong nghiên cứu của chúng tôi, bài thuốc nam thu thập được từ khu vực đồng bằng (Ba Vì) với tỷ lệ cao nhất (43,24%) chiếm gần một nửa tổng số bài thuốc thu thập từ cộng đồng, trong khi 2 tỉnh miền núi phía Bắc là Thái Nguyên và Tuyên Quang lần lượt là 27,03% và 29,73%.

3.1.2. Mô tả 50 bài thuốc nam được lựa chọn

Bảng 3.3. Thông tin ban đầu về bài thuốc nhóm cơ xương khớp

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng (nếu có)	Chủ trị (nếu có)	Nguồn gốc
1	Trừ phong thấp	Rễ cỏ xước, Rễ cỏ may, Rễ tràu không, Rễ lá lốt	<i>Không có</i>	Phong thấp đau nhức gan bàn chân	Tài liệu/ Thái Nguyên
2	Lung gối đau tê	Hà thủ ô đỏ, Ngưu tất (nam)	<i>Không có</i>	Lung gối đau mỏi do can thận hư	Ba Vì
3	Đau nhức xương khớp	Trầu lá gai, Ráy leo, Dây chiêu	<i>Không có</i>	Đau xương khớp thể hàn, có can thận hư	Ba Vì

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng (nếu có)	Chủ trị (nếu có)	Nguồn gốc
4	Chữa sưng khớp	Cây vòi voi tươi	<i>Không có</i>	Đau khớp thể nhiệt	Ba Vì
5	Lung gối nhức mỏi	Tơ hồng, Cỏ xước, Ngũ gia bì, Thiên niên kiện	<i>Không có</i>	Lung gối nhức mỏi	Thái Nguyên
6	Thuốc phong thấp	Dây chiêu, Cà gai leo, Vỏ cây gạo, Dây xấu hổ	<i>Không có</i>	Đau xương khớp thể hàn	Thái Nguyên
7	Phong tê thấp	Lá ắc ó, Dây gắm, Rễ lá lốt	<i>Không có</i>	Đau khớp thể hàn, can thận hư	Thái Nguyên
8	Đau nhức xương	Dây chìa vôi, Rễ cốt khí củ	<i>Không có</i>	Đau xương khớp thể hàn	Tuyên Quang

Nhận xét:

Bài thuốc nam nhóm cơ xương khớp được chọn vào nghiên cứu là 8 bài, đa số bài thuốc tìm được mẫu cây tươi tại Thái Nguyên (chiếm 50%). Thông tin ban đầu bao gồm: thành phần bài thuốc; thông tin về chủ trị liệt kê tên triệu chứng bệnh, mô tả theo ngôn ngữ thuần dân gian như: đau xương khớp, lung gối nhức mỏi, ... 100% số bài thuốc chưa có thông tin về công năng; 75% số bài thuốc có thông tin về thể bệnh hoặc đặc điểm theo bát cương của chứng bệnh điều trị (thể can thận hư, thể hàn, thể nhiệt, ...).

Bảng 3.4. Thông tin ban đầu về bài thuốc nhóm tiêu hóa

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng (nếu có)	Chủ trị (nếu có)	Nguồn gốc
1	Bột lá khô	Lá khô, Bồ công anh, Chút chít, Củ riềng, Nhân trần, Khổ sâm	<i>Không có</i>	Đau dạ dày thuộc nhiệt	Tài liệu/ Thái Nguyên
2	Đi ngoài ra máu	Lá cây phèn đen	Thăng đề chỉ huyết	Xuất huyết tràng vị	Thái Nguyên
3	Thuốc tiêu chảy	Búp ổi, Vỏ rụt, Riềng, Sa nhân tím	<i>Không có</i>	Tiêu chảy do hàn thấp	Thái Nguyên
4	Chữa bệnh gan	Quả dứa dại, Nhân trần bồ bồ, Chi thiên, Cam thảo	<i>Không có</i>	Thấp nhiệt can kinh	Thái Nguyên
5	Chữa lỵ	Hoa tai tọng đuôi chồn, Lá cây bông tai, Mơ lông	<i>Không có</i>	Kiết lỵ có đau bụng, mót rặn	Ba Vì
6	Ỉa chảy thấp nhiệt	Lá nhội, Lá thổ mật leo, Lá bồ cu vễ	<i>Không có</i>	Ỉa chảy do thấp nhiệt	Ba Vì
7	Chữa tiêu chảy	Lá nhót chua	<i>Không có</i>	Tiêu chảy thể nhiệt	Ba Vì
8	Đau dạ dày	Lá vú sữa	<i>Không có</i>	Đau dạ dày có khí trệ	Thái Nguyên

Nhận xét:

Bài thuốc nam nhóm tiêu hóa được chọn vào nghiên cứu là 8 bài, bài thuốc chủ yếu tìm được mẫu cây tươi tại 2 tỉnh Thái Nguyên (62,5%) và Ba Vì (37,5%). Thông tin ban đầu bao gồm: các vị thuốc thành phần; thông tin chủ trị là triệu chứng bệnh hoặc tên bệnh theo danh pháp YHHĐ: tiêu chảy, đau dạ dày ... 87,5% số bài thuốc chưa có thông tin về công năng; 100% bài thuốc có thông tin khái quát về thể bệnh (thể hàn thấp, thể khí trệ, ...).

Bảng 3.5. Thông tin ban đầu về bài thuốc nhóm tuần hoàn

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng (nếu có)	Chủ trị (nếu có)	Nguồn gốc
1	Chữa tăng huyết áp	Lá mò mâm xôi, Rau dứa cạn, Râu ngô	<i>Không có</i>	Huyết áp cao	Tuyên Quang
2	Chữa huyết áp	Rễ bạch hạc, Rau má, Lá tre	<i>Không có.</i>	Huyết áp cao	Tuyên Quang
3	Hạ áp an thần	Rau dứa cạn, Lá đinh lăng, Hoa hòe, Cam thảo đất	<i>Không có.</i>	Huyết áp cao, mất ngủ	Tuyên Quang
4	Chè dứa cạn hoa đại lá dâu	Lá dứa cạn khô, Hoa đại khô, Lá dâu khô	<i>Không có</i>	Tăng huyết áp	Tài liệu/ Tuyên Quang
5	Cao trâu cổ	Trâu cổ, Đỗ đen, Đường trắng	Bổ can thận âm	Thiếu máu do bệnh lý tủy	Tài liệu/ Thái Nguyên

Nhận xét:

Bài thuốc nam nhóm tuần hoàn được chọn vào nghiên cứu là 5 bài, chủ yếu tìm được mẫu cây tươi tại Tuyên Quang (chiếm 80%). Số lượng bài thuốc điều trị bệnh huyết áp chiếm đa số (80%). Thông tin ban đầu bao gồm: thành phần bài thuốc; chủ trị là tên bệnh theo danh pháp YHHĐ như: tăng huyết áp, thiếu máu; 80% bài thuốc không có thông tin về công năng, 100% bài thuốc không có thông tin về thể bệnh.

Bảng 3.6 Thông tin ban đầu về bài thuốc nhóm hô hấp

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng (nếu có)	Chủ trị (nếu có)	Nguồn gốc
1	Viêm mũi dị ứng	Cây cút lợn, Lá bạc hà, Lá rẻ quạt	<i>Không có</i>	Viêm mũi dị ứng	Tài liệu/ Thái Nguyên
2	Chữa hen	Dây tơ hồng; Lá táo chua	<i>Không có</i>	Hen suyễn	Tài liệu/ Ba Vì
3	Chữa ho	Lược vàng tươi, Lá tai tượng xanh	<i>Không có</i>	Ho có đờm thể nhiệt chứng	Ba Vì
4	Ho hen	Lá bông bông, Cỏ sữa lá to, Lá dâu	<i>Không có</i>	Hen suyễn, ho đàm	Ba Vì
5	Chữa ho	Hoa đu đủ đực, Lá hẹ	<i>Không có</i>	Ho do lạnh, ho có đờm	Tuyên Quang
6	Chữa ho	Lá xương sông, Mật ong	<i>Không có</i>	Ho do lạnh, ho có đờm	Tuyên Quang

Nhận xét:

Bài thuốc nam nhóm hô hấp được chọn vào nghiên cứu là 6 bài, bài thuốc có mẫu cây tươi tìm được nhiều nhất tại Ba Vì (chiếm 50%). Thông tin ban đầu bao gồm: các vị thuốc thành phần; thông tin chủ trị mô tả triệu chứng bệnh theo ngôn ngữ thuần dân gian như ho do lạnh, ho có đờm, ..., 66,67% số bài thuốc chủ trị đàm chứng (nhiệt đàm, hàn đàm); 100% số bài thuốc chưa có thông tin công năng, 4/6 bài thuốc có thông tin đặc điểm theo bát cương của chứng bệnh chủ trị (thể nhiệt chứng, ho do lạnh, ...).

Bảng 3.7 Thông tin ban đầu về bài thuốc nhóm tiết niệu

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng (nếu có)	Chủ trị (nếu có)	Nguồn gốc
1	Chữa đái máu	Thân rễ dứa dại, Lá cối xay, Lá phèn đen	<i>Không có</i>	Đái máu kèm theo buốt, rắt	Thái Nguyên
2	Tiểu nóng, tiểu đục	Lá vối, Râu ngô; Liều lượng bằng nhau	<i>Không có</i>	Tiểu đục, tiểu nóng	Thái Nguyên
3	Tiểu buốt rắt	Lá mảnh cộng, Râu mè, Vọng cách	<i>Không có</i>	Nhiễm trùng tiết niệu	Tuyên Quang
4	Chữa bí tiểu	Thài lài, Mã đề, Dây hạt bí	<i>Không có</i>	Tiểu khó, bí tiểu kèm nóng rắt	Tuyên Quang
5	Tiểu buốt rắt	Mã đề, Cỏ màn trâu, Cối xay, Cỏ tranh	<i>Không có</i>	Lâm chứng thể nhiệt	Ba Vì
6	Tiểu khó	Quả dứa dại, Mã đề, Cỏ tranh, Râu ngô	<i>Không có</i>	Tiểu bí thể thấp nhiệt hạ tiêu	Ba Vì

Nhận xét:

Bài thuốc nam nhóm tiết niệu được chọn vào nghiên cứu là 6 bài, 100% các bài thuốc đều được thu thập từ cộng đồng. Thông tin ban đầu về bài thuốc bao gồm các vị thuốc thành phần, 100% số bài thuốc chưa có thông tin về công năng; thông tin về chủ trị bài thuốc liệt kê triệu chứng bệnh (tiểu buốt, tiểu rắt, tiểu máu, ...) hoặc tên bệnh danh theo YHHĐ (nhiễm trùng tiết niệu, ...), một vài thông tin về thể bệnh hàn, nhiệt.

Bảng 3.8. Thông tin ban đầu về bài thuốc nhóm tâm thần thần

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng (nếu có)	Chủ trị (nếu có)	Nguồn gốc
1	Bình vôĩ thang	Củ bình vôĩ; Liên tâm; Chè vàng	<i>Không có</i>	Mất ngủ	Tài liệu/ Thái Nguyên
2	Hoàn bình thảo	Bình vôĩ; Hoài sơn; Thảo quyết minh; Liên nhục	<i>Không có</i>	Khó ngủ, mất ngủ.	Tài liệu/ Thái Nguyên
3	Lạc tiên thang	Dây lạc tiên, Lá vông, Lá dâu, Trinh nữ	<i>Không có</i>	Mất ngủ.	Tài liệu/ Thái Nguyên
4	Chữa mất ngủ	Thảo quyết minh tử, Lạc tiên, Lá vông, Lá sen	<i>Không có</i>	Mất ngủ có nhiệt chứng.	Ba Vì
5	Đau kẽ sườn	Cành cúc tần khô, Cam thảo đất	<i>Không có</i>	Đau ngực có khí trệ, nhiệt chứng	Ba Vì

Nhận xét:

Bài thuốc nam nhóm tâm thần kinh được chọn vào nghiên cứu là 5 bài, trong đó số bài thuốc điều trị mất ngủ chiếm 80%. Bài thuốc tìm được mẫu cây tươi tập trung ở 2 tỉnh Thái Nguyên (60%) và Ba Vì (40%). Thông tin ban đầu về bài thuốc bao gồm: thành phần; thông tin chủ trị liệt kê triệu chứng bệnh theo ngôn ngữ thuần dân gian (đau ngực, khó ngủ, ...); 100% số bài thuốc chưa có công năng, 40% bài thuốc có thông tin khái quát về thể bệnh hàn nhiệt.

Bảng 3.9. Thông tin ban đầu về bài thuốc nhóm sản phụ khoa

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng (nếu có)	Chủ trị (nếu có)	Nguồn gốc
1	Kinh nguyệt ra nhiều	Cỏ nhọ nồi, Cam thảo đất, Hòe hoa sao	<i>Không có</i>	Kinh nguyệt ra nhiều và kéo dài	Tài liệu/ Thái Nguyên
2	Kinh nguyệt không đều	Hương phụ; Ngải cứu; Ích mẫu	<i>Không có</i>	Kinh nguyệt không đều	Tài liệu/ Ba Vì
3	Thuốc điều kinh	Lá mò tím, Ích mẫu, Ngải cứu, Củ gấu	<i>Không có</i>	Rối loạn kinh nguyệt có huyết ứ	Thái Nguyên
4	Bạch đới, lậu huyết	Cải trời, Hy thiêm, Huyết dụ, Bạch đồng nữ	<i>Không có</i>	Bạch đới, lậu huyết thể nhiệt	Tuyên Quang
5	Phụ nữ tiểu rất	Lục lạc, Rau dứa nước, Mã đề	<i>Không có</i>	Thấp nhiệt hạ tiêu, bạch đới	Tuyên Quang
6	Ngân bô thang	Kim ngân hoa, Bô công anh, Vòi voi, Lá mỏ quạ	<i>Không có</i>	Phụ nữ viêm tuyến vú	Tài liệu/ Tuyên Quang

Nhận xét:

Bài thuốc nam nhóm sản phụ khoa được chọn vào nghiên cứu là 6 bài, trong đó bài thuốc điều trị bệnh kinh nguyệt chiếm đa số (66,67%). Thông tin về bài thuốc bao gồm: các vị thuốc thành phần; 33,33% số bài thuốc có chủ trị theo bệnh danh YHCT, số còn lại trình bày tên bệnh hoặc triệu chứng bệnh theo danh pháp YHHĐ; 100% số bài thuốc chưa có thông tin công năng; 50% số bài thuốc có thông tin khái quát về thể bệnh: huyết ứ, thấp nhiệt, ...

Bảng 3.10. Thông tin ban đầu về bài thuốc nhóm ngoại khoa

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng (nếu có)	Chủ trị (nếu có)	Nguồn gốc
1	Bó gãy xương	Lá thanh táo tươi	<i>Không có</i>	Bó gãy xương.	Tài liệu/ Thái Nguyên
2	Trĩ nội xuất huyết	Hoa hòe sao, Sinh địa, Cỏ mực sao, Trắc bá diệp sao	Lương huyết chỉ huyết, hoạt huyết khử ứ	Trĩ nội xuất huyết hay thể huyết ứ.	Tài liệu/ Ba Vì
3	Chữa trĩ	Lá mảnh bát, Rau diếp cá, Hoa mào gà, Xơ mướp.	<i>Không có</i>	Hạ trĩ thể thấp nhiệt, huyết ứ	Ba Vì
4	Cao tiêu ứ	Bạch hoa xà thiệt thảo, Xạ đen, Trâu cổ	<i>Không có</i>	Chứng tích tụ tam tiêu	Thái Nguyên
5	Bong gân đau khớp	Lá náng tươi	<i>Không có</i>	Chấn thương có huyết ứ	Tuyên Quang
6	Lở loét miệng	Lá bở mảy 1 năm	<i>Không có</i>	Viêm loét miệng	Tuyên Quang
7	Chữa đau răng	Quả lộc vùng già	<i>Không có</i>	Đau răng	Ba Vì

Nhận xét:

Bài thuốc nam nhóm bệnh ngoại khoa được chọn vào nghiên cứu là 7 bài, bài thuốc tìm được mẫu cây tươi phân bố đều theo 3 địa phương nghiên cứu. Thông tin ban đầu bao gồm: vị thuốc thành phần, hầu hết bài thuốc chưa

có thông tin công năng; thông tin chủ trị mô tả triệu chứng bệnh hoặc bệnh danh YHHĐ: trĩ nội, gãy xương, ... 42,86% số bài thuốc có thông tin khái quát về thể bệnh (thể thấp nhiệt, thể huyết ú, ...)

Bảng 3.11. Thông tin ban đầu về bài thuốc nhóm bệnh ngoại cảm

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng (nếu có)	Chủ trị (nếu có)	Nguồn gốc
1	Bài thuốc xông cảm	Lá hồng bì; Lá bưởi; Lá cúc tần, Ngải cứu, Củ sả	<i>Không có</i>	Cảm mạo phong hàn	Tài liệu/ Thái Nguyên
2	Sốt xuất huyết thời kỳ sơ khởi	Lá cối xay, Cỏ mực, Lá mã đề, Lá khế	<i>Không có</i>	Sốt xuất huyết thời kì sơ khởi	Tài liệu/ Thái Nguyên
3	Giải cảm phong nhiệt	Cỏ nhọ nồi, Lá dâu, Rau má, Bạc hà	<i>Không có</i>	Cảm mạo do phong nhiệt	Tài liệu/ Thái Nguyên
4	Dị ứng thời tiết	Lá đơn đỏ, Lá xấu hổ tía, Lá cối xay	<i>Không có</i>	Mẩn ngứa ngoài da do dị ứng	Tài liệu/ Thái Nguyên
5	Chữa cảm nắng	Lá bọ mắm, Rau má, Quả cà chua	<i>Không có</i>	Cảm thử	Ba Vì

Nhận xét:

Bài thuốc nam nhóm bệnh ngoại cảm được chọn vào nghiên cứu là 5 bài, chủ yếu tìm được mẫu cây tươi tại tỉnh Thái Nguyên (chiếm 80%). Thông tin ban đầu bao gồm: thành phần, 100% bài thuốc không có thông tin về công năng, thông tin chủ trị bài thuốc trình bày dưới dạng: bệnh danh YHCT là 2 bài, triệu chứng bệnh hoặc bệnh danh theo YHHĐ là 3 bài. Hầu hết bài thuốc có thông tin khái quát về thể bệnh hàn, nhiệt.

3.2. Công năng, chủ trị của 50 bài thuốc nam

3.2.1. Mô tả chung

Từ thông tin dự kiến của 56 bài thuốc nam, tiến hành thảo luận, đối sánh luận suy; với mỗi bài thuốc, nhóm nghiên cứu tham vấn ý kiến chuyên môn từ 20 chuyên gia, những người am hiểu về thuốc nam. Kết quả: 50 bài thuốc nam được xác định công năng, chủ trị (đảm bảo tỷ lệ đồng thuận trên 70%); 6 bài thuốc không đạt được đồng thuận. Kết quả dưới đây, chúng tôi mô tả về công năng, chủ trị của 50 bài thuốc này theo từng nhóm bệnh:

Bảng 3.12. Số lượng bài thuốc được đồng thuận phân theo nhóm bệnh

STT	Tên nhóm	Số lượng bài thuốc
1	Cơ xương khớp	8
2	Tiêu hóa	8
3	Hô hấp	6
4	Tiết niệu	6
5	Sản phụ khoa	5
6	Ngoại khoa	5
7	Ngoại cảm	5
8	Chủ trị khác	7
Tổng số		50

Nhận xét:

Số lượng bài thuốc nam được xác định công năng, chủ trị trong nghiên cứu của chúng tôi là 50 bài, trong đó phân bố vào 2 chuyên khoa cơ xương khớp, tiêu hóa chiếm tỷ lệ cao nhất (chiếm 32%). Số bài thuốc điều trị nhóm bệnh tuần hoàn, tâm thần kinh và bệnh răng miệng thu được đồng thuận thấp (dưới 70% số người tham vấn), tổng là 7 bài.

3.2.2. Mô tả công năng, chủ trị bài thuốc nam nhóm cơ xương khớp

Bảng 3.13. Công năng, chủ trị của bài thuốc nhóm cơ xương khớp

T T	Tên bài thuốc	Thành phần	PP dùng	Công năng	Chủ trị	Đồng thuận (%)	Khác
1	Trừ phong thấp	Rễ cỏ xước, Rễ cỏ may, Rễ trầu không, Rễ lá lốt; lượng bằng nhau (15g)	Uống ngày 1 thang, 15 – 20 ngày	Khu phong, tán hàn, trừ thấp, thông kinh lạc	Chứng tý thể phong hàn thấp	100	-
2	Lung gối nhức mỏi	Hạt tơ hồng 10g; Cỏ xước 20g, Ngũ gia bì 15g; Thiên niên kiện 10g	Uống ngày 1 thang, 10 – 14 ngày	Bổ can thận, dưỡng cân cốt, trừ phong thấp, thông kinh lạc	Chứng tý thể can thận hư, kiêm phong hàn thấp	95	-
3	Thuốc phong thấp	Dây chiêu 20g, Cà gai leo 12g, Vỏ cây gạo 12g, Dây xấu hổ 20g	Uống ngày 1 thang, 3-4 tuần	Trừ phong thấp, hoạt huyết thông kinh	Chứng tý thể phong hàn thấp	85	Bổ can thận - Can thận hư
4	Phong tê thấp	Lá ắc ó 20g, Dây gắm 10g, Rễ lá lốt 10g	Uống ngày 1 thang, 10-15 ngày	Khu phong trừ thấp, hoạt huyết thông kinh	Chứng tý thể can thận hư, phong hàn thấp	80	-
5	Đau nhức xương	Dây chìa vôi 30g, Rễ cốt khí củ 15g	Uống ngày 1 thang, 3-4 tuần	Khu phong trừ thấp, thư cân dưỡng cốt, bổ can thận	Chứng tý thể can thận hư, phong hàn thấp	80	-

T T	Tên bài thuốc	Thành phần	PP dùng	Công năng	Chủ trị	Đồng thuận (%)	Khác
6	Lung gối đau tê	Hà thủ ô đỏ, Nguu tất (nam); liều bằng nhau	Thuốc hoàn, 50 – 60 viên/lần	Bổ can thận, dưỡng huyết thư cân, thông kinh lạc	Chứng tý do can thận hư	100	Hoạt huyết khứ ú
7	Đau nhức xương khớp	Trầu lá gai 10g, Ráy leo 30g, Dây chiều 30g	Uống ngày 1 thang, 20-30 ngày	Trừ phong thấp, thông kinh lạc, trừ thống tý	Chứng tý thể can thận hư, phong hàn thấp	85	-
8	Chữa sung khớp	Cây vòi voi tươi	Đắp ngoài, 3-5 ngày	Hoạt huyết tiêu thũng, tán ú chỉ thống	Chứng tý thể thấp nhiệt, huyết ú	95	Thanh nhiệt

Nhận xét:

Bài thuốc nam nhóm cơ xương khớp có tỷ lệ đồng thuận cao (trung bình khoảng 90%), được xác định công năng, chủ trị là 8 bài; trong đó: 50% số bài thuốc chủ trị bệnh chứng hư thực thác tạp (can thận hư, phong hàn thấp xâm nhập); 37,5% số bài thuốc chủ trị bệnh thực chứng (phong hàn thấp/phong nhiệt thấp); 12,5% số bài thuốc chủ trị bệnh hư chứng (can thận hư). Trong đó, đa số bài thuốc chủ trị chứng tý thể hàn (chiếm 87,5% tổng số bài), dạng thuốc dùng theo đường tiêu hóa; chứng tý thể nhiệt chiếm số lượng ít (chiếm 12,5%), dạng thuốc dùng theo đường da.

3.2.3. Mô tả công năng, chủ trị bài thuốc nam nhóm tiêu hóa

Bảng 3.14. Công năng, chủ trị của bài thuốc nhóm tiêu hóa

T T	Tên bài thuốc	Thành phần	PP dùng	Công năng	Chủ trị	Đồng thuận (%)	Khác
1	Thuốc tiêu chảy	Búp ổi 100g, Vỏ rụt 50g, Riềng 50g, Sa nhân 10g	Thuốc bột, uống 6-8g/ ngày	Ôn trung trừ hàn, sáp trường chi tả	Tiết tả thể hàn thấp	100	-
2	Chữa bệnh gan	Quả dứa dại 20g, Nhân trần bò bò 15g, Chi thiên 15g, Cam thảo đất 15g	Uống ngày 1 thang, 20-30 ngày	Thanh nhiệt giải độc, lợi thủy trừ thũng	Chứng thấp nhiệt can kinh	90	Thoái hoàng - Hoàn g đản
3	Chữa ly	Hoa tai tượng đuôi chồn 20g, Lá cây bông tai 5g, Mơ lông 10g	Uống ngày 1 thang, 3- 5 ngày	Thanh nhiệt trừ thấp, chỉ thống, chỉ tả	Lỵ tật, Phúc thống thể thấp nhiệt	75	-
4	Ỉa chảy thấp nhiệt	Lá nhội 20g, Lá thổ mật leo 20g, Lá bò cu vễ 10g	Uống ngày 1 thang, 3- 5 ngày	Thanh nhiệt trừ thấp, sáp trường chỉ tả	Tiết tả thể thấp nhiệt	80	-
5	Bột lá khôi	Lá khô 500g, Bồ công anh 250g, Chút	Thuốc tán bột uống, 7- 10 ngày	Thanh thấp nhiệt tỳ vị, giải độc nhuận tràng	Vị quản thống thể nhiệt	95	Chỉ thống

T T	Tên bài thuốc	Thành phần	PP dùng	Công năng	Chủ trị	Đồng thuận (%)	Khác
		chít 100g, Nhân trần 100g, Khổ sâm 50g					
6	Đi ngoài ra máu	Lá cây phèn đen 40g	Uống ngày 1 thang, 3- 5 ngày	Thanh nhiệt trừ thấp, thăng đề, chỉ huyết	Kiết ly, trĩ hạ thể thấp nhiệt tràng vị	90	Bàng quang thấp nhiệt
7	Chữa tiêu chảy	Lá nhót chua 30g	Sắc uống ngày 1 thang.	Thanh nhiệt trừ thấp ở tràng vị	Tiết tả thể thấp nhiệt tràng vị	75	-
8	Đau dạ dày	Lá vú sữa 10-12g	Đun nước uống 1 tuần	Hoạt huyết, tán ứ, chỉ thống	Vị quản thống thể khí trệ, huyết ứ	90	-

Nhận xét:

Bài thuốc nam nhóm tiêu hóa được xác định công năng chủ trị là 8 bài (100% số bài thuốc chọn vào nghiên cứu đạt tỷ lệ đồng thuận >75%); phân bố theo 3 nhóm bệnh: Tiết tả 5 bài; Vị quản thống 2 bài; Gan mật 1 bài. Trong đó, đa số bài thuốc điều trị bệnh chứng thể nhiệt (87,5%); bệnh chứng thể hàn chiếm số lượng ít (12,5%); 100% bài thuốc có dạng dùng theo đường tiêu hóa. “Chữa tiêu chảy” là bài thuốc đạt đồng thuận về công năng, chủ trị cao nhất (100%); các bài thuốc khác được nhóm chuyên gia bổ sung thêm về thông tin về công năng, chủ trị.

3.2.4. Mô tả công năng, chủ trị bài thuốc nam nhóm hô hấp

Bảng 3.15. Công năng, chủ trị của bài thuốc nhóm hô hấp

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	PP dùng	Công năng	Chủ trị	Đồng thuận (%)	Khác
1	Viêm mũi dị ứng	Cây cứt lợn 12g, Bạc hà 8g, Rẻ quạt 4g	Uống ngày 1 thang, 5-7 ngày	Sơ phong giải biểu, tuyên phế thấu chẩn	Tỵ viêm do thời tà	95	-
2	Chữa ho	Lược vàng 5g, Lá tai tượng xanh 5g	Uống dạng tươi, 3-5 ngày	Thanh phế hóa đàm, chỉ khái	Khái thấu thể nhiệt đàm	75	-
3	Ho hen	Lá bông bông 12g, Cỏ sữa 10g, Lá dâu 20g	Sắc uống ngày 01 thang	Khư đàm định suyễn	Khí suyễn thể đàm ẩm	80	-
4	Chữa hen	Dây tơ hồng 30g, Lá táo chua 30g	Uống ngày 1 thang, 10-15 ngày	Bổ thận nạp khí, bình suyễn	Khí suyễn thể hư chứng	75	-
5	Chữa ho	Hoa đu đủ đực 15g, Lá hẹ 15g	Uống dạng tươi, 7-10 ngày	Ôn phế hóa đàm, chỉ khái	Khái thấu thể hàn đàm	100	-
6	Chữa ho	Xương sông 2-3 lá, mật ong 5 thìa	Uống dạng tươi, 3-5 ngày	Ôn phế hóa đàm, chỉ khái	Khái thấu thể hàn đàm	95	Kiện tỳ tiêu thực

Nhận xét:

Bài thuốc nam nhóm hô hấp được xác định công năng, chủ trị là 6 bài, (tỷ lệ đồng thuận trung bình khoảng 86%) phân bố theo 3 nhóm bệnh: ty viêm 1 bài; khái thấu 3 bài; khí suyễn 2 bài. Trong đó, đa số các bài thuốc điều trị bệnh chứng thể hàn (83,33%); bệnh chứng thể nhiệt chiếm số lượng ít (16,67%). Dạng bào chế của vị thuốc/bài thuốc nhóm này thường sử dụng dạng tươi (chiếm 50% tổng số bài), do các vị thuốc thành phần tính chất nhẹ, hàm lượng tinh dầu cao.

3.2.5. Mô tả công năng, chủ trị bài thuốc nam nhóm tiết niệu

Bảng 3.16. Công năng, chủ trị của bài thuốc nhóm tiết niệu

T T	Tên bài thuốc	Thành phần	PP dùng	Công năng	Chủ trị	Đồng thuận (%)	Kh ác
1	Chữa đái máu	Thân rễ dứa dại 20g, Lá cối xay 20g, Phèn đen 15g	Uống ngày 1 thang, 5 -7 ngày	Lợi thủy trừ thấp, thanh nhiệt chỉ huyết	Niệu huyết thể thấp nhiệt	95	-
2	Tiểu nóng, tiểu đục	Lá vối, Râu ngô; Liều lượng bằng nhau	Thuốc sắc/ uống tươi	Thanh nhiệt giải độc, lợi thủy trừ thấp	Lâm chứng thể nhiệt, cao lâm	100	-
3	Chữa bí tiểu	Thài lài 30g, Mã đề 30g, Dây hạt bí 10g	Dạng tươi, 3 -5 ngày	Thanh nhiệt, lợi thủy thông lâm	Long bế thể thấp nhiệt hạ tiêu	80	-
4	Tiểu buốt rất	Lá mảnh cộng 50g, Râu mèo 30g, Vọng cách 30g	Uống dạng tươi, 3 -5 ngày	Thanh nhiệt giải độc, lợi thủy tiêu thũng	Lâm chứng thể thấp nhiệt	75	-

T T	Tên bài thuốc	Thành phần	PP dùng	Công năng	Chủ trị	Đồng thuận (%)	Kh ác
5	Tiểu buốt rất	Mã đề 30g, Cỏ màn trâu 20g, Cối xay 20g, Rễ cỏ tranh 20g	Uống ngày 1 thang, 3- 5 ngày	Thanh nhiệt giải độc, lợi thủy tiêu thũng	Lâm chứng thể thấp nhiệt	95	-
6	Tiểu khó	Quả dứa dại 16g, Mã đề 12g, Rễ cỏ tranh 12g, Râu ngô 12g	Uống ngày 1 thang, 10 -15 ngày	Thanh nhiệt lương huyết, lợi thủy thông lâm	Long bế thể thấp nhiệt hạ tiêu	80	-

Nhận xét:

Bài thuốc nam nhóm tiết niệu được xác định công năng, chủ trị là 6 bài (100% bài thuốc chọn vào nghiên cứu đều đạt đồng thuận $\geq 75\%$, trung bình trên 87%), được phân bố theo 3 bệnh chứng: Niệu huyết 1 bài; Long bế 2 bài; Lâm chứng 3 bài. Trong đó, 100% bài thuốc điều trị bệnh chứng thể thấp nhiệt hạ tiêu. Dạng bào chế vị thuốc của bài thuốc nhóm này bao gồm cả dùng tươi và sắc uống. 100% bài thuốc có dạng dùng theo đường tiêu hóa.

3.2.6. Mô tả công năng, chủ trị bài thuốc nam nhóm phụ khoa

Bảng 3.17. Công năng, chủ trị của bài thuốc nhóm phụ khoa

T T	Tên bài thuốc	Thành phần	Phương pháp dùng	Công năng	Chủ trị	Đông thuận (%)	Khác
1	Thuốc điều kinh	Lá mò tím, Ích mẫu, Ngải cứu, Củ gấu: cùng tỷ lệ	Cao lỏng uống, 30 ngày	Hoạt huyết khứ ứ, dưỡng huyết điều kinh	Loạn kinh thể khí huyết ứ trệ	100	-
2	Kinh nguyệt ra nhiều	Cỏ mực 20g, Cam thảo đất 15g, Hòe hoa sao đen 15g	Uống ngày 1 thang, 5- 7 ngày	Thanh nhiệt lương huyết, chỉ huyết	Kinh nguyệt thất điều thể hư nhiệt	100	Trĩ xuất huyết
3	Kinh nguyệt không đều	Củ gấu 1000g, Ngải cứu 300g, Ích mẫu 500g	Thuốc tán bột, uống 15 -20g/ ngày	Hành khí giải uất, hoạt huyết thông kinh	Loạn kinh thể khí huyết ứ trệ	95	-
4	Bạch đới, lậu huyết	Cải trời 30g, Hy thiêm 15g, Huyết dụ 15g, Bạch đồng nữ 15g	Uống ngày 1 thang, 5- 7 ngày	Thanh nhiệt giải độc, tiêu ứ chỉ huyết	Bạch đới, lậu huyết thể thấp nhiệt	80	-
5	Phụ nữ tiểu rất	Lục lạc 20g, Rau dứa nước 20g, Mã đề 8g	Uống ngày 1 thang, 5- 7 ngày	Thanh nhiệt lợi thấp, thông lâm	Bạch đới thể thấp nhiệt	75	-

Nhận xét:

Bài thuốc nam nhóm phụ khoa được xác định công năng chủ trị là 5 bài (tỷ lệ đồng thuận trung bình là 90%), trong đó 3 bài thuốc điều trị bệnh kinh nguyệt đạt được đồng thuận cao nhất từ chuyên gia. Bài thuốc được phân vào 2 nhóm bệnh chính là bệnh kinh nguyệt và đới hạ; cụ thể chủ trị bệnh chứng kinh nguyệt thất điều chiếm 80% tổng số bài. Dạng dùng thuốc khá đa dạng, bao gồm dạng sắc uống, tán bột, cao lỏng.

3.2.7. Mô tả công năng, chủ trị bài thuốc nam nhóm ngoại khoa

Bảng 3.18. Công năng, chủ trị của bài thuốc nhóm ngoại khoa

T T	Tên bài thuốc	Thành phần	Phương pháp dùng	Công năng	Chủ trị	Đồng thuận (%)	Khác
1	Chữa trĩ	Mảnh bát 50g, Diệp cá 50g, Hoa mào gà 5g, Xơ mướp 5g	Ngày 1 thang, 7-10 ngày	Thanh thấp nhiệt, hoạt huyết hóa ứ	Hạ trĩ thể thấp nhiệt, huyết ứ	80	-
2	Trĩ nội xuất huyết	Hồe hoa sao 16g, Cỏ mực sao 16g, Trắc bá diệp sao 16g, Sinh địa 12g	Sắc uống ngày 1 thang	Lương huyết hoạt huyết, khử ứ chỉ huyết	Hạ trĩ thể huyết ứ, xuất huyết	100	-
3	Bó gãy xương	Lá thanh táo tươi 200- 300g	Ngày bó 2 lần.	Hoạt huyết, chỉ thống, tiếp liền xương	Sang thương, trật đả thể huyết ứ	80	Tiêu thũng

T T	Tên bài thuốc	Thành phần	Phương pháp dùng	Công năng	Chủ trị	Đồng thuận (%)	Khác
4	Cao tiêu ứ	Bạch hoa xà thiệt thảo, Xạ đen, Thân cây trâu cỏ; lượng bằng nhau	Cao lông uống, 1-2 tháng	Hoạt huyết, lợi thủy tiêu thũng, khử ứ bài nùng	Chứng tích tụ tam tiêu	95	Tán kết - Huyết kết
5	Bong gân đau khớp	Lá náng tươi	Đắp ngoài, 10- 15 ngày	Hoạt huyết tán ứ, tiêu thũng chỉ thông	Sang thương, chứng tý thể huyết	100	-

Nhận xét:

Bài thuốc nam nhóm ngoại khoa được xác định công năng chủ trị là 5 bài (tỷ lệ đồng thuận trung bình trên 90%), được phân bố theo 2 nhóm bệnh: Hạ trĩ (2 bài) và Sang thương trật đả (3 bài). Trong đó, bài thuốc chủ trị hạ trĩ dùng trong, dạng sắc uống, bài thuốc chủ trị sang thương trật đả thường ở dạng tươi, đắp ngoài. 100% bài thuốc chủ trị thực chứng có huyết ứ.

3.2.8. Mô tả công năng, chủ trị bài thuốc nam nhóm ngoại cảm

Bảng 3.19. Công năng, chủ trị của bài thuốc nhóm ngoại cảm

T T	Tên bài thuốc	Thành phần	Phương pháp dùng	Công năng	Chủ trị	Đồng thuận (%)	Khác
1	Thuốc xông cảm	Lá hồng bì 100g; Lá bưởi 100g; Lá cúc tần 50g; Lá ngải cứu 50g, Sả tía 20g	Dạng tươi, đun xông cảm	Tán hàn khu phong, phát hãn, giải biểu	Cảm phong hàn thể biểu thực	100	-
2	Sốt xuất huyết	Lá cối xay 20g, Cỏ nhọ nồi 30g, Lá mã đe 30g, Lá khế chua 20g	Thuốc sắc uống	Sơ phong, lợi thủy, thanh nhiệt chi huyết	Ôn bệnh thời kì sơ khởi	90	-
3	Giải cảm phong nhiệt	Cỏ mực 30g, Lá dâu 20g, Rau má 20g, Bạc hà 15g, dùng dạng tươi	Thuốc sắc uống	Sơ phong thanh nhiệt, lương huyết giải độc	Cảm mạo phong nhiệt	85	-
4	Dị ứng thời tiết	Lá đơn đỏ 15g, Lá xấu hổ tía 15g, Lá cối xay 15g	Uống ngày 1 thang, 5- 7 ngày	Thanh nhiệt lương huyết, giải độc lợi thủy	Bì phu thấp chẩn do cảm nhiễm thời tà	80	-

T T	Tên bài thuốc	Thành phần	Phương pháp dùng	Công năng	Chủ trị	Đồng thuận (%)	Khác
5	Chữa cảm nặng	Lá bọ mắm 50g, Rau má 50g, Quả cà chua 50g	Thuốc uống dạng tươi	Thanh nhiệt, giải độc, sinh tân chỉ khát	Cảm thử, Cảm phong nhiệt	75	-

Nhận xét:

Bài thuốc nam nhóm ngoại cảm trong nghiên cứu được xác định công năng chủ trị là 5 bài (tỷ lệ đồng thuận trung bình là 86%), được phân bố theo 3 nhóm bệnh: Bì phu thấp chẩn (1 bài), Cảm mạo (3 bài), Ôn bệnh (1 bài). Trong đó, bài thuốc chủ trị bệnh chứng thể nhiệt chiếm 85,71%, bệnh chứng thể hàn là 14,29%. Đường dùng đa số dạng thuốc sắc uống, riêng với chứng cảm mạo ưu thế sử dụng dạng thuốc tươi, thuốc xông cảm.

3.2.9. Mô tả công năng, chủ trị bài thuốc nam nhóm bệnh khác

Bảng 3.20. Công năng, chủ trị của bài thuốc nhóm bệnh khác

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Phương pháp dùng	Công năng	Chủ trị	Đồng thuận (%)	Khác
1	Chữa tăng huyết áp	Lá mò môm xôi 20g, Rau dứa cạn 20g, Râu ngô 10g	Uống ngày 1 thang, 15-30 ngày	Thanh can giáng hỏa, lợi niệu trừ huyết	Huyết vượng thể can hỏa vượng	85	-
2	Chữa huyết áp	Rễ bạch hạc 12g, Rau má 16g, Lá tre 12g	Uống ngày 1 thang, 10- 15 ngày	Thanh nhiệt giáng hỏa, tư âm tiềm dương	Huyết vượng thể âm hư dương xung	75	-

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Phương pháp dùng	Công năng	Chủ trị	Đồng thuận (%)	Khác
3	Hạ áp an thần	Rau dứa cạn 180g, Lá đinh lăng 180g, Hoa hòe 150g, Cam thảo đất 150g	Thuốc tán bột uống	Thanh can, dưỡng tâm an thần.	Huyền vụng thể âm hư dương xung	95	Huyết nhiệt nhiều tâm
4	Chữa mất ngủ	Thảo quyết minh 16g, Lạc tiên 12g, Lá vông 12g, Lá sen 12g	Thuốc sắc uống	Thanh can, dưỡng tâm an thần	Thất miên thể tâm can thận âm hư	100	-
5	Đau kẽ sườn	Cành cúc tần khô 20g, Cam thảo đất 10g.	Thuốc sắc uống	Sơ can, lý khí, hoãn cấp chỉ thống.	Hiếp thống thể khí uất, thể nhiệt	85	-
6	Lở loét miệng	Lá bọ mảy 1 nắm	Giã nát ngâm trong miệng.	Thanh nhiệt lương huyết, giải độc, chỉ huyết	Khẩu sang thể thấp nhiệt	75	-
7	Chữa đau răng	Quả lộc vùng già 50g	Ngâm trong miệng	Chỉ thống	Nha chu sang thống	75	-

Nhận xét:

Bài thuốc nhóm bệnh khác được xác định công năng, chủ trị là 7 bài thuốc (tỷ lệ đồng thuận trung bình là 84%), bao gồm 3 chuyên khoa khác nhau: tuần hoàn 3 bài, tâm thần kinh 2 bài và răng hàm mặt 2 bài. Nhóm bài thuốc điều trị hạ áp, an thần đường dùng toàn thân, chủ yếu dạng sắc uống, nhận được đồng thuận cao hơn (gần 90%); nhóm bài thuốc điều trị bệnh răng miệng tác dụng sát trùng chỉ thống tại chỗ nên dùng dạng tươi (nhai, ngâm), có tỷ lệ đồng thuận từ chuyên gia thấp hơn (khoảng 75%).

3.2.10. Thông tin về bài thuốc nam không được đồng thuận

Bảng 3.21. Thông tin về một số bài thuốc chưa có sự đồng thuận

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng	Chủ trị	Đồng thuận (%)
1	Chè dứa cạn hoa dâu lá đại	Lá dứa cạn 100g, Hoa đại 300g, Lá dâu khô (sao giòn) 400g	Thanh nhiệt giáng hoả, tư âm tiềm dương	Huyễn vựng thể âm hư dương xung	60
2	Cao trâu cổ	Trâu cổ, Đỗ đen, đường trắng	Bổ can thận âm	Hư lao thể can thận âm hư	55
3	Bình vôi thang	Bình vôi sao vàng 6g, Liên tâm sao vàng 6g, Chè vàng sao thơm 6g	Thanh can, dưỡng tâm, an thần	Thất miên thể tâm can thận âm hư	70
4	Hoàn bình thảo	Bột bình vôi 20g, Bột hoài sơn 10g, Thảo quyết minh 10g, Liên nhục 5g	Dưỡng tâm kiện tỳ	Thất miên thể tâm tỳ hư	70
5	Lạc tiên thang	Dây lạc tiên khô 16g, Lá vông khô 16g, Lá dâu khô 16g, Cây trinh nữ khô 16g	Thanh can, dưỡng tâm an thần	Thất miên thể tâm can thận âm hư	70
6	Ngân bò thang	Kim ngân hoa 20g, Bò công anh 20g, Vòi voi 10g, Lá mỏ quạ 10g.	Thanh nhiệt giải độc, thác lý thấu nùng	Nhũ ung thể nhiệt độc thịnh	65

Nhận xét:

Bài thuốc nam không được xác định công năng, chủ trị là 6 bài với tỷ lệ đồng thuận trung bình là 65%, chủ yếu tập trung chuyên khoa tuần hoàn và tâm thần kinh (chiếm 83,33%), thấp nhất có bài thuốc “Cao trầu cổ” chỉ đạt đồng thuận từ chuyên gia là 55%; 3 bài thuốc “Lạc tiên thang”, “Hoàn bình thảo”, “Bình vôi thang” có tỷ lệ đồng thuận khá cao (70%), cần có thêm nghiên cứu về bài thuốc này.

Chương 4

BÀN LUẬN

4.1. Về thực trạng của 50 bài thuốc nam

4.1.1. Thực trạng bài thuốc nam trong tài liệu, cộng đồng

Về bài thuốc trong tài liệu: theo nghiên cứu của chúng tôi, số bài thuốc tra cứu ban đầu là 563 bài, tuy nhiên chỉ có 19 bài phù hợp tiêu chuẩn lựa chọn để đưa vào nghiên cứu. Phần lớn bài thuốc được lựa chọn lấy từ tài liệu Nam Y nghiệm phương (chiếm 89,48%), các tài liệu khác chiếm lượng ít (khoảng 10,52%). Thông tin bài thuốc tra cứu được là tên triệu chứng bệnh hoặc tên bệnh theo danh pháp YHHĐ, phần lớn bài thuốc thiếu công năng.

Bài thuốc nam trong tài liệu đa số được ghi chép nguyên bản theo kinh nghiệm điều trị của người cung cấp thông tin. Trong Nam Y nghiệm phương, nội dung bài thuốc ghi rõ thành phần, liều lượng, kiêng kỵ, cách dùng; đặc biệt, chủ trị trình bày chi tiết về bệnh danh, thể bệnh và một vài triệu chứng bệnh mà bài thuốc can thiệp điều trị, ví dụ: chủ trị ngoại cảm thể biểu hư, đổ mồ hôi, sợ gió, mạch phù hoãn [3]. Trong các tài liệu khác, như trong Tuệ Tĩnh toàn tập, Nam Y cải cách, Lão khoa YHCT, ... bài thuốc phần lớn không được đặt tên, thông tin bao gồm thành phần, liều lượng, tác dụng, nhiều vị thuốc không tra cứu được công năng, chủ trị từ tài liệu chính thống [31], [34], [63]. Do vậy, phần lớn bài thuốc trong nhóm tài liệu này bị loại khỏi nghiên cứu do không đáp ứng tiêu chuẩn lựa chọn.

Về bài thuốc từ cộng đồng: số bài thuốc nam thu thập được từ khu vực Ba Vì với tỷ lệ cao nhất (43,24%) chiếm gần một nửa tổng số bài thuốc từ cộng đồng, trong khi 2 tỉnh miền núi phía Bắc là Thái Nguyên và Tuyên Quang lần lượt là 27,03% và 29,73%.

Địa hình Hà Nội (Ba Vì) đa dạng vừa có đồi núi, vừa có đồng bằng, khí hậu nhiệt đới gió mùa, có mùa đông lạnh đưa đến thảm thực vật khá phong phú [37]. Điều kiện khí hậu và thủy văn thuận lợi phát triển đa dạng các loại trồng cây dược liệu, vì vậy số lượng bài thuốc nam và cây thuốc nam nhóm nghiên cứu thu được mẫu tại địa phương Ba Vì chiếm tỷ cao hơn so với Thái Nguyên và Tuyên Quang. Tuy nhiên nhận định trên vẫn cần nhiều hơn các nghiên cứu làm rõ.

4.1.2. Bài thuốc được lựa chọn

56 bài được lựa chọn đưa vào nghiên cứu phân bố vào 9 nhóm bệnh, mỗi nhóm tối thiểu 5 bài thuốc; trong đó tập trung chủ yếu vào 2 nhóm bệnh: cơ xương khớp (8 bài), tiêu hóa (8 bài). Thông tin ban đầu về bài thuốc: 5% số bài thuốc có thông tin công năng; 100% bài thuốc có thông tin chủ trị, trong đó: 13,33% chủ trị bài thuốc theo bệnh danh YHCT, 86,67% chủ trị bài thuốc liệt kê triệu chứng bệnh hoặc bệnh danh theo danh pháp YHHĐ; 51,66% số bài thuốc có thông tin về thể bệnh.

Số bài thuốc có mẫu cây tươi tìm được tại Thái Nguyên tập trung nhiều nhất trên nhóm bệnh thuộc chuyên khoa cơ xương khớp, bệnh ngoại cảm và tâm thần kinh; tại Tuyên Quang nổi bật trên nhóm bệnh thuộc chuyên khoa tuần hoàn, sản phụ khoa, tiết niệu. Riêng đối với Ba Vì, số lượng bài thuốc tìm được mẫu cây tại địa phương này phân bố tương đối đều trên cả 9 chuyên khoa.

Thái Nguyên, Tuyên Quang là hai tỉnh thuộc trung du và miền núi Bắc Bộ, khí hậu chia 2 mùa rõ rệt cùng với những thuận lợi về đất đai, có ưu thế về trồng dược liệu thuốc nam. So sánh với nghiên cứu của Lê Thị Thanh Hương đăng trên tạp chí Khoa học (tập 32 - Đại học Quốc Gia Hà Nội) vào năm 2016, khi nghiên cứu về tri thức và kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của các dân tộc thiểu số tỉnh Thái Nguyên; số lượng bài thuốc được các thầy thuốc và đồng bào các dân tộc Tày, Nùng, Sán Dìu, Sán Chay và Dao ở địa phương này cung cấp khá lớn, thống kê là 180 bài, ưu thế trên nhóm bệnh cơ

xương khớp là 32 bài (chiếm 12,7%), tiêu hóa là 34 bài (18,8%), tiết niệu là 20 bài (11,11%) [20]. Khác với hai địa phương trên, Ba Vì có địa hình đa dạng hơn, vừa có đồi núi, vừa có đồng bằng, dược liệu thuốc nam có tính đa dạng hơn về chủng loại và đường dùng, cũng vì thế mà số lượng bài thuốc tìm được mẫu cây tại địa phương này phân đối đều cả 9 chuyên khoa. Theo đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ năm 2007 trong sử dụng thuốc YHCT tại các tỉnh phía Bắc, thuốc nam của người Dao ở Ba Vì có tác dụng chữa trị rất nhiều bệnh từ xương khớp, gan, thận, dạ dày, thần kinh, răng miệng, thuốc tắm cho phụ nữ sau sinh. Người Dao không chỉ biết dùng cây thuốc dưới dạng tươi hoặc khô để nấu nước tắm hoặc uống; những năm gần đây, các bài thuốc được cải tiến thành dạng tiện lợi hơn như nấu cao, nghiền thành bột, thuốc nước để nhỏ, thuốc đắp [23].

4.2. Về công năng, chủ trị của 50 bài thuốc nam

Số bài thuốc nam được xác định công năng chủ trị (khi có tỷ lệ đồng thuận chuyên gia >70%) là 50 bài, trong đó tập trung chủ yếu vào 2 nhóm bệnh: cơ xương khớp (8 bài), tiêu hóa (8 bài). Nhóm bài thuốc chủ trị bệnh tuần hoàn và tâm thần kinh, nhận được đồng thuận chiếm tỷ lệ thấp nhất: tuần hoàn (3 bài), tâm thần kinh (2 bài), được xếp cùng nhóm thuốc điều trị bệnh răng miệng để đảm bảo mỗi nhóm tối thiểu 5 bài thuốc.

Theo lý luận y học cổ truyền, mỗi chứng bệnh đều có căn nguyên, có cơ chế phát sinh và biểu hiện thành chứng trạng. Căn nguyên thông qua cơ chế gây bệnh làm rối loạn công năng hoạt động của vận hóa tàng chứa của ngũ tạng, công năng truyền tống của lục phủ hoặc rối loạn đường tuần hành của khí huyết vận hành trong kinh lạc, ... mà sinh ra chứng trạng. Một phương thuốc điều trị được coi là trị được bệnh chứng nếu can thiệp được vào cơ chế bệnh sinh để điều chỉnh hoạt động của tạng phủ, sơ thông được tuần hành khí huyết. Như vậy, luôn có sự thống nhất, logic khoa học theo lý luận y học cổ truyền giữa biểu hiện chứng trạng trên người bệnh với chẩn đoán, pháp điều

trị và phương thuốc để người bệnh trị liệu. Sự thống nhất đó được khái quát bằng cụm từ “lý-pháp-phương-dược”. Những ví dụ dưới đây mô tả một số chứng bệnh thường gặp trong nghiên cứu này.

4.2.1. Bài thuốc nam nhóm cơ xương khớp

Bệnh lý cơ xương khớp được quy vào chứng tý theo YHCT, tý có nghĩa là bế tắc, ngăn lấp không thông, có liên quan công năng các tạng can, tỳ, thận. Can chủ cân, can huyết hư không dưỡng được cân, làm cân cơ co rút. Thận chủ cốt tủy, thận tinh hao tổn làm cho cốt tủy suy rỗng, xương yếu, đau nhức trong xương. Tỳ chủ cơ nhục tứ chi, tỳ khí hư không vận hóa được thủy cốc làm tứ chi mềm nhẽo, thủy thấp ứ đọng, dồn vào kinh lạc, làm khí cơ không thông sướng, tắc trở gây đau. Chứng tý phát sinh chủ yếu trên nền chính khí hư, vệ khí bên ngoài bất cố, tấu lý sơ hở, dễ bị cảm nhiễm phong, hàn, thấp, nhiệt mà sinh bệnh. Có nhiều cách phân loại chứng tý; căn cứ trên thiên thịnh của tà khí và tính hư thực của bệnh chứng, chứng tý bao gồm 3 thể bệnh: thể thực chứng (phong hàn thấp tý/phong nhiệt thấp tý); thể can thận hư; thể can thận hư kiêm phong hàn thấp/phong nhiệt thấp [58], [59], [63].

Chứng tý thể phong hàn thấp là chứng tý mới phát, tà khí xâm phạm cơ thể làm kinh mạch tắc trở, khí huyết không thông, bất thông tắc thống, gây đau nhức. Pháp điều trị là khu phong, tán hàn, trừ thấp, thông kinh lạc [59]. Nghiên cứu của chúng tôi có 3 bài thuốc chủ trị chứng tý thể thực chứng, trong đó “Trừ phong thấp” là bài thuốc phù hợp với pháp điều trị nêu trên. Bài thuốc cấu thành bởi 4 vị, trong đó: Rễ lá lốt vị cay nồng, chứa tinh dầu tác dụng khu phong, tính ấm tác dụng tán hàn; Rễ cỏ may và Rễ trầu không đều quy vào thận, bàng quang tác dụng lợi thủy, giúp trừ thấp qua đường tiểu tiện; Rễ cỏ xước tẩm rượu tăng tính ấm, cùng với rễ lá lốt hoạt huyết, thông kinh lạc. Phối ngũ 4 vị thuốc đưa đến công năng vừa khu phong tán hàn (Rễ lá lốt), vừa trừ thấp (Rễ cỏ may, Rễ trầu không), vừa thông kinh lạc (Rễ cỏ xước, Rễ lá lốt) [4], [72], [73]. Điều trị chứng tý thể thực chứng, bài thuốc cổ phương

thường sử dụng là “Can khương thương truật thang” [58], trong đó: Quế chi cay thơm trừ phong, cùng Can khương đều tính ấm tăng tác dụng trừ hàn chỉ thống; Thương truật, Phục linh, Ý dĩ tác dụng trừ thấp qua đường tiểu, Xuyên khung cay ấm hoạt huyết, thông kinh lạc [73]. Từ phân tích trên, phải chăng vai trò của vị Rễ lá lốt trong bài thuốc nghiên cứu “Trừ phong thấp” tương đồng với tác dụng cộng gộp của 2 vị thuốc Can khương và Quế chi trong phương “Can khương thương truật thang”, đều đưa đến tác dụng khu phong tán hàn?

Chúng tý thể can thận hư kiêm phong hàn thấp thuộc thể bệnh hư thực thác tạp. Chúng tý lâu ngày hao thương khí huyết, tổn thương đến tạng phủ, can thận bất túc, nhân lúc chính khí hư, vệ khí bất cố, tâu lý sơ hở dễ cảm nhiễm ngoại tà làm bệnh nặng từng đợt. Pháp điều trị là bổ can thận dưỡng cân cốt, trừ phong thấp thông kinh lạc [59], [63]. Nghiên cứu của chúng tôi có 4 bài thuốc chủ trị chúng tý thể hư thực thác tạp, trong đó “Lưng gối nhức mỏi” là bài thuốc điển hình cho pháp điều trị nêu trên. Bài thuốc cấu thành bởi 4 vị, trong đó: 2 vị Ngũ gia bì, Thiên niên kiện cay thơm tính ôn, khá mãnh liệt, tác dụng trừ phong thấp thông kinh lạc; Hạt tơ hồng ngọt ấm, cùng với Rễ cỏ xước đều quy vào can thận, tác dụng bổ can thận, dưỡng cân cốt [4], [72], [73]. Phối ngũ 4 vị thuốc đưa đến công năng: vừa bổ can thận hư (Hạt tơ hồng, Rễ cỏ xước) vừa trừ phong hàn thấp (Ngũ gia bì, Thiên niên kiện). Đối với chúng tý thể bệnh hư thực thác tạp, “Độc hoạt kí sinh thang” là bài thuốc cổ phương có ứng dụng điều trị rộng rãi. Trong phương: Độc hoạt, Phòng phong, Tần giao, Tế tân kết hợp để tăng sức mạnh khu phong trừ thấp; Tang kí sinh, Ngưu tất, Đỗ trọng bổ can thận, dưỡng cân cốt; Đẳng sâm, Phục linh, Chích thảo, Xuyên khung, Bạch thược, Đương quy phối hợp bổ khí huyết. Các vị thuốc hợp lại thành bài thuốc có tác dụng vừa trị tiêu, vừa trị bản, vừa phù chính vừa khu tà. Phân tích trên cho thấy: phải chăng vai trò của Thiên niên kiện và Ngũ gia bì trong bài thuốc nam “Lưng gối nhức mỏi” có phản tương đồng với vai trò của nhóm vị thuốc Độc hoạt, Phòng phong, Tần

giao, Tế tân trong phương “Độc hoạt kí sinh thang” đều đưa đến tác dụng khu phong tán hàn trừ thấp, trị vào ngọn bệnh; tác dụng của Hạt to hồng và Rễ cỏ xước trong “Trừ phong thấp” có phần tương xứng với tác dụng của nhóm vị thuốc Tang kí sinh, Ngưu tất, Đỗ trọng trong “Độc hoạt kí sinh thang”, đều bổ can thận hư? Nhận định nêu trên cần có thêm nghiên cứu làm rõ.

4.2.2. Bài thuốc nam nhóm tiêu hóa

Theo YHCT, bệnh thuộc hệ tiêu hóa xảy ra ở tỳ vị là chủ yếu, rồi đến đến can, thận, đờm, tiểu trường, đại trường. Tỳ chủ vận hóa, tiêu hóa thức ăn; vị chủ giáng nạp, chứa đựng thức ăn, tỳ vị phối hợp chủ chức năng thăng thanh giáng trọc. Can chủ sơ tiết, khi tình chí uất ức làm can bị tổn thương dẫn đến thăng giáng của tỳ vị không được điều hòa. Thận ôn âm tỳ dương, thận hư mệnh môn hỏa suy làm tỳ dương rối loạn, thức ăn không được kiện vận. Bên cạnh đó, thói quen ăn uống thất điều, ăn nhiều đồ bổ béo nung nấu thành thấp nhiệt tích lại trường vị, hoặc ăn đồ sống lạnh, hàn tà phạm vào tỳ vị mà gây bệnh. Trên lâm sàng, nhóm bệnh tiêu hóa thường gặp nhất chứng tiết tả và vị quản thống [58], [59], [64].

Chứng tiết tả trong YHCT liên quan đến yếu tố ngoại cảm (phong, hàn, thử, thấp, nhiệt gây tổn thương tỳ vị) hoặc yếu tố nội thương (can khắc tỳ, tỳ vị hư, tỳ thận dương hư) [58]. Trong nghiên cứu của chúng tôi, “Thuốc tiêu chảy” là bài thuốc điển hình điều trị chứng tiết tả do ngoại cảm (yếu tố hàn thấp), tương ứng pháp điều trị: sáp trường chỉ tả, ôn trung trừ hàn. Bài thuốc cấu thành bởi 4 vị, trong đó: 4 vị đều tính âm quy vào kinh Tỳ, Vị, Đại trường nên tác dụng đi vào trung tiêu giúp ôn trung tán hàn; Búp ổi, Vỏ rứt vị chất dùng liều cao giúp sáp trường chỉ tả; Riềng và Sa nhân tím cay thơm vừa hành khí chỉ thống, vừa có tác dụng phương hương trừ thấp [4], [72], [73]. Phối hợp 4 vị thuốc trên đưa đến công năng sáp trường chỉ tả (Búp ổi làm chủ), ôn trung trừ hàn thấp (Riềng, Sa nhân tím, Vỏ rứt). Về điều trị chứng tiết tả thể hàn, “Lý trung thang” và “Đào hoa thang” là hai bài cổ phương có nhiều ứng dụng. Điểm khác biệt giữa 3 bài thuốc khi cùng điều trị thể bệnh có

hàn thấp là: bài thuốc nghiên cứu “Thuốc tiêu chảy” chỉ dùng tả pháp (vừa trừ hàn vừa cố sáp); phương “Đào hoa thang” vừa tả (Xích thạch chi cố sáp, Can khương trừ hàn) vừa bổ (Ngạnh mẽ dưỡng tỳ vị); phương “Lý trung thang” ưu tiên bổ pháp (Đẳng sâm, Chích thảo, Bạch truật kiện tỳ trừ nội thấp) hơn là tả hàn tà (Can khương trừ hàn) [16]. Hàn tà nhập vào tỳ vị, hàn tà hại dương, dễ làm tỳ dương bị tổn thương [64], cho nên phương “Lý trung thang” và “Đào hoa thang” đều trừ hàn cố sáp mà không quên kiện tỳ. Từ những phân tích trên, khi ứng dụng bài thuốc “Thuốc tiêu chảy” trong điều trị có nên hay không việc phối hợp bài thuốc này với nhóm thuốc kiện tỳ để thu được hiệu quả cao hơn? Hay bài thuốc “Thuốc tiêu chảy” cần được áp dụng khi bệnh ở giai đoạn cấp tính khi mà bệnh chưa kèm theo hư chứng ở tỳ vị?

Vị quản thống theo YHCT có liên quan thói quen ăn uống thất thường hoặc do tình chí bị kích thích. Vị quản thống thành hai thể bệnh chính là can khí phạm vị và tỳ vị hư hàn, thể can khí phạm vị lại được chia thành 3 thể nhỏ: thể khí trệ, thể hỏa uất và thể huyết ứ. Pháp điều trị: đối với thể khí trệ (sơ can hòa vị), thể hỏa uất (thanh nhiệt lợi thấp, hòa vị khoan trung), thể huyết ứ (lương huyết chỉ huyết), thể tỳ vị hư hàn (ôn trung kiện tỳ) [58]. Trong nghiên cứu của chúng tôi, “Bột lá khô” là bài thuốc điển hình phù hợp pháp điều trị vị quản thống thể hỏa uất. Bài thuốc được cấu thành bởi 5 vị thuốc, trong đó: Lá khô liều cao tác dụng giáng khí hòa vị chỉ thống; hai vị Bồ công anh và Khổ sâm vị đắng tính hàn lương tác dụng thanh nhiệt giải độc tiêu viêm; Nhân trần thanh nhiệt lợi thấp, giúp tiết nhiệt qua đường tiểu tiện; Chút chút nhuận trường, tả nhiệt kết tràng vị qua đường đại tiện. Khi phối ngũ các vị thuốc trên đưa đến công năng thanh nhiệt (Bồ công anh, Khổ sâm), lợi thấp (Nhân trần, Chút chút), hòa vị khoan trung (Lá khô) [4], [72], [73]. Điều trị vị quản thống thể hỏa uất, 2 bài cổ phương thường sử dụng là “Tả kim hoàn” và “Hóa can tiền”. Trong khi phương “Tả kim hoàn” thiên về công năng giáng nghịch, hòa vị khoan trung [16], thì phương “Hóa can tiền” thiên

về sơ can thanh nhiệt lợi thấp [16]. Từ phân tích trên, phải chăng tác dụng của vị thuốc lá khô trong phương “Bột lá khô” có tác dụng tương đồng với bài cổ phương “Tả kim hoàn” trong điều trị vị quản thống thể hỏa uất, đều đưa đến công năng giáng nghịch, hòa vị khoan trung?

4.2.3. Bài thuốc nam nhóm hô hấp

Bệnh hô hấp theo YHCT liên quan đến 3 tạng Phế Tỳ Thận; Phế chủ khí, quản hô hấp, Thận chủ nạp khí; Phế là tạng mềm yếu nên dễ cảm thụ phải ngoại tà và nội tà gây bệnh. Khi ngoại tà xâm phạm phế, hoặc đàm ẩm nhiều phế, hoặc bệnh lý tạng khác phạm phế, phế mất tuyên giáng, hô hấp khó khăn gây ho (chứng khái thấu), khí nghịch gây suyễn (chứng khí suyễn), Phế khai khiếu ra mũi, dẫn đến chứng ngứa mũi, nghẹt mũi, hắt hơi liên tục (chứng tỵ viêm). Mặt khác, Thận là gốc của khí, nếu thận nguyên bất cố, rối loạn nhiếp nạp, khí không quy nguyên làm cho khí nghịch gây suyễn. Bệnh hô hấp có hai loại: thực chứng và hư chứng, do các nguyên nhân khác nhau gây ra. Thực chứng do phong hàn, phong nhiệt, đàm trọc, nhiệt độc; hư chứng do phế khí hư, phế âm hư, tỳ hư sinh đàm thấp, thận hư không nạp được phế khí [58], [59].

Thể bệnh hư chứng liên quan công năng các tạng phế, tỳ, thận. Phế chủ khí, không tuyên giáng mà nghịch lên gây khó thở; lo nghĩ nhiều làm rối loạn công năng tạng tỳ mà sinh đàm ẩm; kinh sợ hại đến thận, thận không chủ được nạp khí, nghịch lên gây suyễn tức. Trong nghiên cứu của chúng tôi, “Chữa hen” là bài thuốc duy nhất điều trị chứng khí suyễn thể thận hư, ứng với pháp điều trị bổ thận nạp khí, bình suyễn. Bài thuốc được cấu thành bởi 2 vị thuốc, trong đó: Dây tơ hồng vị ngọt ấm, quy vào 3 kinh phế, tỳ, thận, tác dụng vừa ích phế tỳ, vừa bổ thận nạp khí bình suyễn; Lá táo chua vị chua quy vào phế can, tác dụng giáng nghịch, hạ khí bình suyễn. Khi phối ngũ đưa đến công năng vừa bổ thận nạp khí (Dây tơ hồng), vừa bình suyễn (Dây tơ hồng, Lá táo chua). Về điều trị chứng khí suyễn thể thận hư, bài thuốc cổ phương thường dùng là “Sâm giới tán”, nguyên phương sử dụng 2 vị thuốc Nhân sâm,

Cấp giới để bổ thận nạp khí bình suyễn; sau đó một số tài liệu biến hóa “Sâm giới tán” có thêm Hạnh nhân, Tri mẫu, Bối mẫu, Bạch linh, Tang bạch bì, Cam thảo để tăng tác dụng giáng nghịch, hạ khí chỉ khái [16]. Từ phân tích trên, phải chăng tác dụng của vị Dây tơ hồng trong bài thuốc nghiên cứu “Chữa hen” tương đồng với tác dụng của cộng gộp của 2 vị thuốc Nhân sâm, Cấp giới trong phương “Sâm giới tán”?

4.2.4. Bài thuốc nam nhóm tiết niệu

Bệnh lý tiết niệu theo YHCT liên quan tới công năng các tạng phế, tỳ, thận. Tạng phế với chức năng chủ thông điều thủy đạo. tỳ chủ vận hóa thủy thấp, thận chủ về ôn thông khí hóa bàng quang. Bệnh thuộc hệ tiết niệu phân thành hai nhóm chính: thực chứng (do thấp nhiệt, phong hàn, ... xâm phạm), hư chứng (do giảm sút công năng các tạng tỳ, thận, phế, ...). Rối loạn đường tiểu thường có nguồn gốc từ thấp nhiệt lưu trú hạ tiêu, công năng khí hóa của thận và truyền tống của bàng quang thất điều, thanh lọc bài tiết lẫn lộn gây tiểu đục (cao lâm chứng); nhiệt tà thiêu đốt tân dịch, nung nấu ở hạ tiêu gây đái buốt đái rắt (lâm chứng), nhiệt làm tổn thương lạc mạch bức huyết vong hành gây đái máu (chứng niệu huyết), nhiệt dồn xuống bàng quang làm cho khí cơ bàng quang bị ngăn trở gây bí tiểu (chứng long bế) [58], [59], [64].

Niệu huyết phần nhiều là nhiệt của thận và hỏa của tâm rời xuống bàng quang, nhiệt tà thiêu đốt tân dịch, làm tổn thương lạc mạch, bức huyết vong hành nên có máu trong nước tiểu. Pháp điều trị trong trường hợp này là lợi thủy trừ thấp thanh nhiệt chỉ huyết [58]. Trong nghiên cứu của chúng tôi, “Chữa đái máu” là bài thuốc phù hợp với pháp điều trị nêu trên. Bài thuốc cấu thành bởi 3 vị thuốc, trong đó: 2 vị Lá cối xay và Thân rễ dừa dại tính hàn lương (tác dụng thanh nhiệt), đều có vị đạm (tác dụng lợi thủy thẩm thấp), giúp đưa nhiệt ra ngoài theo đường tiểu tiện; Phèn đen vị chát, tính thu liễm, sao xém đen có tác dụng chỉ huyết, điều trị nhiệt tổn thương lạc mạch, gây bức huyết vong hành [4],[72],[73]. Khi phối ngũ các vị thuốc trên đưa đến

công năng lợi thủy trừ thấp, thanh nhiệt hạ tiêu (Lá cối xay, Thân rễ dừa dại), chỉ huyết (Phèn đen sao xém đen). Điều trị chứng niệu huyết thể thấp nhiệt hạ tiêu thường sử dụng phương “Tiểu kế ẩm tử”, bao gồm 7 vị thuốc: Sinh địa, Chi tử phối cùng Hoạt thạch, Mộc thông, Đạm trúc điệp tãng tác dụng thanh nhiệt lợi thủy trừ thấp; Bò hoàng, Ngẫu tiết tác dụng chỉ huyết; Đương quy dưỡng huyết, Cam thảo điều hòa vị thuốc. Từ phân tích trên, phải chăng vai trò của vị thuốc Phèn đen (sao xém đen) trong bài thuốc nghiên cứu “Chữa đái máu” tương đồng với tác dụng của 2 vị thuốc Bò hoàng và Ngẫu tiết trong phương “Tiểu kế ẩm tử”, đều đưa đến tác dụng chỉ huyết khi điều trị chứng niệu huyết?

Chứng nhiệt lâm có nguồn gốc từ thấp nhiệt xâm phạm, lưu trú hạ tiêu, công năng khí hóa của thận và truyền tống bài tiết của bàng quang thất điều, nhiệt tà tiêu đốt tân dịch, nung nấu ở hạ tiêu khiến cảm giác nóng rát, buốt rất khi đi tiểu. Pháp điều trị trong trường hợp này là thanh nhiệt giải độc, lợi thủy tiêu thũng [58]. Trong nghiên cứu của chúng tôi, “Tiểu buốt rất” là bài thuốc điển hình cho pháp điều trị nêu trên. Bài thuốc được cấu thành bởi 3 vị thuốc, trong đó: Lá vọng cách vị đắng tính lương, tác dụng thanh nhiệt giải độc; Lá mảnh cộng và Cây râu mèo đều tính hàn lương, vị đạm ngọt, đắng nhẹ tãng tác dụng thẩm thấp lợi niệu, giúp đưa nhiệt tà ra ngoài theo đường tiểu tiện [4], [72],[73]. Phối ngũ các vị thuốc đưa đến công năng vừa thanh nhiệt giải độc (Lá vọng cách), vừa lợi thủy tiêu thũng (Lá mảnh cộng, Cây râu mèo). Điều trị lâm chứng thể thấp nhiệt hạ tiêu, “Bát chính tán” là bài thuốc được sử dụng rộng rãi, trong đó: Chi tử, Đại hoàng tác dụng thanh nhiệt giải độc; Cù mạch, Mộc thông, Biền súc, Xa tiền tử, Hoạt thạch, Đẳng tâm thảo phối hợp tãng tác dụng lợi thủy tiêu thũng. Dựa theo phân tích trên, phải chăng tác dụng của Lá vọng cách trong bài thuốc nam “Tiểu buốt rất” có phần tương đồng với tác dụng thanh nhiệt giải độc của 2 vị thuốc Chi tử, Đại hoàng trong phương “Bát chính tán”?

4.2.5. Bài thuốc nam nhóm phụ khoa

Bệnh lý phụ khoa theo YHCT thường liên quan đến hoạt động tình chí và công năng các tạng can tỳ thận. Thận tàng tinh, chủ tinh tiên thiên; tỳ hóa sinh huyết dịch, chủ tinh hậu thiên. Công năng tỳ thận không điều hòa dẫn đến tinh huyết ở hai mạch xung nhâm rối loạn (kinh nguyệt thất điều). Can chủ sơ tiết, tình chí không thư sướng tổn thương can, can khí uất trệ, khí không làm soái của huyết dẫn đến huyết trệ, huyết đi lạc đường (lậu huyết). Mặt khác, can mộc khắc tỳ thổ quá mạnh làm tỳ vị tổn thương, thấp trệ nội sinh, đàm thấp đi xuống mạch đới mà gây chứng đới hạ [61], [64]. Bệnh lý phụ khoa thường gặp là bệnh kinh nguyệt và đới hạ.

Bệnh kinh nguyệt bao gồm các hiện tượng kinh nguyệt thất điều, thống kinh, bế kinh, băng huyết, rong huyết. Pháp điều trị hướng đến nguyên tắc: trị theo căn bản (gốc bệnh), điều kinh lý khí (lấy hành khí giải uất làm chủ), điều dưỡng tỳ vị (bồi bổ nguồn gốc của huyết). Nghiên cứu của chúng tôi có 4 bài thuốc điều trị bệnh kinh nguyệt, trong đó “Kinh nguyệt không đều” là bài thuốc điển hình chủ trị kinh nguyệt thất điều thể khí huyết ứ trệ, tương ứng pháp điều trị hành khí giải uất, hoạt huyết thông kinh. Bài thuốc cấu thành bởi 3 vị, trong đó: Hương phụ liều cao vị hơi cay, tác dụng phương hương hóa khí, hành khí giải uất; Ích mẫu hoạt huyết khứ ứ, ngăn ngừa khí uất trệ lâu ngày dẫn đến huyết ứ; Ngải cứu tính ấm tác dụng ôn ấm xung nhâm, tán hàn thông kinh. Khi phối ngũ các vị thuốc trên, đưa đến công năng, vừa hành khí giải uất (Hương phụ), vừa hoạt huyết thông kinh (Ích mẫu, Ngải cứu) [72],[73]. Điều trị kinh nguyệt thất điều thể khí huyết ứ trệ, “Ô dược thang” là bài thuốc cổ phương có nhiều ứng dụng. “Ô dược thang” gồm 5 vị thuốc, trong đó: Ô dược, Hương phụ, Mộc hương phối hợp hành khí giải uất; Đương quy dưỡng huyết, hoạt huyết thông kinh; Cam thảo điều hòa tỳ vị. Cả bài thuốc nghiên cứu và bài cổ phương đều tuân thủ nguyên tắc điều trị bệnh kinh nguyệt, lấy hành khí giải uất làm chủ, chữa vào gốc bệnh (hành khí hoạt

huyết để thông kinh), tuy nhiên “Ô dược thang” chú trọng đến điều dưỡng tỳ vị, bổ nguồn sinh huyết khi phối hợp cùng Đương quy, Cam thảo. Liệu rằng bài thuốc “Kinh nguyệt không đều” có cần hay không việc phối hợp thêm nhóm các vị thuốc điều dưỡng tỳ vị để đạt được hiệu quả điều trị bệnh kinh nguyệt là cao nhất?

Thông tin ban đầu về bài thuốc nhóm phụ khoa qua tra cứu tài liệu và phỏng vấn tại cộng đồng thiếu nhiều thông tin: 100% bài thuốc không có công năng, chủ trị bài thuốc được mô tả bằng một vài tác dụng điều trị theo ngôn ngữ thuần dân gian như: kinh nguyệt ra nhiều, kinh nguyệt không đều, ... Kết quả của hoạt động phỏng vấn sâu, thảo luận, đối sánh, luận suy và tham vấn ý kiến từ chuyên gia lĩnh vực thuốc nam, bài thuốc có đầy đủ thông tin về cách dùng, liệu trình điều trị, công năng, chủ trị theo bệnh danh và thể bệnh của YHCT.

4.2.6. Bài thuốc nam nhóm ngoại khoa

Các bệnh ngoại khoa YHCT gồm phần lớn các bệnh thuộc phần ngoài cơ thể, thuộc cơ nhục, tấu lý, xương khớp như bệnh thấp độc, nhiệt độc, bỏng, vết thương, hạ trĩ, ... Theo YHCT, hạ trĩ có nguồn gốc từ đại trường thấp nhiệt gây hư hao tân dịch, hoặc can khí sơ tiết không điều hòa gây huyết ứ vùng giang môn, hoặc bệnh nghề nghiệp ngồi lâu đứng lâu khí trệ huyết ứ, hậu quả đều dẫn đến cân mạch vùng giang môn sa giãn gây hạ trĩ. Bệnh có liên quan đến rối loạn công năng các tạng tâm, can, tỳ, đại trường nên phù hợp với thuốc uống, điều trị toàn thân. Mặt khác, bệnh chứng trật đả, sang thương có nguyên nhân do sang chấn, kinh lạc bị gián đoạn, huyết ứ gây sưng đau tại một vùng cơ thể, bệnh tại chỗ, có thể kết hợp thuốc uống trong và đắp ngoài [60], [64].

Hạ trĩ theo YHCT được chia thành 3 thể bệnh: thể huyết ứ (trĩ nội xuất huyết), thể thấp nhiệt (trĩ ngoại bị bội nhiễm), thể khí huyết đều hư (trĩ lâu ngày thiếu máu, trĩ ở người già). Pháp điều trị là: lương huyết chỉ huyết, hoạt

huyết khứ ú (đối với thể huyết ú); thanh nhiệt lợi thấp, hoạt huyết chỉ thống (đối với thể thấp nhiệt); bổ khí huyết, thăng đề chỉ huyết (đối với thể khí huyết đều hư) [60]. Trong nghiên cứu của chúng tôi, “Trĩ nội xuất huyết” là bài thuốc điển hình phù hợp điều trị hạ trĩ thể huyết ú. Bài thuốc cấu thành bởi 4 vị thuốc, trong đó: Hòe hoa quy vào đại trường; phối ngũ cùng với Cỏ mực, Trắc bách diệp đều tính hàn lương, tăng tác dụng thanh nhiệt trường vị; đồng thời trong phương được bào chế sao đen, màu đen đi vào Thận thủy chế khắc Tâm hỏa, làm tăng tác dụng chỉ huyết. Sinh địa ngọt hàn tác dụng thanh nhiệt lương huyết nhuận táo [4], [16], [72], [73]. Điều trị chứng hạ trĩ thể huyết ú, bài thuốc cổ phương được thường ứng dụng là “Hòe hoa tán”, trong đó: Hòe hoa sao, Trắc bách diệp sao tác dụng lương huyết chỉ huyết; Kinh giới tuệ, Chỉ xác sao tác dụng hoạt huyết khứ ú. Bài cổ phương “Hòe hoa tán” tính mãnh liệt hơn khi sử dụng Kinh giới tuệ, Chỉ xác sao để sơ phong hành khí, phù hợp với chứng hạ trĩ có kèm phong nhiệt thấp độc ú tại trường đạo gây tổn thương huyết lạc [16]. Trong khi “Trĩ nội xuất huyết” sử dụng Sinh địa ngọt hàn tăng tác dụng nhuận táo, phải chăng bài thuốc nam nghiên cứu phù hợp với bệnh ở giai đoạn sớm khi chưa có thực tích hay trường hợp bệnh có kèm theo hư chứng?

4.2.7. Bài thuốc nam nhóm ngoại cảm

Bệnh lý ngoại cảm theo YHCT liên quan mật thiết đến hoạt động của vệ khí và công năng tạng phủ phế, tỳ, vị. Vệ khí là một bộ phận của dương khí, có nguồn gốc từ tỳ, vị; bên trong thì vào tạng phủ, có tác dụng làm ấm tạng phủ; bên ngoài đi ra cơ biểu, có tác dụng đóng mở lỗ chân lông kháng được ngoại tà. Phế chủ bì mao, nhờ phế tuyên phát mà chất dinh dưỡng được vận đến bì mao, cùng với vệ khí chống đỡ ngoại tà. Phế có quan hệ tương sinh với tỳ thổ (tỳ thổ sinh phế kim), khi tỳ thổ suy yếu thì trước vệ khí suy, sau dẫn đến công năng tạng phế suy, phong nhiệt xâm nhập vào bì mao mà gây bệnh. Trên nền cơ thể suy nhược, khí hư nên vệ khí không giữ được bên ngoài

và/hoặc cảm nhiễm ngoài tà mà gây bệnh ngoại cảm. Dựa vào nguyên nhân gây bệnh mà nhóm bệnh ngoại cảm được phân ra các nhóm: cảm mạo, ôn bệnh, bì phu thấp chân, ... [58], [62], [64], [73].

Theo YHCT, chứng cảm mạo là do ngoại tà phạm vào phần biểu mà gây bệnh, tùy theo loại tà khí mà có các thể bệnh tương ứng: cảm mạo phong hàn, cảm mạo phong nhiệt, cảm thử, ... Điều trị cảm mạo ưu tiên dùng thuốc để đưa ngoại tà (phong, hàn, thử, nhiệt) ra ngoài bằng đường mồ hôi, chữa các chứng bệnh còn ở biểu, làm cho bệnh không xâm nhập vào trong lý. Trong nghiên cứu của chúng tôi, “Giải cảm phong nhiệt” là bài thuốc điển hình điều trị cảm mạo phong nhiệt, tương ứng với pháp điều trị sơ phong thanh nhiệt, lương huyết giải độc. Bài thuốc cấu thành bởi 4 vị thuốc, trong đó: cả 4 vị đều tính hàn lương, dùng dạng tươi tăng tác dụng thanh nhiệt; Lá dâu, Bạc hà vị cay thơm, có tinh dầu, quy kinh phế; tác dụng sơ phong thanh nhiệt, tiết nhiệt tà qua đường mồ hôi; Rau má, Cỏ nhọ nôi quy kinh can thận, đi vào huyết phân, giúp thanh nhiệt lương huyết giải độc; Rau má lợi thủy, đưa nhiệt tà qua đường tiểu tiện [4], [73]. Khi phối ngũ 4 vị trên đưa đến công năng vừa sơ phong thanh nhiệt (Lá dâu, Bạc hà), vừa lương huyết giải độc (Rau má, Cỏ nhọ nôi). Điều trị chứng ngoại cảm phong nhiệt, “Tang cúc ẩm” là bài thuốc cổ phương thường được sử dụng. Trong phương, Tang diệp, Cúc hoa, Bạc hà phối hợp sơ phong thanh nhiệt; Liên kiều thanh nhiệt giải độc; Lô căn thanh nhiệt lợi niệu sinh tân; Hạnh nhân, Cát cánh cùng tuyên phế chỉ khái [16]. Điểm khác biệt giữa hai phương thuốc là “Tang cúc ẩm” có thêm nhóm các vị thuốc tuyên phế chỉ khái bao gồm Hạnh nhân và Cát cánh. Từ những phân tích trên, khi ứng dụng bài thuốc “Giải cảm phong nhiệt” trong điều trị có nên hay không việc phối hợp bài thuốc này với nhóm thuốc tuyên phế chỉ khái để thu được hiệu quả cao hơn? Hay bài thuốc “Giải cảm phong nhiệt” cần được áp dụng khi bệnh ở giai đoạn sớm hơn, bệnh vị ở nông hơn (chưa có tổn thương tại phế) so với phương thuốc cổ “Tang cúc ẩm”?

4.2.8. Bài thuốc nam nhóm bệnh khác

Bệnh lý tuần hoàn và tâm thần kinh theo YHCT chủ yếu có liên quan đến rối loạn công năng của các tạng tâm, can, tỳ, thận làm mất điều hòa âm dương, sự thăng giáng thất thường gây bệnh. Tâm chủ huyết mạch, nghỉ ngơi làm việc thất thường làm tâm huyết hao tổn. Can tàng huyết, chủ sơ tiết; thận chủ thủy, nếu tình chí không thư thái dễ làm tổn thương can âm hoặc thận thủy hư không dưỡng được can âm, can dương thượng cang gây nhiễu loạn. Tỳ chủ vận hóa, chủ thăng thanh khí, nếu tỳ mất chức năng sẽ khiến trọc âm nghịch lên, vít lấp các khiếu gây chứng huyễn vựng, thần hồn không được yên ổn. Mặt khác, tâm là nơi chứa thần; can là nơi chứa hồn, chứa huyết; tỳ là nơi chứa ý và sinh ra huyết. Phàm mất ngủ là do âm hư huyết kém; thần, hồn và ý đều bị tổn thương. [58],[59], [64]. Bệnh lý nhóm này thường gặp các chứng huyễn vựng, đầu thống, thất miên, có liên quan mật thiết về bệnh nguyên, bệnh sinh; huyễn vựng là căn nguyên dẫn đến chứng đầu thống, thất miên và ngược lại.

Chứng huyễn vựng theo YHCT có nguồn gốc từ tình chí không thư thái hoặc thói quen ăn uống không điều độ, gây rối loạn công năng 3 tạng can, tỳ, thận. Huyễn vựng được phân loại theo 4 thể bệnh: thể âm hư dương xung, thể can thận hư, thể tâm tỳ hư và thể đàm thấp. Trong nghiên cứu của chúng tôi, “Chữa huyết áp” là bài thuốc điển hình chủ trị chứng huyễn vựng thể âm hư dương xung, tương ứng pháp điều trị thanh nhiệt giáng hỏa, tư âm tiềm dương. Bài thuốc cấu thành bởi 3 vị, trong đó: cả 3 vị đều tính hàn lương phối ngũ tăng tác dụng thanh nhiệt; tuy nhiên Rễ bạch hạc quy kinh can, tác dụng thiên về bình can tiềm dương giáng hỏa; Rau má lợi tiểu, quy về can thận, giúp tiết nhiệt qua đường tiểu tiện; Lá tre quy kinh tâm, tác dụng thanh tâm trừ phiền, vị đạm nhẹ hỗ trợ Rau má thẩm thấp lợi niệu. Đồng thời, Rễ bạch hạc và Lá tre có vị ngọt, tăng tính nhu nhuận, vừa thanh nhiệt vừa dưỡng âm. [4], [72],[73]. Điều trị huyễn vựng thể âm hư dương xung, “Thiên ma câu

đăng ảm” là phương thuốc cổ có ứng dụng điều trị rộng rãi. So sánh với bài thuốc nghiên cứu, “Thiên ma câu đằng ảm” gồm các nhóm vị thuốc thực hiện công năng tương ứng như sau: Thiên ma, Câu đằng, Thạch quyết minh tính hàn, quy vào kinh Can, tác dụng bình can tiềm dương giáng hỏa, cùng với Chi tử, Hoàng cầm tăng tác dụng tả hỏa can kinh; Ngu tât, Ích mẫu thảo hoạt huyết lợi thủy, giúp tiết nhiệt qua đường tiểu tiện; Dạ giao đằng, Phục thần ngọt nhạt tác dụng dưỡng tâm an thần. Điểm khác biệt giữa hai phương thuốc là “Thiên ma câu đằng ảm” có thêm nhóm thuốc để bổ ích can thận bao gồm Đỗ trọng và Tang kí sinh. Từ những phân tích trên, phải chăng tác dụng của vị thuốc Rễ bạch hạc trong bài thuốc nam “Chữa huyết áp” có vai trò tương đồng với tác dụng của nhóm vị thuốc Thiên ma, Câu đằng, Thạch quyết minh, Chi tử, Hoàng cầm trong phương “Thiên ma câu đằng ảm”, đều đưa đến công năng bình can tiềm dương giáng hỏa? Khi ứng dụng bài thuốc “Chữa huyết áp” trong điều trị có nên hay không việc phối hợp bài thuốc này với nhóm thuốc bổ can thận để thu được hiệu quả hơn?

KẾT LUẬN

Qua hoạt động thu thập thông tin từ tài liệu và cộng đồng, nhóm nghiên cứu tiến hành thảo luận, đối sánh luận suy, xin đồng thuận chuyên gia lĩnh vực thuốc nam về bài thuốc, chúng tôi có một số kết luận sau:

1. Về thực trạng bài thuốc nam

- Bài thuốc nam được chọn vào nghiên cứu là 56 bài, trong đó: 19 bài thuốc từ tài liệu, 37 bài thuốc từ cộng đồng (16 bài thuốc ở Hà Nội, 10 bài thuốc ở Thái Nguyên và 11 bài thuốc ở Tuyên Quang).

- Thông tin ban đầu về bài thuốc: 5% số bài thuốc có thông tin công năng; 100% bài thuốc có thông tin chủ trị, trong đó: 15% chủ trị bài thuốc theo bệnh danh YHCT, 85% chủ trị bài thuốc liệt kê triệu chứng bệnh hoặc bệnh danh theo danh pháp YHHĐ; 51% số bài thuốc có thông tin về thể bệnh.

2. Về công năng, chủ trị bài thuốc nam

Bài thuốc nam xác định được công năng chủ trị là 50 bài, phân chia theo 8 nhóm bệnh:

- Nhóm cơ xương khớp: 8 bài thuốc; trong đó 4 bài thuốc chủ trị thể can thận hư kiêm phong hàn thấp (điển hình “Lung gối nhức mỏi”: Hạt tơ hồng, Cỏ xước, Ngũ gia bì, Thiên niên kiện), 3 bài thuốc chủ trị thể phong hàn thấp tý (điển hình “Trừ phong thấp”: Rễ cỏ xước, Rễ cỏ may, Rễ trầu không, Rễ lá lốt), ...

- Nhóm tiêu hóa: 8 bài thuốc; trong đó 5 bài thuốc chủ trị chứng tiết tả (điển hình “Thuốc tiêu chảy”: Búp ổi, Vỏ rụt, Củ riềng, Sa nhân tím); 2 bài thuốc chủ trị vị quản thống (điển hình “Bột lá khô”: Lá khô, Bò công anh, Chút chút, Nhân trần, Khổ sâm), ...

- Nhóm hô hấp: 6 bài thuốc, trong đó 2 bài thuốc chủ trị chứng khí suyễn (điển hình “Chữa hen”: Dây tơ hồng, Lá táo chua), ...

- Nhóm tiết niệu: 6 bài thuốc, trong đó có 3 bài chủ trị lâm chứng (điển hình “Tiểu buốt rát”: Lá mảnh cộng, Cây râu mèo, Lá vọng cách), ...

- Nhóm phụ khoa: 5 bài thuốc, trong đó 3 bài thuốc chủ trị bệnh kinh nguyệt (điển hình “Kinh nguyệt không đều”: Hương phụ, Ích mẫu, Ngải cứu).

- Nhóm ngoại khoa: 5 bài thuốc, chủ trị bệnh trĩ hạ (bài thuốc điển hình “Trĩ nội xuất huyết”: Hòe hoa sao, Cỏ mực sao, Trắc bách diệp sao, Sinh địa)

- Nhóm ngoại cảm: 5 bài thuốc, trong đó có 3 bài chủ trị cảm mạo (điển hình “Giải cảm phong nhiệt”: Cỏ mực, Lá dâu, Rau má, Bạc hà), ...

- Nhóm bệnh khác: 5 bài thuốc, trong đó 3 bài thuốc chủ trị chứng huyễn vựng (điển hình “Chữa huyết áp”: Rễ bạch hạc, Rau má, Lá tre), ...

KHUYẾN NGHỊ

Đề tài tiến hành tại ba tỉnh miền Bắc là Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Nội, vì vậy nghiên cứu chưa thể đại diện đánh giá về thực trạng bài thuốc nam trên phạm vi toàn miền Bắc. Đặc biệt cỡ mẫu sử dụng trong nghiên cứu còn nhỏ so với danh mục bài thuốc nam thực tế thu thập được tại 3 tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Nội, thời gian nghiên cứu còn hạn chế, vì vậy chúng tôi khuyến nghị:

- Nghiên cứu cần được thực hiện trên cỡ mẫu lớn hơn, với bài thuốc có số lượng vị thuốc lớn hơn.
- Nghiên cứu cần được tiến hành trên phạm vi lớn hơn tại miền Bắc và cả nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Viện dược liệu** (2016), *Danh lục cây thuốc Việt Nam*, Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật, Hà Nội.
2. **Nguyễn Thượng Dong** (2006), *Nghiên cứu phát triển dược liệu và đông dược ở Việt Nam*, Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
3. **Nguyễn Đức Đoàn** (2018), *Nam y nghiệm phương*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
4. **Bộ Y tế** (2018), *Dược điển Việt Nam V*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, tr.1066 – 1370.
5. **Chính Phủ** (2021), *Quyết định Phê duyệt chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045*, Quyết định số 376/QĐ – TTg ngày 17/03/2021 của Thủ Tướng Chính Phủ, Hà Nội.
6. **Nguyễn Bá Tĩnh** (2007), *Nam dược thần hiệu*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, tr.12-13, tr.49 – 362.
7. **Đỗ Tất Lợi** (2005), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, In lần thứ 13, tr. 5-7.
8. **Nguyễn Văn Quý** (2002), *Thuốc bắc thường dùng*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, tr. 6-7.
9. **Bộ Y tế** (1996), *Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế số 371/BYT- QĐ ngày 12 tháng 3 năm 1996 về việc ban hành “Quy chế đánh giá tính an toàn và hiệu lực thuốc cổ truyền”*
10. **Bộ Y tế** (2018), *Thông tư quy định việc đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền dược liệu*, QĐ số 21/2018/TT – BYT ngày 12/09/2018.
11. **Quốc hội** (2016), *Luật Dược số 105/2016/QH13* ngày 06 tháng 04 năm 2016, Hà Nội.

12. **Bộ Y tế** (2018), *Quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc*, Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04/05/2018 của bộ trưởng Bộ Y tế, Hà Nội.
13. **Bộ Y tế** (2018), *Quy định về chất lượng dược liệu, thuốc cổ truyền*, Thông tư số 13/2018/TT/BTY ngày 15/5/2018 của bộ trưởng Bộ Y tế, Hà Nội.
14. **Bộ Y tế** (2018), *Ban hành danh mục thuốc thiết yếu*, Thông tư số 19/2018/TT-BYT ngày 30/8/2018 của bộ trưởng Bộ Y tế, Hà Nội.
15. **Nguyễn Nhược Kim** (2009), *Phương tễ học*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, tr.12 -13.
16. **Hoàng Duy Tân, Hoàng Anh Tuấn** (2009), *Phương tễ học*, Nhà xuất bản Thuận Hoá, Hà Nội, tr.19 – 27.
17. **Nguyễn Văn Hưởng** (2010), *Toa thuốc Đông Y học cổ truyền Việt Nam*, Nhà xuất bản tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
18. **Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam** (2015), *Bài giảng 100 vị tính cơ bản thuốc ta của Lương Y Nguyễn Kiều*, NXB Y học, Hà Nội.
19. **Nguyễn Kiều**, *Cơ bản tính thuốc ta*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
20. **Lê Thị Thanh Hương, Nguyễn Trung Thành** (2016), *Nghiên cứu tri thức và kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của các dân tộc thiểu số của tỉnh Thái Nguyên*. Tạp chí Khoa học – Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Tập 32, Số 1/2016, tr.55- 64.
21. **Lê Thị Thanh Hương và cộng sự** (2014), *Điều tra cây thuốc và giá trị sử dụng theo kinh nghiệm của đồng bào dân tộc Sán Dìu ở tỉnh Thái Nguyên*, Tạp chí Khoa học – Đại học Quốc gia Hà Nội.
22. **Nguyễn Thị Hải** (2018), *Nghiên cứu nguồn tài nguyên cây thuốc nhằm đề xuất giải pháp bảo tồn và sử dụng bền vững một số loài có giá trị ở khu bảo tồn thiên nhiên Ha Nang, tỉnh Tuyên Quang*, Tạp chí khoa học Đại học Tân Trào.

23. **Phạm Vũ Khánh** (2007), *Nghiên cứu thực trạng sử dụng thuốc và các biện pháp không dùng thuốc y học cổ truyền tại các tỉnh phía Bắc*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ. Mã số B2007 – 05- 03.
24. **Phạm Thanh Huyền và cộng sự** (2016), *Kết quả điều tra nguồn tài nguyên cây thuốc của tỉnh Hà Giang*, Tạp chí Khoa học – Đại học Quốc gia Hà Nội, Tập 32, Số2/2016, tr.73 – 81.
25. **Trần Thế Hùng, Đinh Thị Lệ Giang** (2014), *Thực trạng và giá trị sử dụng nguồn cây dược liệu tại xã Quy Hoá, huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình*, Tạp chí Thông tin Khoa học và Công nghệ Quảng Bình – Số 5/2014
26. **Phạm Thị Kim Thoa** (2019), *Nghiên cứu ảnh hưởng của một số nhân tố sinh thái đến sinh trưởng, phát triển của thực vật ngoại lai xâm hại tại khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà – Núi Chúa, TP Đà Nẵng*, Luận văn Thạc sỹ Sinh thái học, Đại học Đà Nẵng.
27. **Nguyễn Văn Ánh và cộng sự** (2020), *Khảo sát thực trạng cây thuốc trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*, Tạp chí nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam, Tập đặc biệt, Số 66/2020, tr.37 – 46.
28. **Phùng Thị Hằng và cộng sự** (2018), *Nghiên cứu sự đa dạng và phân bố cây làm thuốc mọc hoang tại Núi Cấm, An Giang*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ – Tập 54, Số 6, Tr.42-48.
29. **Nguyễn Lê Tuyết Dung** (2016), *Nghiên cứu sự đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc tại tỉnh Bạc Liêu*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Số 15/Tháng 4 -2017, tr.24.
30. **Phạm Vũ Khánh** (2012), *Nghiên cứu một số yếu tố chính ảnh hưởng đến việc sử dụng thuốc Y học cổ truyền ở ba tỉnh miền Trung và biện pháp can thiệp*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Mã số B2012-04-01.
31. **Tuệ Tĩnh** (2007), *Tuệ Tĩnh toàn tập*, Nhà xuất bản Y học.
32. **Nguyễn Văn Hưởng** (2010), *Toa thuốc Đông Y học cổ truyền Việt Nam*, Nhà xuất bản tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

33. **Võ Văn Bình** (2013), *Đông dược cổ phương thành tập*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
34. **Tịnh độ cư sĩ** (2005), *Nam y cải cách*, Tài liệu tập huấn chuyên môn, Tịnh độ cư sĩ Việt Nam.
35. **Hội Y học cổ truyền Nghệ An** (1995), *Những bài thuốc kinh nghiệm Y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Nghệ An.
36. **Hội Đông Y Nghệ An** (2012), *Những bài thuốc đông y xứ Nghệ*, Nhà xuất bản Nghệ An.
37. **Vũ Tự Lập** (2012), *Địa lý tự nhiên Việt Nam*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm.
38. **Nguyễn Viết Thịnh, Đỗ Thị Minh Đức** (2012), *Giáo trình Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
39. **Báo Hà Nội mới** (2019), *Phát triển cây dược liệu ở Hà Nội thúc đẩy nhân rộng các mô hình*, xuất bản ngày 27/11/2019.
40. **Lê Thông** (2009), *Địa lý 12*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, tr. 104 -107.
41. **Báo Nông nghiệp Việt Nam**, *Thái Nguyên đẩy mạnh phát triển cây dược liệu*, ngày đăng 05/11/2018.
42. **Báo Nông Nghiệp Việt Nam** (2022), *Tuyên Quang đặt mục tiêu 2000 ha cây dược liệu và lâm sản ngoài gỗ*, ngày đăng 29/05/2022
43. **Hải Thượng Lãn Ông** (1975), *Hải Thượng Y tông tâm lĩnh- Quyển 4*, Nhà xuất bản Khai Trí, Sài Gòn, tập 17.
44. **Võ Văn Chi** (2022), *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, Tập 1, tr.6-13.
45. **Võ Văn Chi** (2003), *Từ điển Thực vật thông dụng*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, Tập 1, tr.5-7.
46. **Lưu Đàm Cư** (2004), *Cây thuốc truyền thống của người Dao, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai*. Báo cáo khoa học hội nghị toàn quốc, nghiên cứu cơ bản trong khoa học sự sống, định hướng y dược học. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

47. **Hội Đông Y Ninh Thuận** (2015), *Điều tra thực trạng cây thuốc, bài thuốc đồng bào Chăm tại Ninh Thuận*, Website của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Ninh Thuận, cập nhật ngày 08/01/2015.
48. **Nguyễn Văn Dur** (2015), *Điều tra, nghiên cứu các cây thuốc được sử dụng trong các bài thuốc dân tộc tại Tây Nguyên và đề xuất các biện pháp bảo tồn*, Báo cáo tổng kết đề tài mã số TN3/T10 (2011-2014); Báo cáo CD 24-26.
49. **Đỗ Văn Tuấn** (2012), *Nghiên cứu các giải pháp bảo tồn và phát triển bền vững một số loài cây thuốc quý hiếm và nguy cấp tại Vườn quốc gia Tam Đảo*, Báo cáo đề tài của Vườn Quốc gia, Xí nghiệp In Thủy Lợi.
50. **Trần Hữu Đới** (2013), *Ba Kiểu Côn Lôn - Người sáng lập Trường thuốc nam Tuệ Tĩnh*, Nhà xuất bản Hà Nội.
51. **Bệnh viện Y học cổ truyền Phú Yên** (2012), *Những Cây thuốc nam thông dụng tại tỉnh Phú Yên*. Cty In TM Phú Yên.
52. **Viện Dược liệu – Sở Y tế Nghệ An** (2009), *Cây thuốc Nghệ An*, Nhà in báo Nghệ An.
53. **Bùi Đắc Sáng và cộng sự** (2017), *Thảo mộc quanh nhà Thực dưỡng và làm thuốc*, Nhà xuất bản Y Học, Hà Nội.
54. **Nguyễn Viết Thân** (2010), *Cây thuốc Việt Nam và những bài thuốc thường dùng*, Tập 1, Nhà xuất bản Y Học, Hà Nội.
55. **Farnsworth N.R., Akerele O., Bingel A.S. và cộng sự.** (1985). Medicinal plants in therapy. *Bull World Health Organ*, 63(6), 965–981.
56. **Trotter R.T. and Logan M.H.** (1986), Informant consensus: a new approach for identifying potentially effective medicinal plants. In: Etkin, N.L. (Ed.). *Plants in indigenous medicine and diet: biobehavior approaches*. Redgrave publishing Company, Bedford Hills, New York, pp 91-112.
57. **Sen T, Samanta SK** (2015), Medicinal plants, human health and biodiversity: a broad review, *Biochem Eng Biotechnol*,

58. **Bộ môn Nội, Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam** (2015), *Bài giảng bệnh học nội khoa*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
59. **Bộ môn Nội, Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam** (2015), *Bài giảng điều trị học nội khoa*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
60. **Bộ môn Ngoại, Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam** (2020), *Giáo trình ngoại khoa y học cổ truyền*, Tài liệu giảng dạy đại học ngành y học cổ truyền
61. **Bộ môn Sản phụ khoa, Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam** (2021), *Giáo trình sản phụ khoa y học cổ truyền*, Tài liệu giảng dạy đại học ngành y học cổ truyền.
62. **Bộ môn Nhi, Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam** (2020), *Giáo trình Nhi khoa y học cổ truyền*, Tài liệu giảng dạy đại học ngành y học cổ truyền.
63. **Phạm Vũ Khánh** (2009), *Lão khoa Y học cổ truyền*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
64. **Trường đại học Y Hà Nội** (2005), *Bài giảng Y học cổ truyền tập 2*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
65. **Nguyễn Văn Thang** (2014), *Khái yếu Hải thượng Y tông tâm lĩnh*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
66. **Tào Duy Cần**, *Thuốc Nam – Thuốc Bắc*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
67. **Nguyễn Công Đức** (2022), *Thuốc Nam trị bệnh*, Nhà xuất bản thanh niên, thành phố Hồ Chí Minh.
68. **Viện Dược liệu** (2017), *Danh mục Cây thuốc Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
69. **Bộ Y tế** (2014), *Danh mục 70 cây thuốc nam theo quy định của Bộ Y tế*, quyết định số 4664 ngày 07/11/2014.

70. **Nguyễn Thượng Dong** (2006), *Nghiên cứu thuốc từ thảo dược*, Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật.
71. **Gary J. Martin** (2002), *Thực vật dân tộc học (sách dịch)*, Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội.
72. **Nguyễn Viết Thân** (2020), *Cây thuốc Việt Nam và những bài thuốc thường dùng*, Tập 1, Nhà xuất bản Y Học, Hà Nội.
73. **Khoa Y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội** (2002), *Đông dược*, Nhà xuất bản Y Học, Hà Nội.

PHỤ LỤC

- Phụ lục 1. Danh sách người cung cấp bài thuốc, cây thuốc.
- Phụ lục 2. Danh sách người tham gia xin ý kiến về bài thuốc, vị thuốc nam.
- Phụ lục 3. Biểu mẫu thu thập thông tin ban đầu về bài thuốc.
- Phụ lục 4. Biểu mẫu phỏng vấn thu thập thông tin về chủ trị bài thuốc.
- Phụ lục 5. Biểu mẫu xin ý kiến về công năng, chủ trị của bài thuốc nam.
- Phụ lục 6. Danh mục hình ảnh bài thuốc.
- Phụ lục 7. Bảng tra cứu xác định "Công năng" bài thuốc nam.
- Phụ lục 8. Thông tin ban đầu về 138 bài thuốc nam.
- Phụ lục 9. Một số hình ảnh của nhóm nghiên cứu.

Phụ lục 1

DANH SÁCH NGƯỜI CUNG CẤP BÀI THUỐC, CÂY THUỐC

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

DANH SÁCH THAM GIA PHÒNG VẤN

Nội dung: Thu thập thông tin về bài thuốc nam, v. thuốc nam, thuốc cổ truyền, XSL định tính và tác dụng theo y học cổ truyền của một số v. thuốc nam và bài thuốc nam thường dùng
Thời gian: 20/06/2023 - 24/06/2023

STT	Họ và tên	Đơn vị
	Thái Văn Vinh	
	Trần Thị Xuân	
	Phạm Văn Kiên	

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ



CHỦ TỊCH

Ths. Thái Văn Vinh

DANH SÁCH NGƯỜI CUNG CẤP BÀI THUỐC, CÂY THUỐC

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

DANH SÁCH THAM GIA PHÒNG VẤN

Nội dung: Thu thập thông tin về bài thuốc nam, vị thuốc nam, thuốc để tạo "Xây dựng tình xi", tác dụng theo y học cổ truyền của một số vị thuốc nam và bài thuốc nam thường dùng",
Thời gian: 20/06/2023 - 24/06/2023

STT	Họ và tên	Đơn vị
	Nguyễn Quới Linh	
	Lê Văn Thành	

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ



Phụ lục 2

DANH SÁCH NGƯỜI THAM GIA XIN Ý KIẾN VỀ BÀI THUỐC, VỊ THUỐC NAM

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

DANH SÁCH THAM GIA PHÒNG VẤN

Nội dung: *liên ý kiến về tình xi quy kinh, công năng của*
tai của bài thuốc nam và vị thuốc nam

Thời gian: *20/06/2023 - 24/06/2023*

STT	Họ và tên	Đơn vị
	<i>Ngô Thị Bích Hương</i>	<i>P. Trưởng phòng KHTH</i>
	<i>Nguyễn Lý Phúc</i>	<i>TK Ngũ quan - Đa khoa</i>
	<i>La Thị Lan</i>	<i>TC Nội Tổng hợp</i>
	<i>Hà Danh Tuyên</i>	<i>P. Trưởng khoa Ngoại Phụ</i>
	<i>Lê Mạnh Cường</i>	<i>Bs Khoa Ngoại Phụ</i>
	<i>Trình Thị Hoàn</i>	<i>P. Trưởng khoa Nội Nhi</i>
	<i>Phan Hương Giang</i>	<i>Bs Khoa Phục Hồi Chức năng</i>
	<i>Hương Bảo Ngọc</i>	<i>Bs Khoa Nội Tổng hợp</i>
	<i>Hương Văn Tân</i>	<i>Phụ tá của Khoa Lão</i>
	<i>Phan Thị Hải</i>	<i>Bs Khoa Khám bệnh</i>
	<i>Đường Thị Hiền</i>	

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ



Ngô Thị Bích Hương
TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG KHTH
Ngô Thị Bích Hương

DANH SÁCH CÁN BỘ THAM DỰ HỘI THẢO NHÓM TẠI THÁI NGUYÊN

STT	Họ và tên	Chức danh	Số điện thoại
1	Nguyễn Lý Phúc	BSCKI - Phó trưởng phòng KHTH	0826798848
2	La Thị Lan	BSCKI - Trưởng khoa Ngũ quan - Da liễu	0988959494
3	Hà Danh Tuyên	BSCKII - Trưởng khoa Nội tổng hợp	0982174294
4	Lê Mạnh Công	BSCKI- Phó trưởng khoa Ngoại phụ	0965393658
5	Trịnh Thị Hoàn	BSCKI. Khoa Ngoại phụ	0984820790
6	Phan Trường Trang	BSCKI- Phó trưởng khoa Nội nhi	0989835239
7	Hoàng Bảo Ngọc	Bác sĩ khoa PHCN	0974902569
8	Hoàng Văn Tân	BSCKI- Bác sĩ khoa Nội tổng hợp	0337237662
9	Phạm Thị Hào	BSCKI- Phụ trách khoa Lão	0977008508
10	Dương Thị Hiền	Bác sĩ khoa Khám bệnh	0972108995

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

DANH SÁCH THAM GIA PHÒNG VẤN

Nội dung: Xia ý kiến về tính vị quý kính; công năng chủ
tại của bất thuật nam và vị thuật nam

Thời gian: 17/08 - 18/08/2023

STT	Họ và tên	Đơn vị
	Phạm Thị Liên	Khoa P.HCN
	Triệu Văn Thắng	Khoa Ngoại Phụ
	Đào Thị Hiền	Khoa Ngoại Phụ
	Lê Thị Kiều Trang	Phòng KHTH
	Bànn Thị Bích	PHÒNG BV YHCT Tuyên Quang
	Vũ Thị Phúc	Khoa NB Nhi
	Đặng Hữu Tĩnh	Khoa Ngoại Phụ
	Triệu Thế Vinh	Khoa NB Nhi
	Mai Văn Trung	Khoa NB Nhi
	Đàm Thị Ngân	Khoa K.BDK.

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


ThsBs. Lê Trung Chính

SỞ Y TẾ TUYÊN QUANG
BỆNH VIỆN Y DƯỢC CỔ TRUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /YDCT-KHTH

Tuyên Quang, ngày 15 tháng 08 năm 2023

V/v cử cán bộ tham gia thảo luận chủ đề “tính vị
quy kinh, công năng chủ trị của vị thuốc nam và
bài thuốc nam thường dùng”

Kính gửi: Học viện Y dược cổ truyền Việt Nam

Căn cứ Công văn số 2201/CV-HVYDCT ngày 14/08/2022 của Học viện Y
dược cổ truyền Việt Nam về việc phối hợp triển khai Đề tài nghiên cứu khoa học
cấp Bộ Y tế. Bệnh viện Y dược cổ truyền Tuyên Quang cử danh sách cán bộ tham
gia thảo luận, đóng góp ý kiến như sau:

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTH._{Hai} (3)

GIÁM ĐỐC

Ngô Văn Hoàn

Đơn vị: Bệnh viện Y dược cổ truyền

DANH SÁCH

Tham gia thảo luận: “Tính vị quy kinh, công năng chủ trị của vị thuốc nam và bài thuốc nam thường dùng”

(Kèm theo Công văn số: /YDCT-KHTH ngày 15/08/2023 của Bệnh viện Y dược cổ truyền Tuyên Quang)

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, chức danh	Số điện thoại
		Nam	Nữ		
1.	BSCKI. Bàn Thị Bích		1977	Phó giám đốc	0984 678 142
2.	BSCKI. Đặng Hữu Tĩnh	1971		Trưởng khoa Ngoại	0987 976 088
3.	BSCKI. Triệu Thế Vinh	1977		Phó trưởng khoa Nội Nhi	0857 744 666
4.	BSCKI. Đàm Thị Ngân		1974	Trưởng khoa KBĐK	0915 474 738
5.	BSCKI. Lê Thị Kiều Trang		1990	Bác sỹ	0982 719 285
6.	BSCKI. Mai Văn Trung	1987		Bác sỹ	0977 016 535
7.	BSCKI. Triệu Văn Thắng	1987		Bác sỹ	0974 581 112
8.	BS. Vũ Thị Phúc		1980	Bác sỹ	0394 971 769
9.	BS. Đào Thị Hiền		1995	Bác sỹ	0974 584 818
10.	BS. Phạm Thị Liên		1993	Bác sỹ	0962 182 602

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

DANH SÁCH THAM GIA PHÒNG VẤN

Nội dung: Xin ý kiến về tình hình, quy trình, công năng chủ trì của bài thuốc nam và vị thuốc nam

Thời gian: Tháng 9/2023 - Tháng 11/2023

STT	Họ và tên	Đơn vị
	BSCKT Vũ Thị Hương	
	TS Nguyễn Thị Thu Hằng	
	TS Vũ Minh Hoàn	
	BSCKT Nguyễn Thị Hải Yến	
	Ph.s Ngô Quang Hùng	
	Ph.s Đặng Huyền Nga	
	Ph.s Trần Quốc Hiệp	
	BSCKT Nguyễn Tiên Phong	
	BSCKT Nguyễn Xuân Bình	
	Ph.s Nguyễn Tuấn Nghĩa	
	Ph.s Hoàng Thanh Tuấn	
	BSCKT Nguyễn Lê Việt	
	Ph.s Lê Quang Vinh	
	Ph.s Ngô Quý Mạnh	
	BSCKT Đàm Thị Trang	
	Th.s Phùng Thị Khánh Linh	
	Th.s Nguyễn Hà My	

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Thu Hằng

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

DANH SÁCH THAM GIA PHÒNG VÁN

Nội dung: *Xin ý kiến về tình vị quy kinh, công năng chủ tử của bài thuốc nam và vị thuốc nam*

Thời gian: *Tháng 9/2023 - Tháng 11/2023*

STT	Họ và tên	Đơn vị
	<i>BS Phạm Đức Ngọc</i>	<i>BVĐK YHCT Hà Nội</i>
	<i>BSCKT Đặng Huy Bằng</i>	<i>BVĐK YHCT Hà Nội</i>
	<i>BS Hoàng Thị Thanh Huyền</i>	<i>BVĐK YHCT Hà Nội</i>
	<i>BS Bùi Thị Kim Hoa</i>	<i>BVĐK YHCT Hà Nội</i>
	<i>BS Nguyễn Xuân Trường</i>	<i>BVĐK YHCT Hà Nội</i>
	<i>BS Phạm Thị Thanh Bình</i>	<i>BVĐK YHCT Hà Nội</i>
	<i>BS Vũ Thị Trang</i>	<i>BVĐK YHCT Hà Nội</i>
	<i>ThSBS Nguyễn Thị Đức Thúy</i>	<i>BVĐK YHCT Hà Nội</i>

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH THAM DỰ THẢO LUẬN Ý KIẾN CHUYÊN MÔN

Thành phần tham gia:

1. TS. Nguyễn Thị Thu Hằng - Phó GD Bệnh viện
2. BSCKII. Vũ Thị Hương - Phó GD Bệnh viện
3. TS. Vũ Minh Hoàn - TP. Đào tạo, Nghiên cứu khoa học, Chỉ đạo tuyến
4. Ths. Hoàng Vũ Long - PP. Đào tạo, Nghiên cứu khoa học, Chỉ đạo tuyến
5. BSCKII. Nguyễn Thị Hải Yến - Tp. Kế hoạch tổng hợp
6. BSCKI. Nguyễn Lê Việt - TK. Phục hồi chức năng
7. Ths. Ngô Quang Hùng - TK. Châm cứu
8. Ths. Đặng Thị Huyền Nga - PK. Châm cứu
9. Ths. Nguyễn Hà My - Phòng khám A
10. Ts. Trần Hồng Minh - Phòng KHTH
11. Ths. Trần Thị Thu Trang - TK. Khám Bệnh
12. Ths. Nguyễn Tuấn Nghĩa - Khoa Lão Khoa
13. Ths. Nguyễn Hoài Linh - Khoa Nội tổng hợp
14. Ths. Phùng Thị Khánh Linh - Khoa Châm cứu
15. Ths. Ngô Quế Dương - Khoa Phục hồi chức năng
16. BSCKI. Nguyễn Xuân Bình - Khoa Khám Bệnh
17. BS. Phạm Minh Ngọc - Phòng ĐT-NCKH-CĐT
18. BS. Đỗ Thùy Linh - Khoa Châm cứu
19. BS. Nguyễn Xuân Trường - Khoa Nội tổng hợp
20. BS. Phạm Thị Thanh Bình - Khoa Châm cứu
21. BSCKI. Đàm Thị Trang - Khoa Phục hồi chức năng
22. BS. Trần Thị Thùy Trang - Khoa Ngũ quan
23. BS. Nguyễn Thị Thùy Linh - Khoa Ngoại
24. BS. Lê Mạnh Tường - Khoa Lão khoa
25. Ths. Hoàng Thanh Tuấn - Khoa Lão khoa

Phụ lục 3

BIỂU MẪU THU THẬP THÔNG TIN BAN ĐẦU VỀ BÀI THUỐC

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Phụ lục 2
Mã số: ...

BIỂU MẪU THU THẬP THÔNG TIN BÀI THUỐC NAM

(Kèm theo công văn số 2095/HVYD-QLKH ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

TT	Tên và thành phần bài thuốc	Tác dụng (Chữa bệnh gì, chứng gì)	Phương pháp dùng và kiêng kỵ (sắc uống, đắp ngoài, ...)
1	<ul style="list-style-type: none"> - Rễ cây 20g - Lá dứa 5g - Chuối hột 12 - Râu mèo 16 	Trị sỏi thận.	Cách vị như sau: sắc uống.
2	<ul style="list-style-type: none"> - Rễ hạt hoa xoài - Rễ lá lốt - Rễ củ gai leo - Rễ cây mã đề 	Trị tiểu tiện, tở đái	Cách vị như sau: sắc uống trong nước sôi. Trong 30 phút, lấy nước sôi vào uống bị bệnh.
3	<ul style="list-style-type: none"> - Rễ cây khế lá (Thiên môn) 20g - Rễ cây thiên môn 20g - Rễ cây hạc 20g - Cây cam thảo đất 12g 	Chữa chứng tiểu tiện khó, đau lưng, đau đầu, đau mắt.	Cách vị như sau: sắc uống.
4	<ul style="list-style-type: none"> - Lá cây lều lều 50g - Lá dứa cá 30g 	Chữa tiểu tiện khó	Cách vị như sau: sắc uống, chia 3 lần uống trong 30 phút. Có thể uống nước sôi nếu cần.

....., ngày 2... tháng 7... năm 2022

Người cung cấp thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)

Địa chỉ: Thôn/Xóm: Xã:

Huyện: Tỉnh/TP:

(Chữ ký)
Nguyễn Lucy Kiên

Phụ lục 4

BIỂU MẪU PHÒNG VẤN THU THẬP THÔNG TIN VỀ CHỦ TRỊ BÀI THUỐC

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ BÀI THUỐC

Đề tài: “Xác định tính vị, tác dụng theo y học cổ truyền của một số
vị thuốc nam và bài thuốc nam thường dùng”

Chào Ông Bà!

Học viện YDHCT Việt Nam đang triển khai đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ Y tế “Xác định tính vị, tác dụng theo y học cổ truyền của một số vị thuốc nam và bài thuốc nam thường dùng”. Theo nội dung công việc của đề tài, Học viện cần thu thập thông tin về vị thuốc/bài thuốc nam thường dùng tại một số địa phương. Chúng tôi mong muốn nhận được sự giúp đỡ của Ông/Bà bằng cách trả lời một số câu hỏi để cung cấp thông tin về một số vị thuốc/bài thuốc nam thường dùng; thông tin Ông/bà cung cấp chỉ nhằm mục đích phục vụ cho công việc thu thập số liệu của đề tài, không vì mục đích nào khác. Trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ của Ông/Bà.

A. NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN

- Họ và tên: Phạm Văn Kiên Điện thoại:
- Địa chỉ: Thành phố Thái Nguyên
- Nghề nghiệp/Công việc: Trại X. hu. i? truyen

B. NỘI DUNG THÔNG TIN CẦN THU THẬP

Tên bài thuốc: <u>thuốc pho ng thập</u>	Mã số:
Thành phần bài thuốc: <u>Vai chui 20g ; Ca quí leo 12g , Vó cây gạo 12g , Dây lều li? 20g</u>	

Phần 1. Câu hỏi		Trả lời
1.1	Bài thuốc này thường dùng chữa bệnh gì, chứng gì (nhiều nhất)?	<u>Dau xương 100%</u>
1.2	Bài thuốc này còn được dùng chữa chứng/bệnh gì?	1.2.1:
		1.2.2:
		1.2.3:

1.3	Phương pháp sử dụng thể nào (sắc uống, đắp ngoài, ngâm rửa...)? Kiêng kỵ gì không?	vỏ cây gạo bỏ que, sao qua Chỉ uống ngay 01 thang hoặc nấu cháo		
1.4	Khi sử dụng thường gia giảm thể nào?			
1.5	Hỏi xác định hàn/nhiệt	<input checked="" type="checkbox"/> Hàn	<input type="checkbox"/> Nhiệt	<input type="checkbox"/> Không rõ
1.6	Hỏi xác định biểu/lý	<input checked="" type="checkbox"/> Biểu	<input type="checkbox"/> Lý	<input type="checkbox"/> Không rõ
1.7	Hỏi xác định hư/thực	<input type="checkbox"/> Hư	<input checked="" type="checkbox"/> Thực	<input type="checkbox"/> Không rõ

Phần 2. Chẩn đoán luận suy bệnh lý phù hợp	
Bệnh danh	Thể bệnh
2.1 Thường dùng: <u>Chứng tý</u>	Thường dùng: <u>Phong hàn thấp tý</u>
2.2 Khác:	Khác:
2.2.1:	2.2.1:
2.2.2:	2.2.2:
2.2.3:	2.2.3:

Phần 3. Phần phỏng vấn sâu	
Theo ông bà, công năng chủ trị của bài thuốc này là gì?	
Chủ trị	Công năng
<u>Chứng tý</u> ₁ Huyền vừng ₂ Thất miên ₃ Đâu thông ₄ Cầm mạo ₅ Khái thấu ₆ Hiếp thống ₇ Ma mịch ₈ Vị quân ₉ Tiết tả ₁₀ Phúc thống ₁₁ Táo bón ₁₂ Sang thương ₁₃ Nhiệt lâm ₁₄ Thạch lâm ₁₅ Huyết hư ₁₆ Khí hư ₁₇ Âm hư ₁₈ Dương hư ₁₉ Can thận hư ₂₀ Can huyết hư ₂₁ Can dương vượng ₂₂ Thận âm hư ₂₃ Tý vị hư ₂₄ Tý dương hư ₂₅ Thận khí hư ₂₆ Thận dương hư ₂₇ Tâm huyết hư ₂₈ Tâm âm hư ₂₉ Tâm dương hư ₃₀ Tâm khí hư ₃₁ Phế khí hư ₃₂ Phế âm hư ₃₃ Tâm dương hư ₃₄ Tâm khí hư ₃₅ Khác ₃₆ :	Bỏ Can ₁ Bỏ Phế ₂ Bỏ Thận ₃ Bỏ Tý ₄ Bỏ Tâm ₅ Bỏ khí ₆ Bỏ huyết ₇ Bỏ âm ₈ Bỏ dương ₉ Ôn trung ₁₀ Ôn lý ₁₁ <u>Ôn kinh</u> ₁₂ <u>Trừ hàn</u> ₁₃ Thanh nhiệt ₁₄ <u>Khu phong</u> ₁₅ <u>Trừ thấp</u> ₁₆ Hóa đàm ₁₇ Hành khí ₁₈ Hoạt huyết ₁₉ Lương huyết ₂₀ Chi huyết ₂₁ Giải độc ₂₂ An thần ₂₃ Sơ can ₂₄ Thăng dương ₂₅ Giáng hỏa ₂₆ Lợi niệu ₂₇ Bài thạch ₂₈ Thâm thấp ₂₉ Táo thấp ₃₀ Tiêu thực ₃₁ Bài nùng ₃₂ Sinh cơ ₃₃ Tiêu thũng ₃₄ Giáng khí ₃₅ Khác ₃₆ :

Trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ của Ông/Bà./.

Thái Nguyễn, ngày 10 tháng 6 năm 2023
NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN

Hữu
Mưu Hữu Hữu

Phụ lục 5

BIỂU MẪU XIN Ý KIẾN VỀ CÔNG NĂNG CHỦ TRỊ CỦA BÀI THUỐC

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU XIN Ý KIẾN VỀ CÔNG NĂNG, CHỦ TRỊ CỦA BÀI THUỐC NAM

Đề tài: “Xác định tính vị, tác dụng theo y học cổ truyền của một số vị thuốc nam
và bài thuốc nam thường dùng”

Kính chào Ông/Bà!

Học viện YDHCT Việt Nam (Học viện) đang triển khai đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ Y tế “Xác định tính vị, tác dụng theo y học cổ truyền của một số vị thuốc nam và bài thuốc nam thường dùng”. Theo nội dung công việc của đề tài, Học viện cần thu thập thông tin về vị thuốc/bài thuốc nam thường dùng tại một số địa phương. Chúng tôi mong muốn nhận được sự giúp đỡ của Ông/Bà bằng cách cho nhận xét (đồng ý, chỉnh sửa/bổ sung, không đồng ý và cho ý kiến chi tiết) về thông tin của một số bài thuốc, vị thuốc nam được trình bày dưới đây; thông tin Ông/Bà cung cấp chỉ nhằm mục đích phục vụ cho công việc thu thập số liệu của đề tài, không vì mục đích nào khác. Trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ của Ông/Bà./

A. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC XIN Ý KIẾN

Mã số: TQ.01

- Họ và tên: Lê Văn Thanh Điện thoại: 0915 109 496
- Địa chỉ: Khu Dãy Y Tế
- Nghề nghiệp/Công việc: Học sĩ

B. Ý KIẾN NHẬN XÉT

Phần 1. Thông tin bài thuốc “Chữa đái máu” (điền dấu “X” vào ô tương ứng trong cột bên)	Ý kiến		
	Đồng ý	Đồng ý một phần	Không đồng ý
- (1) Thành phần: Thân rễ dứa dại 20g, Lá cối xay 20g, Lá phèn đen 15g. - (2) Phương pháp bào chế: Thân rễ dứa dại thái lát mỏng-sao qua, Lá cối xay phơi khô (20g) hoặc tươi (40g), Lá phèn đen sao xém cạnh. - (3) Công năng: lợi thủy trừ thấp, thanh nhiệt chỉ huyết. - (4) Chủ trị: Chứng niệu huyết, thể thấp nhiệt. - (5) Cách dùng: 1 thang sắc cùng 500ml nước, lấy 300ml; chia 3 lần uống trong ngày. Liệu trình 5-7 ngày. - (6) Kiêng kỵ, lưu ý: tỳ vị hư hàn thận trọng. - (7) Tra cứu thông tin về vị thuốc: + Vị thuốc số 1: Thân dứa dại. Tên gọi khác: Bách nhãn cần. Bộ phận dùng: thân và rễ. Bào chế: thái lát mỏng, phơi khô, sao qua. Tính: lương. Vị: đạm, ngọt. Quy kinh: bàng quang, tỳ, thận. Công năng: thanh nhiệt, lợi thủy, giải độc. Chủ trị: Thấp nhiệt hạ tiêu, Thủy thũng. Liệu dùng: 15-30g. Kiêng kỵ: không. + Vị thuốc số 2: Lá cối xay. Tên gọi khác: Giàng xay. Bộ phận dùng: lá. Bào chế: lá tươi hoặc phơi khô. Tính: hàn. Vị: đạm. Quy kinh: bàng quang, tiểu trường. Công năng: lợi thủy,	X		

BIỂU MẪU XIN Ý KIẾN VỀ CÔNG NĂNG CHỦ TRỊ CỦA BÀI THUỐC

thanh nhiệt tả hỏa. Chủ trị: Thủy thũng, Thấp nhiệt. Liều dùng: 8-20g. Kiên kỵ: thể trạng hư hàn không dùng kéo dài. + Vị thuốc số 2: Lá pèn đen. Tên gọi khác: Cây mực, Tào phan diệp. Bộ phận dùng: lá. Bảo chế: tươi hoặc khô, sao qua đến khi xém cạnh. Tính: lương. Vị: đắng, chát. Quy kinh: bàng quang, thận, tiểu trường. Công năng: thanh nhiệt, lương huyết, giải độc. Chủ trị: Thấp nhiệt hạ tiêu. Liều dùng: 10-20g. Kiên kỵ: thận trọng với người thể trạng tỳ vị hư hàn.			
---	--	--	--

Phần 2. Ý kiến chi tiết Theo ông/bà, bài thuốc trên còn có công năng, chủ trị gì khác? (khoanh tròn vào lựa chọn tương ứng dưới đây hoặc ghi rõ vào dòng dưới nếu có ý kiến khác)					
2.1	Công năng	Bồ âm ₁ Bồ Tâm âm ₅ Bồ Can âm ₉ Bồ Thận âm ₁₁ Bồ Phế âm ₁₅ Bồ Tỳ dương ₁₇ Ôn trung ₁₉ Thanh nhiệt ₂₃ Hành khí ₂₇ An thần ₃₁ Lợi thủy ₃₅ Tiêu thực ₃₉ Chỉ khái ₄₃ Khác:.....	Bồ dương ₂ Bồ Tâm dương ₆ Bồ Thận dương ₁₂ Ôn lý ₂₀ Khu phong ₂₄ Hoạt huyết ₂₈ Sơ can ₃₂ Bài thạch ₃₆ Bài nung ₄₀ Chi tả ₄₄	Bồ khí ₃ Bồ Tâm khí ₇ Bồ Thận khí ₁₃ Bồ Phế khí ₁₆ Bồ Tỳ khí ₁₈ Ôn kinh ₂₁ Trừ thấp ₂₅ Lương huyết ₂₉ Thăng dương ₃₃ Thẩm thấp ₃₇ Sinh cơ ₄₁ Chi huyết ₄₅	Bồ huyết ₄ Bồ Tâm huyết ₈ Bồ Can huyết ₁₀ Bồ Thận tinh ₁₄ Trừ hàn ₂₂ Hóa đàm ₂₆ Giải độc ₃₀ Giáng hỏa ₃₄ Táo thấp ₃₈ Tiêu thũng ₄₂ Giáng khí ₄₆
2.2	Chủ trị	Chứng tý ₁ Cảm mạo ₅ Vị quản thống ₉ Sang thương ₁₃ Huyết hư ₁₆ Can thận hư ₂₀ Tỳ vị hư ₂₄ Tâm huyết hư ₂₈ Phế khí hư ₃₂ Khác ₃₆ :.....	Huyền vựng ₂ Khái thấu ₆ Tiết tả ₁₀ Nhiệt lâm ₁₄ Khí hư ₁₇ Can huyết hư ₂₁ Tỳ dương hư ₂₅ Tâm âm hư ₂₉ Phế âm hư ₃₃	Thất miên ₃ Hiếp thống ₇ Phúc thống ₁₁ Thạch lâm ₁₅ Âm hư ₁₈ Can (+) vượng ₂₂ Thận khí hư ₂₆ Tâm (+) hư ₃₀ Tâm (+) hư ₃₄	Đầu thống ₄ Ma mộc ₈ Táo bón ₁₂ Bạch trọc ₃₇ Dương hư ₁₉ Thận âm hư ₂₃ Thận (+) hư ₂₇ Tâm khí hư ₃₁ Tâm khí hư ₃₅

Ý kiến khác:

.....

.....

.....

Trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ của Ông/Bà/

..... ngày 17 tháng 9 năm 2023

NGƯỜI NHẬN XÉT

(ký, ghi rõ họ tên)

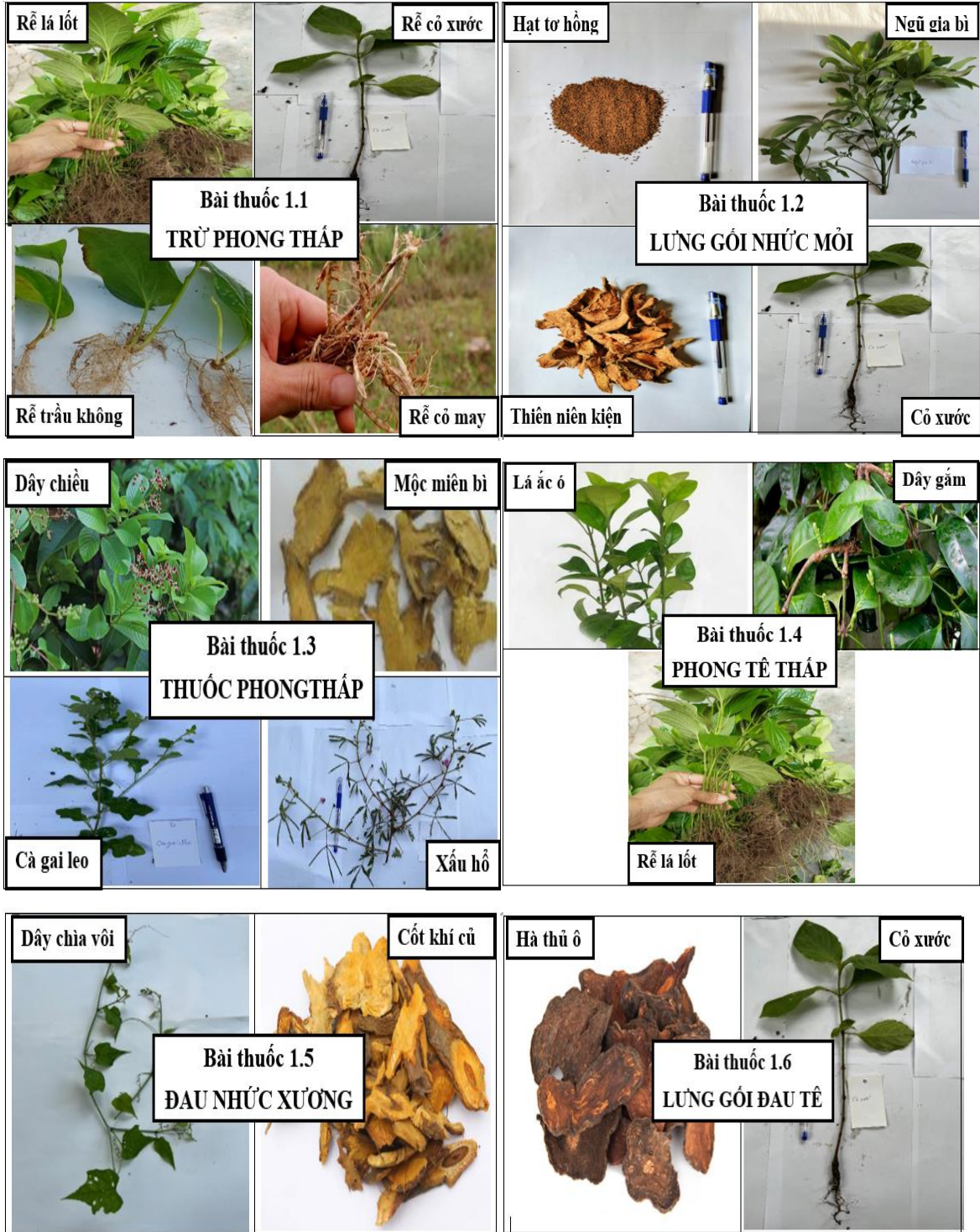


Lê Văn Thanh

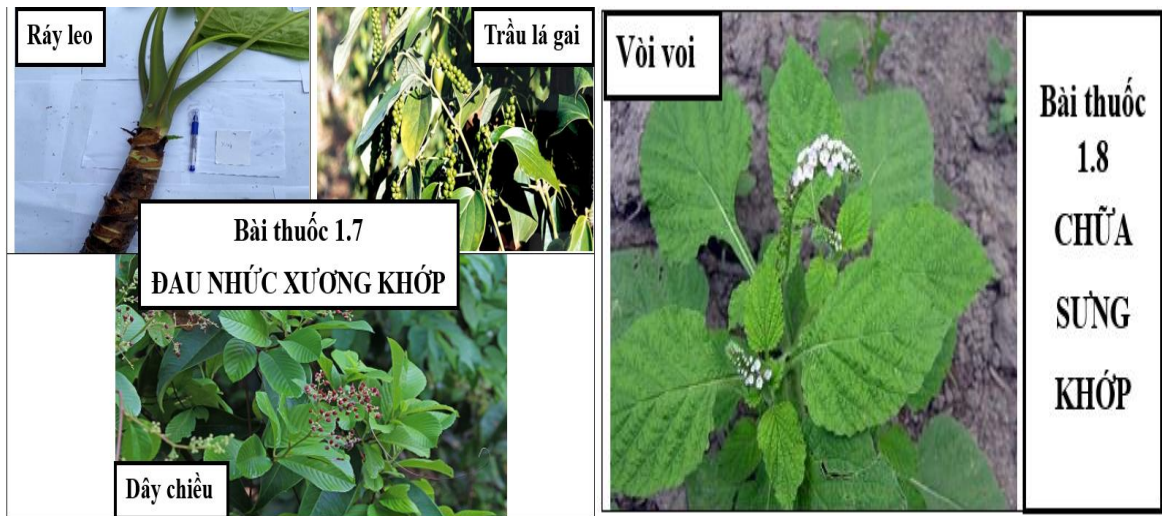
Phụ lục 6

DANH MỤC HÌNH ẢNH BÀI THUỐC

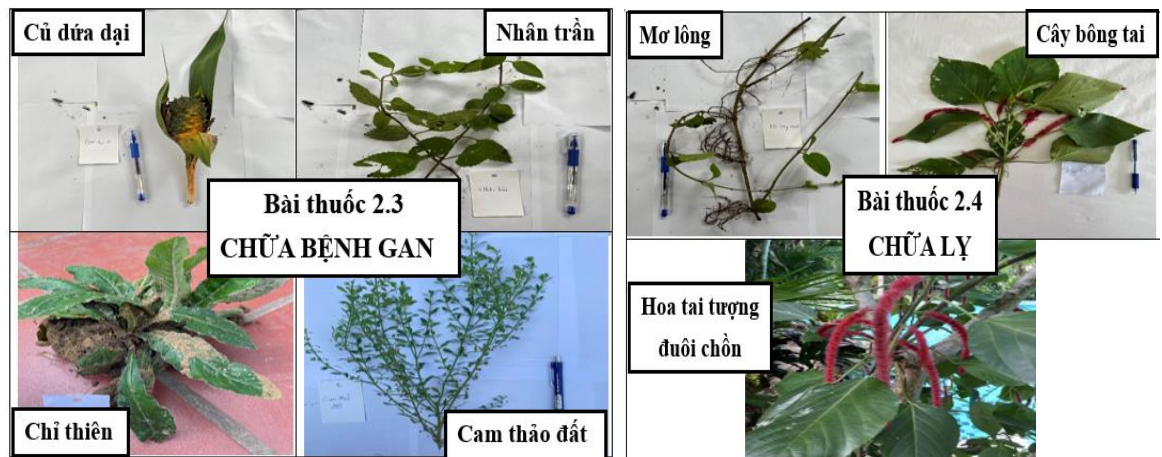
1. Bài thuốc chủ trị bệnh Cơ xương khớp



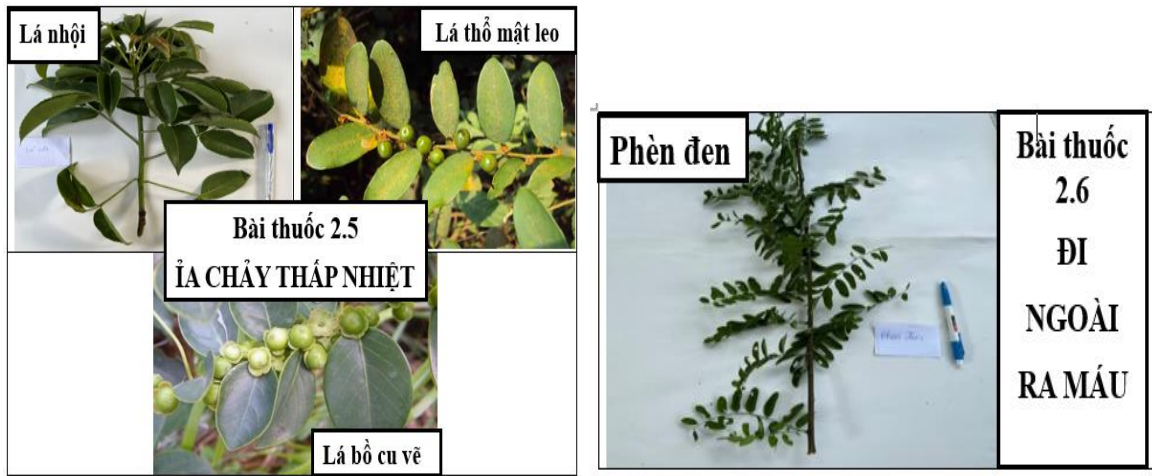
TẬP ẢNH BÀI THUỐC TỪ CỘNG ĐỒNG



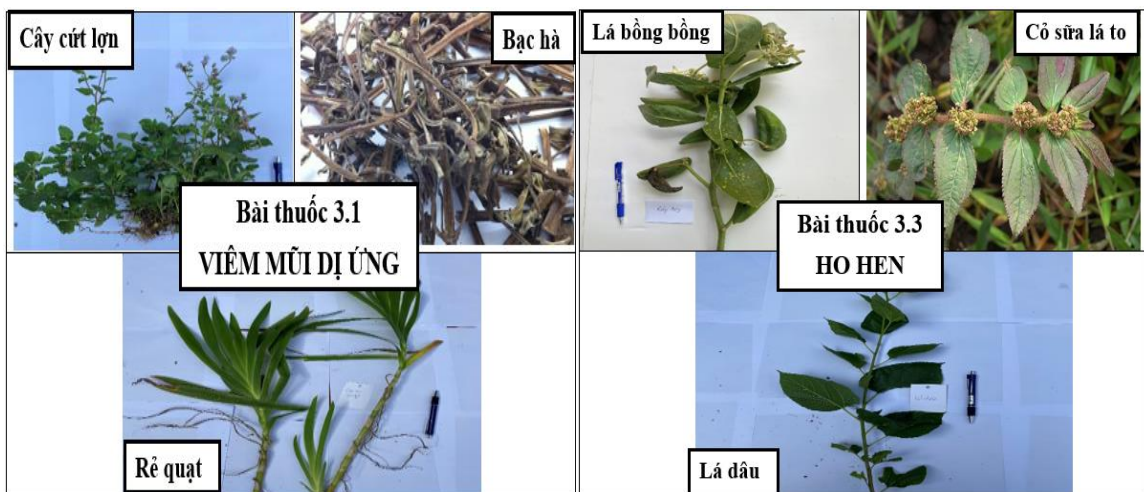
2. Bài thuốc chủ trị bệnh Tiêu hóa



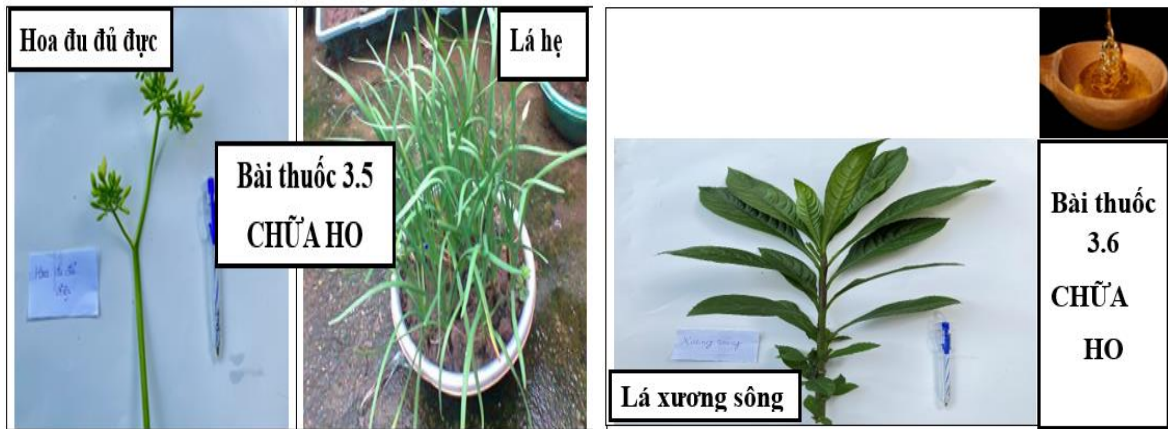
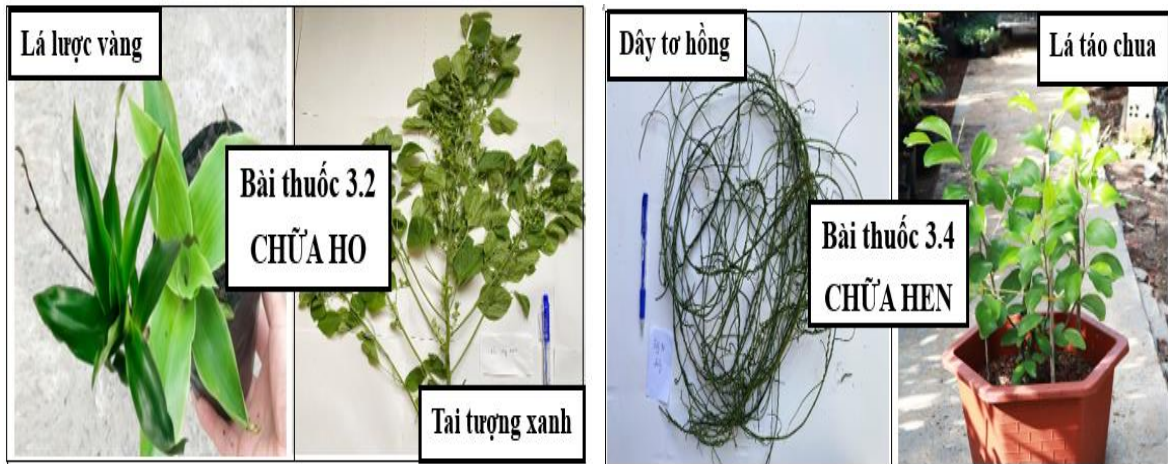
TẬP ẢNH BÀI THUỐC TỪ CỘNG ĐỒNG



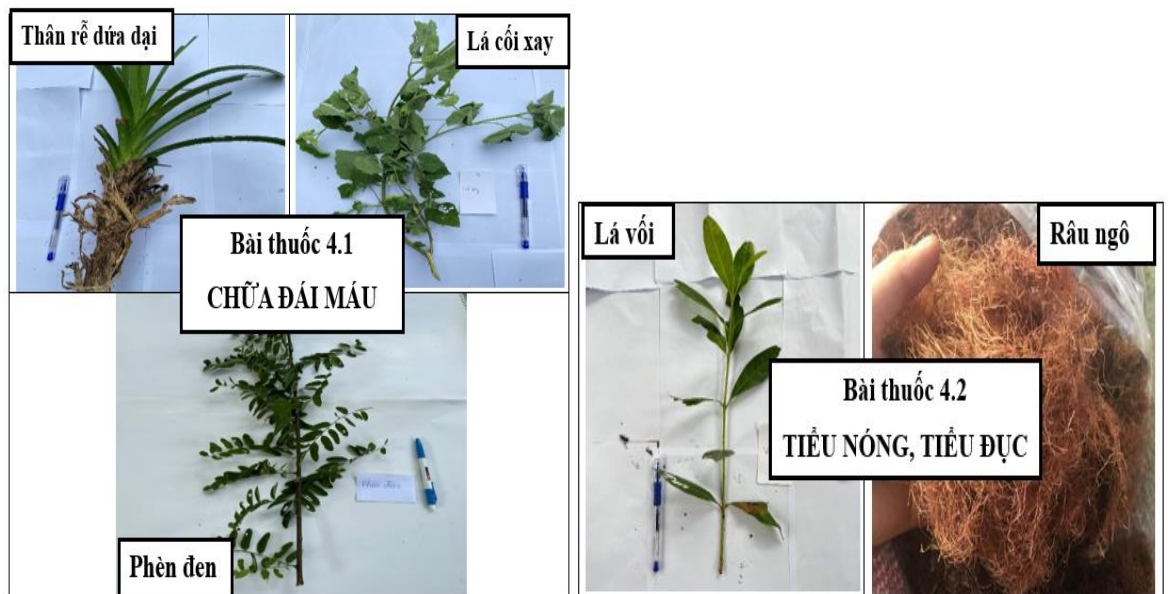
3. Bài thuốc chủ trị bệnh Hô hấp



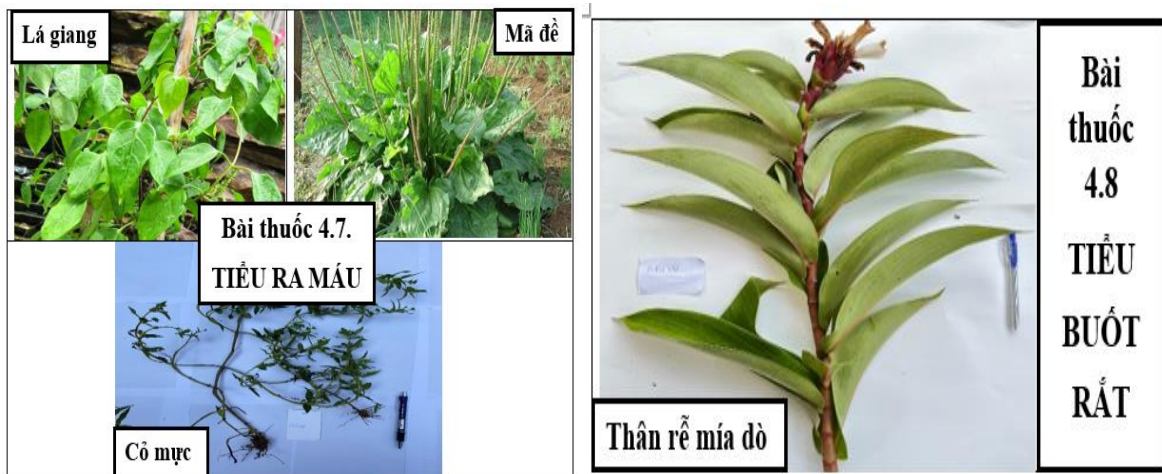
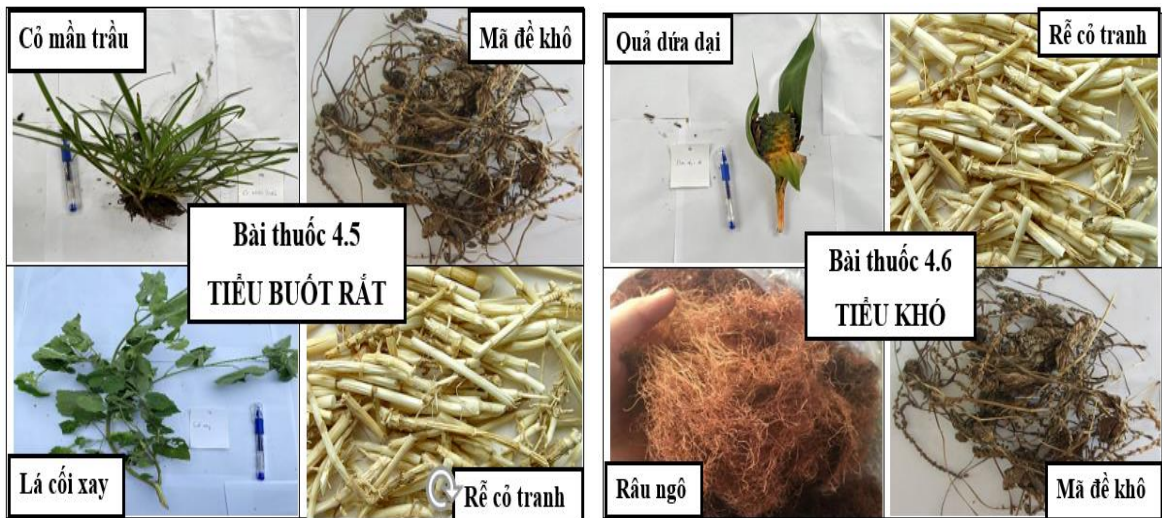
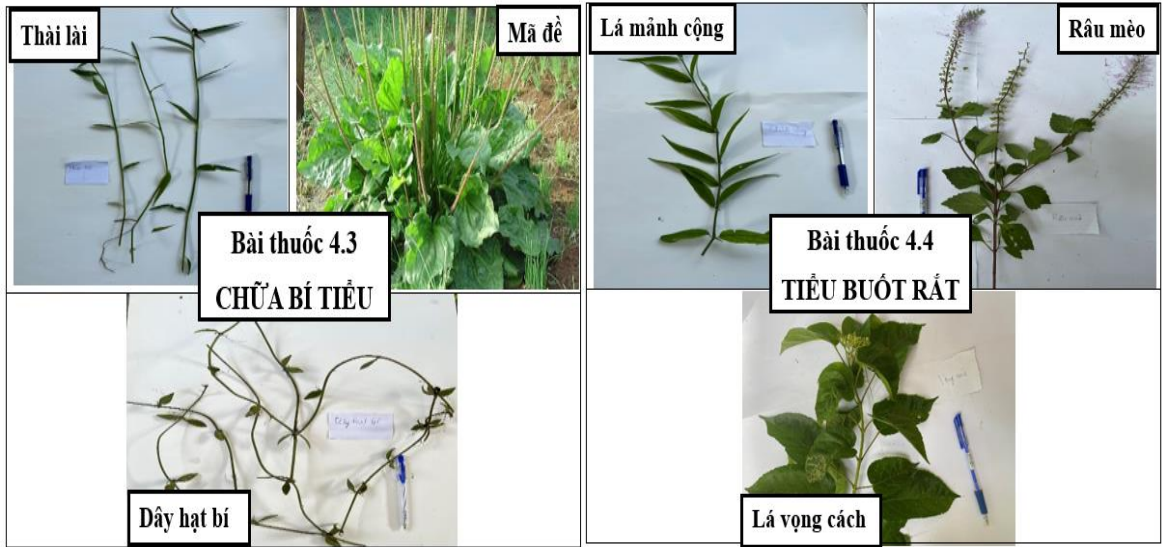
TẬP ẢNH BÀI THUỐC TỪ CỘNG ĐỒNG



4. Bài thuốc chủ trị bệnh Tiết niệu

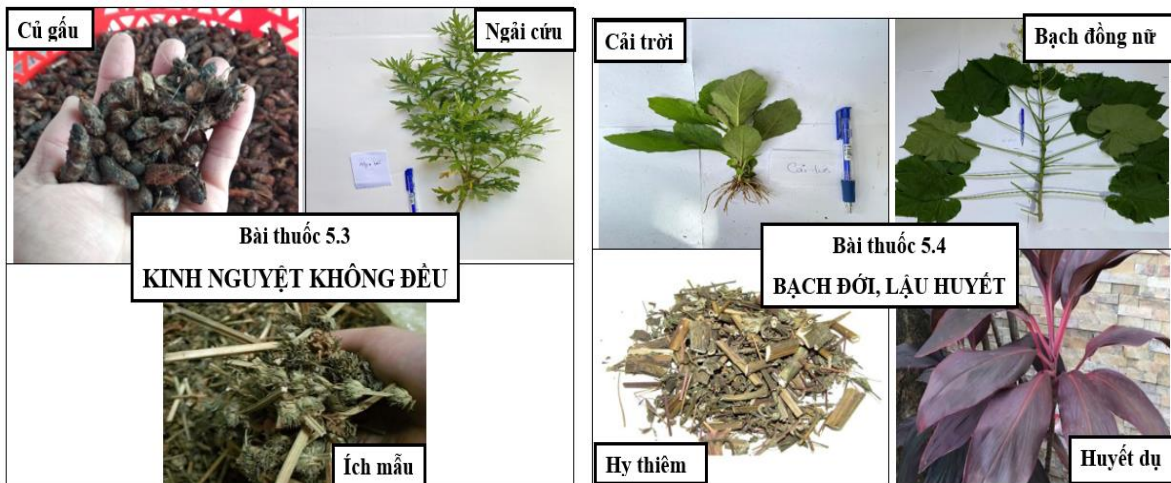
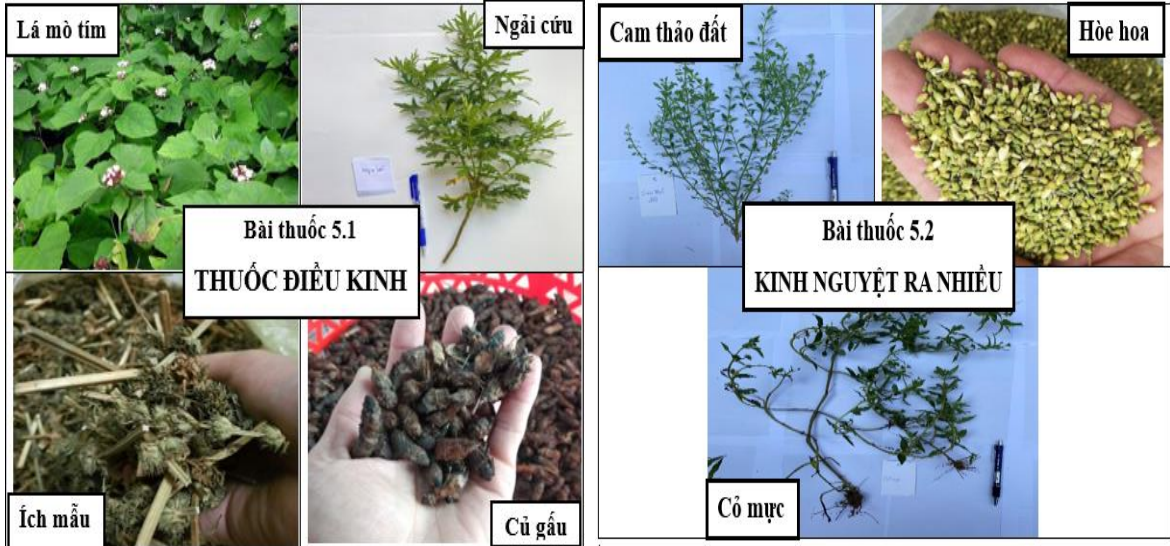


TẬP ẢNH BÀI THUỐC TỪ CỘNG ĐỒNG



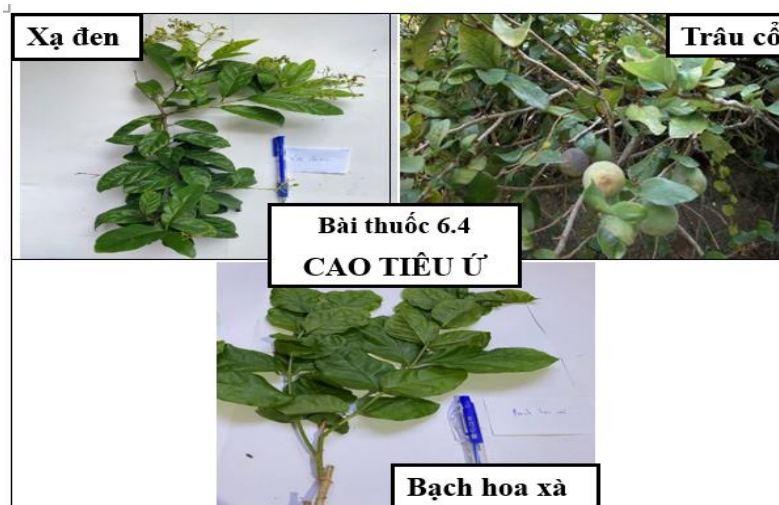
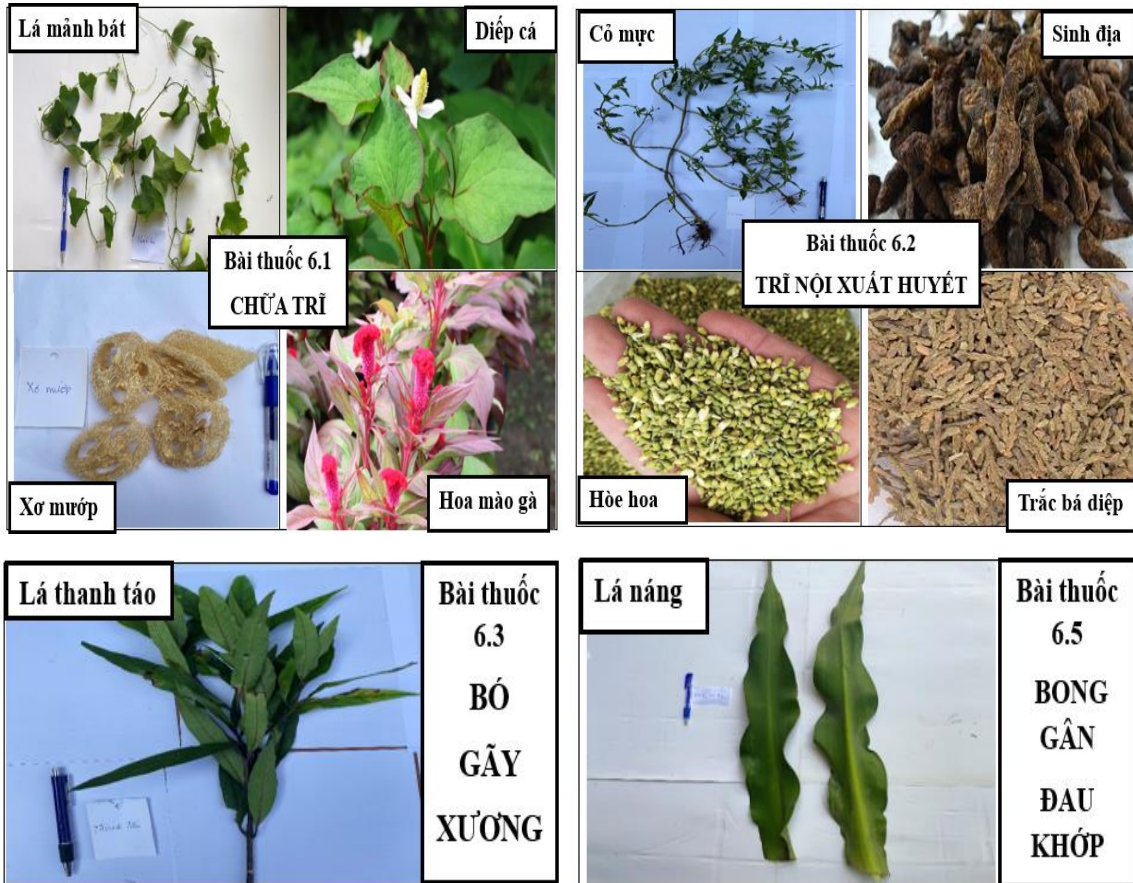
TẬP ẢNH BÀI THUỐC TỪ CỘNG ĐỒNG

5. Bài thuốc chủ trị bệnh phụ khoa



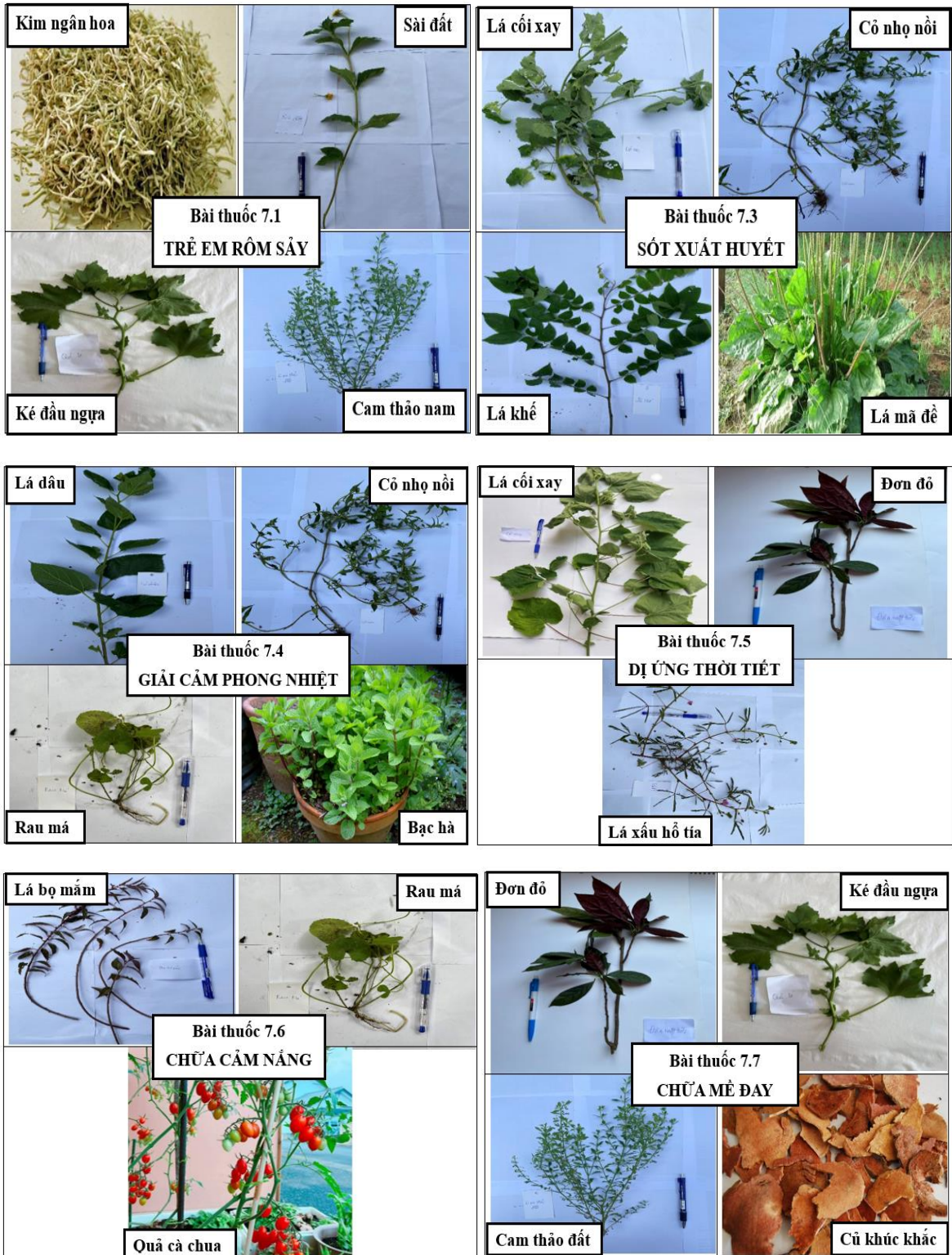
TẬP ẢNH BÀI THUỐC TỪ CỘNG ĐỒNG

6. Bài thuốc chủ trị bệnh ngoại khoa

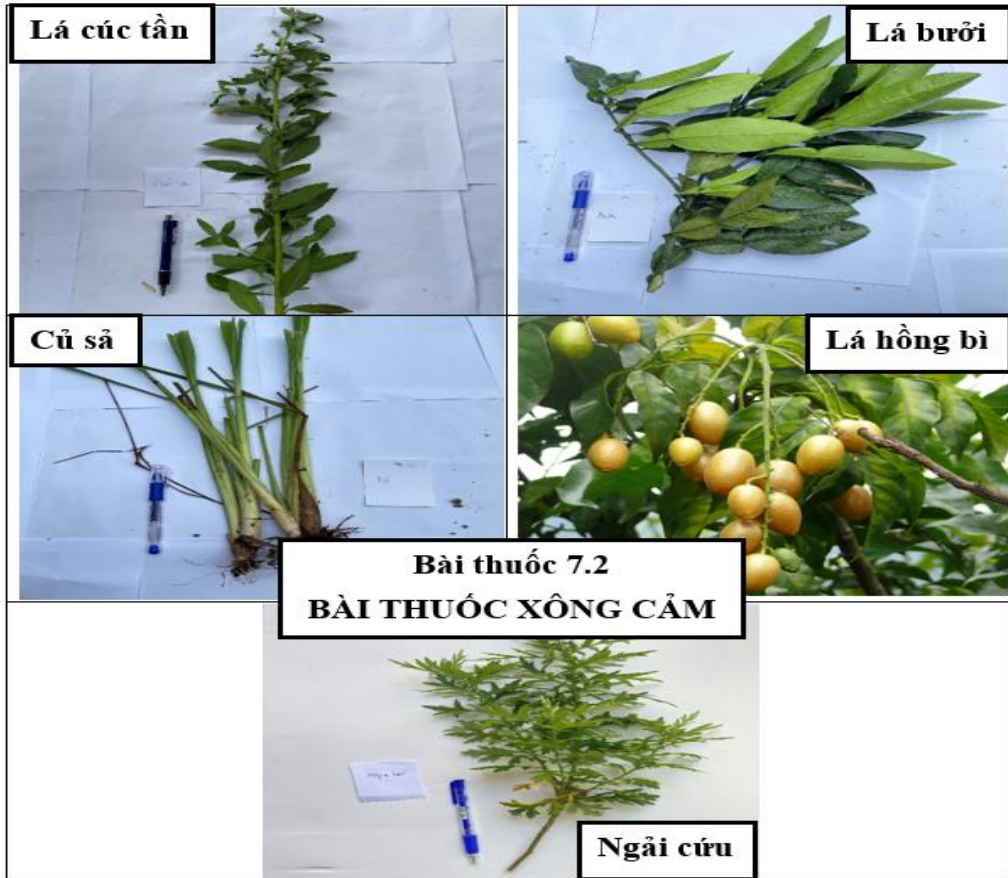


TẬP ẢNH BÀI THUỐC TỪ CỘNG ĐỒNG

7. Bài thuốc chủ trị bệnh ngoại cảm



TẬP ẢNH BÀI THUỐC TỪ CỘNG ĐỒNG



Phụ lục 7

BẢNG TRA CỨU XÁC ĐỊNH “CÔNG NĂNG” BÀI THUỐC NAM

Đây là phần tra cứu, đối sánh. Căn cứ vào bệnh danh và thể bệnh trong phần xác định “chủ trị”, đối sánh sang cột “công năng” tương ứng để xác định.

A. Phần bệnh danh y học cổ truyền

Mã số	Chủ trị		Công năng
	Bệnh danh	Thể bệnh	
Nhóm 1			
1.1.	Huyền vựng	1.1.1. Âm hư dương xung	Tư âm tiềm dương
		1.1.2. Can thận âm hư	Tư dưỡng can thận
		1.1.3. Tâm tỳ hư	Kiện tỳ, dưỡng tâm, an thần
		1.1.4. Đàm thấp	Kiện tỳ, trừ thấp, hóa đàm
1.2	Tâm quý	1.2.1. Khí âm lưỡng hư	Ích khí dưỡng âm
		1.2.2. Tâm dương hư	Ôn bổ tâm dương, hoạt huyết.
		1.2.3. Âm dương khí huyết đều hư	Ích khí dưỡng âm, ôn dương, hoạt huyết
1.3	Tâm thống	1.3.1. Khí trệ huyết ú	Hành khí hoạt huyết, thông dương chỉ thống
		1.3.2. Tâm dương hư thoát	Ôn dương cứu nghịch, ích khí phù mạch
		1.3.3. Can thận âm hư	Tư bổ can thận, hoạt huyết chỉ thống
		1.3.4. Tâm tỳ hư	Kiện tỳ, dưỡng tâm, an thần chỉ thống
		1.3.5. Tâm thận dương hư	Ôn bổ tâm thận, hoạt huyết chỉ thống.
1.4	Chính xung	1.4.1. Tâm huyết hư	Bổ huyết, dưỡng tâm an thần
		1.4.2. Âm hư hỏa vượng	Tư âm giáng hỏa, dưỡng tâm
		1.4.3. Dương hư	Ôn bổ tâm dương, an thần
1.5	Xuất huyết	1.5.1. Ứ huyết	Khứ ú chỉ huyết
		1.5.2. Huyết nhiệt	Lương huyết chỉ huyết
		1.5.3. Hòa độc, nhiệt độc	Thanh nhiệt giải độc chỉ huyết

Mã số	Chủ trị		Công năng
	Bệnh danh	Thể bệnh	
		1.5.4. Tỳ hư	Kiện tỳ nhiếp huyết
1.6	Huyết hư	1.6.1. Tâm tỳ hư	Kiện tỳ dưỡng huyết
		1.6.2. Khí huyết lưỡng hư	Ích khí dưỡng huyết
		1.6.3. Can thận âm hư	Tư âm, dưỡng can thận
		1.6.4. Tỳ thận dương hư	Ôn dương, kiện tỳ ích thận
1.7	Thất miên	1.7.1. Can khí uất kết	Sơ can giải uất, dưỡng tâm an thần
		1.7.2. Tâm can thận âm hư	Tư bổ can thận, dưỡng tâm an thần
		1.7.3. Tâm tỳ huyết hư	Kiện tỳ bổ huyết, dưỡng tâm an thần
		1.7.4. Đàm hỏa nhiễu tâm	Trừ thấp hóa đàm, thanh hỏa ninh tâm
Nhóm 2			
2.1	Háo suyễn	2.1.1. Con hen hàn	Ôn phế tán hàn, hạ suyễn
		2.1.2. Con hen nhiệt	Thanh nhiệt, tuyên phế, bình suyễn
		2.1.3. Phế khí hư	Ích khí cố biểu, dưỡng phế định suyễn
		2.1.4. Phế âm hư	Tư âm dưỡng phế, định suyễn
		2.1.5. Tỳ khí hư	Kiện tỳ ích khí, dưỡng phế định suyễn
		2.1.6. Thận hư	Ôn thận nạp khí, bình suyễn
2.2	Khái thấu	2.2.1. Phong hàn	Sơ phong tán hàn, tuyên phế chỉ khái
		2.2.2. Phong nhiệt	Sơ phong thanh nhiệt, tuyên phế chỉ khái
		2.2.3. Phế táo	Tư âm thanh phế, nhuận táo chỉ khái
		2.2.4. Đàm thấp	Ích khí hóa đàm, trừ thấp chỉ khái
		2.2.5. Thủy ảm	Ôn phế hóa đàm, tuyên phế chỉ khái
2.3	Thất âm	2.3.1. Ngoại cảm phong hàn	Sơ phong tán hàn, ôn phế

Mã số	Chủ trị		Công năng
	Bệnh danh	Thể bệnh	
		2.3.2. Đàm nhiệt	Thanh phế hóa đàm, nhuận phế
		2.3.3. Phế âm hư	Dưỡng âm sinh tân, nhuận phế
		2.3.4. Thận âm hư	Tư âm bổ thận, ích khí nhuận phế
2.4	Ôn bệnh	2.4.1. Tà phạm phế vệ	Sơ phong thanh nhiệt, tuyên phế
		2.4.2. Nhiệt uất phế khí	Thanh nhiệt lương huyết, tuyên phế
		2.4.3. Nhiệt nhập tâm doanh	Thanh dinh tiết nhiệt, ninh tâm khai khiếu
2.5	Cảm mạo	2.5.1. Cảm mạo phong hàn	Khu phong tán hàn, tân ôn phát hãn giải biểu
		2.5.2. Cảm mạo phong nhiệt	Khu phong thanh nhiệt, tân lương phát hãn giải biểu
		2.5.3. Thương thử	Thanh nhiệt, giải thử, sinh tân chỉ khát
2.6.	Ty viêm	2.6.1. Phong hàn	Sơ phong giải biểu, tuyên phế thông ty
		2.6.2. Hàn thấp	Sơ tán hàn thấp, tuyên phế thông ty
		2.6.3. Âm hư	Tư âm dưỡng phế, cố biểu thông ty
		2.6.4. Khí hư	Ích khí dưỡng phế, cố biểu thông ty
Nhóm 3			
3.1	Vị quản thống	3.1.1. Can khí uất trệ	Sơ can giải uất, hành khí chỉ thống
		3.1.2. Hòa uất phạm vị	Thanh nhiệt giải uất, hòa vị chỉ thống
		3.1.3. Huyết ú vị lạc	Hoạt huyết khứ ú, chỉ thống
		3.1.4. Tỳ vị hư hàn	Kiện tỳ dưỡng vị, ôn trung chỉ thống
		3.1.5. Vị âm hư tổn	Tư âm dưỡng vị, trừ phiền chỉ thống
3.2	Hoàng đản	3.2.1. Can nhiệt tỳ thấp	Thanh can tiết nhiệt, kiện tỳ, lợi

Mã số	Chủ trị		Công năng
	Bệnh danh	Thể bệnh	
			thấp thoái hoàng
		3.2.2. Can uất tỳ hư	Sơ can giải uất, kiện tỳ lý khí
		3.2.3. Can âm thương tổn	Tư âm, bổ huyết dưỡng can
		3.2.4. Khí trệ huyết ứ	Hoạt huyết hóa ứ, hành khí thông trệ
3.3	Can ngành hóa	3.3.1. Can uất tỳ hư	Sơ can lý khí, kiện tỳ trừ thấp
		3.3.2. Khí trệ huyết ứ	Hành khí hoạt huyết, khứ ứ tán kết
		3.3.3. Âm hư thấp nhiệt	Tư dưỡng can âm, thanh nhiệt lợi thấp
		3.3.4. Tỳ thận dương hư	Ôn dương kiện kỳ, ích thận hành thủy
3.4	Tiết tả	3.4.1. Hàn thấp	Ông trung trừ hàn, sáp trường chỉ tả
		3.4.2. Thấp nhiệt	Thanh nhiệt lợi thấp, sáp trường chỉ tả
		3.4.3. Thương thực	Kiến tỳ tiêu thực, đạo trệ chỉ tả
		3.4.4. Can khắc tỳ	Sơ can kiện tỳ, hành khí chỉ tả
		3.4.5. Tỳ vị hư	Ôn trung kiện tỳ, chỉ tả
		3.4.6. Tỳ thận dương hư	Ôn dương kiện tỳ, sáp trường chỉ tả
3.5	Táo bón	3.5.1. Âm hư táo kết	Tư âm lương huyết, sinh tân nhuận táo
		3.5.2. Huyết hư táo kết	Bổ huyết dưỡng âm, nhuận táo
		3.5.3. Khí hư	Ích khí kiện tỳ, nhuận táo
		3.5.4. Khí trệ	Hành khí thông phủ, nhuận táo
3.6.	Tiện huyết	3.6.1. Thấp nhiệt tràng vị	Thanh nhiệt trừ thấp, thăng đề, chỉ huyết.
		3.6.2. Can tỳ bất hòa	Sơ can lý khí, kiện tỳ nhiếp huyết
3.7.	Phúc thống	3.7.1. Hàn tà phạm vị	Ôn trung tán hàn, hành khí chỉ thống

Mã số	Chủ trị		Công năng
	Bệnh danh	Thể bệnh	
		3.7.2. Thấp nhiệt tràng vị	Thanh nhiệt tràng vị, giải độc chỉ thống
		3.7.3. Tỳ vị hư suy	Ôn bổ tỳ vị, chỉ thống.
		3.7.4. Tỳ thận dương hư	Ôn bổ thận dương, kiện tỳ chỉ thống.
3.8	Khẩu sang	3.8.1. Thấp nhiệt	Thanh nhiệt trừ thấp, lương huyết giải độc.
		3.8.2. Tỳ hư	Kiện tỳ dưỡng vị, bài nùng sinh cơ
3.9	Tích tụ	3.9.1. Huyết ứ	Hoạt huyết hóa ứ, tán kết
		3.9.2. Khí hư ứ kết	Bổ khí hoạt huyết, tán kết
Nhóm 4			
4.1	Thủy thũng	4.1.1. Phong tà	Sơ phong tuyên phế, lợi niệu tiêu thũng
		4.1.2. Thủy thấp	Ôn kinh thông dương, lợi thấp tiêu thũng
		4.1.3. Thấp nhiệt	Thanh nhiệt giải độc, lợi thấp tiêu thủy
4.2	Âm thủy	4.2.1. Tỳ dương hư	Ôn dương kiện tỳ, hành khí lợi niệu
		4.2.2. Thận tỳ dương hư	Ôn bổ tỳ thận, hành khí lợi niệu
		4.2.3. Âm hư dương xung	Tư âm tiềm dương, lợi thủy trừ thũng
4.3	Ngũ lâm	4.3.1. Thấp nhiệt hạ trú	Thanh nhiệt lợi thấp, thông lâm
		4.3.2. Âm hư thấp nhiệt	Bổ thận, thanh nhiệt trừ thấp, thông lâm
		4.3.3. Tỳ hư thấp trọc	Kiện tỳ ích khí, thăng thanh giáng trọc.
		4.3.4. Thận hư hàn ngưng	Ôn dương trừ hàn, bổ thận khí hóa
		4.3.5. Thạch lâm	Lợi niệu bài thạch, hành khí hoạt huyết

Mã số	Chủ trị		Công năng
	Bệnh danh	Thể bệnh	
4.4	Niệu huyết	4.4.1. Tâm hỏa vong động	Thanh tâm tả hỏa, lương huyết chỉ huyết
		4.4.2. Thấp nhiệt hạ tiêu	Lợi thủy trừ thấp, thanh nhiệt chỉ huyết
		4.4.3. Âm hư hỏa động	Tư âm thanh nhiệt, lương huyết chỉ huyết
		4.4.4. Huyết ứ	Hoạt huyết khứ ứ, chỉ huyết
		4.4.5. Tỳ hư	Kiện tỳ ích khí, nhiếp huyết chỉ huyết
4.5	Lâm bế	4.5.1. Thấp nhiệt hạ tiêu	Thanh nhiệt lợi thấp, lợi thủy thông lâm
		4.5.2. Huyết ứ	Hoạt huyết hóa ứ, lợi niệu thông lâm
		4.5.3. Thận hư	Ôn dương thận thận, khí hóa thông lâm
Nhóm 5			
5.1	Tâm căn suy nhược	5.1.1. Tâm can khí uất	Sơ can lý khí, dưỡng tâm an thần
		5.1.2. Âm hư hỏa vượng	Tư âm giáng hỏa, dưỡng tâm an thần
		5.1.3. Tâm can thận âm hư	Tư bổ can thận, dưỡng tâm an thần
		5.1.4. Tâm tỳ hư	Kiện tỳ bổ huyết, dưỡng tâm an thần
		5.1.5. Âm dương lưỡng hư	Bổ thận ích tinh, dưỡng huyết an thần
5.2	Hiếp thống	5.1.1. Phong hàn	Khu phong, tán hàn, ôn kinh thông lạc
		5.1.2. Phong hàn thấp	Khu phong tán hàn trừ thấp, thông kinh hoạt lạc
		5.1.3. Phong thấp nhiệt	Khu phong thanh nhiệt trừ thấp, thông kinh hoạt lạc
		5.1.4. Huyết ứ khí trệ	Hoạt huyết hành khí, khứ ứ chỉ thống

Mã số	Chủ trị		Công năng
	Bệnh danh	Thể bệnh	
5.3	Đầu thống	5.3.1. Phong hàn	Sơ phong tán hàn, ôn kinh chỉ thống
		5.3.2. Phong nhiệt	Sơ phong thanh nhiệt, thông lạc chỉ thống
		5.3.3. Phong thấp	Sơ phong thăng thấp, thông lạc chỉ thống
		5.3.4. Can dương thượng cang	Bình can tiềm dương, thanh hỏa tức phong
		5.3.5. Tỳ hư kiêm thấp	Kiện tỳ ích khí, trừ thấp thông lạc chỉ thống
		5.3.6. Huyết ú	Hoạt huyết khứ ú, thông kinh chỉ thống.
5.4	Yêu cước thống	5.4.1. Phong hàn	Khu phong tán hàn, ôn kinh thông lạc
		5.4.2. Can thận hư kiêm phong hàn thấp	Bổ can thận, dưỡng cân cốt, trừ phong thấp
		5.4.3. Huyết ú trở lạc	Hoạt huyết khứ ú, thông lạc chỉ thống
5.5	Khẩu nhãn oa tà	5.5.1. Phong hàn phạm lạc	Khu phong tán hàn, thông kinh hoạt lạc
		5.5.2. Phong nhiệt phạm lạc	Khu phong thanh nhiệt, sơ thông kinh lạc
		5.5.3. Ú huyết ở kinh lạc	Hoạt huyết khứ ú, hành khí thông lạc
5.6	Huyễn vựng	5.6.1. Can dương thượng cang	Bình can tiềm dương, thanh hỏa tức phong
		5.6.2. Đàm trọc trung trở	Trừ thấp hóa đàm, kiện vận tỳ vị
		5.6.3. Thận tinh bất túc	Ích bổ thận tinh, dưỡng khiếu trừ huyễn
		5.6.4. Khí huyết lưỡng hư	Kiện tỳ ích khí, dưỡng huyết thăng đề
5.7	Trúng phong	5.7.1. Âm hư hỏa vượng	Tư âm tiềm dương, khứ phong thông lạc

Mã số	Chủ trị		Công năng
	Bệnh danh	Thể bệnh	
		5.7.2. Phong đàm	Trừ đàm tức phong, kiện tỳ ích khí thông lạc.
		5.7.3. Chứng bế	Tức phong thanh hỏa, tiêu đàm khai khiếu
		5.7.4. Chứng thoát	Ích khí cố thoát, hồi dương cứu nghịch
Nhóm 6			
6.1	Lịch tiết phong	6.1.1. Phong thấp nhiệt tý	Khu phong thanh nhiệt trừ thấp, hoạt lạc thông tý
		6.1.2. Phong hàn thấp tý	Khu phong tán hàn trừ thấp, ôn kinh hành tý.
6.2	Chứng tý	6.2.1. Khí huyết bất túc	Bổ khí dưỡng huyết, thông kinh hoạt lạc
		6.2.2. Can thận hư suy	Ích bổ can thận, thư cân dưỡng cốt
		6.2.3. Sang thương huyết ú	Hoạt huyết khứ ú, thông lạc chỉ thống
		6.2.4. Phong hàn thấp tý	Khu phong tán hàn trừ thấp, ôn kinh hành tý.
6.3	Yêu thống	6.3.1. Hàn thấp bế kinh	Tán hàn trừ thấp, ôn kinh thông lạc
		6.3.2. Huyết ú trở lạc	Hoạt huyết khứ ú, thông kinh hoạt lạc
		6.3.3. Can thận hư	Bổ can thận, dưỡng cân cốt, thông kinh lạc
		6.3.4. Thấp nhiệt	Thanh nhiệt trừ thấp, sơ thông kinh lạc
6.4	Lạc chậm	6.4.1. Phong hàn phạm lạc	Khu phong tán hàn, ôn kinh thông lạc
		6.4.2. Hàn thấp phạm lạc	Tán hàn trừ thấp, ôn kinh thông lạc
		6.4.3. Huyết ú ở lạc	Hoạt huyết khứ ú, hành khí thông kinh hoạt lạc

Mã số	Chủ trị		Công năng
	Bệnh danh	Thể bệnh	
		6.4.4. Can thận hư suy	Bổ can thận, trừ phong thấp, thông kinh lạc.
Nhóm 7			
7.1	Hư lao	7.1.1. Phế khí hư	Bổ phế khí
		7.1.2. Tỳ khí hư	Kiện tỳ ích khí
		7.1.3. Tỳ phế đều hư	Bổ khí kiện tỳ ích phế
		7.1.4. Tâm huyết hư	Bổ huyết, dưỡng tâm an thần
		7.1.5. Can huyết hư	Bổ huyết dưỡng can
		7.1.6. Tỳ dương hư	Ôn trung kiện tỳ
		7.1.7. Thận dương hư	Ôn bổ thận dương
		7.1.8. Phế âm hư	Tư âm dưỡng phế
		7.1.9. Tâm âm hư	Tư âm dưỡng tâm, an thần
		9.1.10. Vị âm hư	Tư âm dưỡng vị
		7.1.11. Can âm hư	Tư âm dưỡng can huyết
7.2	Tiêu khát	7.2.1. Phế âm hư	Dưỡng âm nhuận phế, sinh tân chỉ khát
		7.2.2. Vị âm hư	Dưỡng âm ích vị, sinh tân chỉ khát
		7.2.3. Thận âm hư	Tư âm bổ thận, liễm tân chỉ khát
		7.2.4. Khí âm lưỡng hư	Ích khí dưỡng âm, liễm tân chỉ khát
7.3	Thống phong	7.3.1. Đàm thấp	Trừ thấp hóa đàm, lợi niệu hóa trọc
		7.3.2. Thấp nhiệt	Thanh nhiệt trừ thấp, lợi niệu hóa trọc
		7.3.3. Huyết ứ	Hoạt huyết trục ứ, thư cân thông lạc
		7.3.4. Âm hư	Tư âm thanh nhiệt, dưỡng âm thông lạc
Nhóm 8			
8.1	Thống kinh	8.1.1. Huyết hư	Bổ can huyết, điều kinh chỉ thống
		8.1.2. Thận hư	Bổ thận điều kinh chỉ thống

Mã số	Chủ trị		Công năng
	Bệnh danh	Thể bệnh	
		8.1.3. Khí trệ	Hành khí khí tiêu trệ, hòa xung âm chỉ thống
		8.1.4. Huyết ú	Hoạt huyết khứ ú, điều hòa xung âm
		8.1.5. Hàn thực	Ôn kinh tán hàn, thông kinh chỉ thống
		8.1.6. Hư hàn	Ôn kinh bổ hư
		8.1.7. Huyết nhiệt	Thanh nhiệt lương huyết
8.2	Kinh nguyệt thất điều	8.2.1. Huyết nhiệt	Lương huyết thanh nhiệt, chỉ huyết điều kinh
		8.2.2. Hư nhiệt	Dưỡng âm thanh nhiệt, dưỡng huyết điều kinh
		8.2.3. Hư hàn	Ôn kinh trừ hàn, ích khí điều kinh
		8.2.4. Khí hư	Ích khí kiện tỳ, điều kinh
		8.2.5. Huyết hư	Bổ huyết điều kinh
		8.2.6. Tỳ hư	Bổ tỳ điều kinh
		8.2.7. Can thận hao tổn	Bổ can thận, hòa xung âm
		8.2.8. Huyết ú khí trệ	Hoạt huyết khứ ú, dưỡng huyết điều kinh.
		8.2.9. Khí uất	Điều khí giải uất, hòa xung âm
		8.2.10. Đàm thấp	Kiến tỳ hóa thấp điều kinh
8.3	Đới hạ	8.3.1. Tỳ hư	Kiến tỳ, ích khí, trừ thấp
		8.3.2. Thấp nhiệt	Thanh nhiệt giải độc, trừ thấp chỉ đới
		8.3.3. Can uất	Điều can, giải uất
		8.3.4. Đàm thấp	Kiến tỳ, hóa đàm
		8.3.5. Thận hư	Ích thận trừ đới hạ.
8.4	Âm sang	8.4.1. Thấp nhiệt	Thanh trừ thấp nhiệt
		8.4.2. Can uất	Tả can, thanh nhiệt
8.5	Hoạt thai	8.5.1. Khí huyết hư nhược	Bổ khí huyết, an thai
		8.5.2. Tỳ hư	Bổ trung khí, an thai
		8.5.3. Thận hư	Bổ thận an thai

Mã số	Chủ trị		Công năng
	Bệnh danh	Thể bệnh	
		8.5.4. Can uất khí trệ	Bình can, thư uất, lý khí, an thai
		8.5.5. Âm hư huyết nhiệt	Tư âm, thanh nhiệt, an thai
8.6	Khuyết nữ	8.6.1. Khí huyết hư nhược	Bổ khí dưỡng huyết, sinh tân lợi nữ
		8.6.2. Can khí uất trệ	Sơ can giải uất, sơ thông nữ lạc
Nhóm 9			
9.1	Trĩ sang	9.1.1. Huyết ứ	Lương huyết hoạt huyết, khứ ứ chỉ huyết
		9.1.2. Thấp nhiệt	Thanh nhiệt lợi thấp, hoạt huyết hóa ứ
		9.1.3. Khí huyết đều hư	Bổ khí huyết, thăng đề, chỉ huyết
9.2	Giang lậu	9.2.1. Thấp nhiệt	Thanh nhiệt lợi thấp
		9.2.2. Khí huyết đều hư	Bổ khí huyết
9.3	Thạch lâm	9.3.1. Khí trệ huyết ứ	Lý khí hành trệ, hoạt huyết thông lâm
		9.3.3. Thấp nhiệt	Thanh nhiệt lợi thấp, thông lâm, bài thạch
		9.3.4. Thận hư	Ích khí bổ thận, thông lâm bài thạch
9.4	Thấp chân	9.4.1. Phong thấp phạm biểu	Khu phong thăng thấp, ích khí cố biểu
		9.4.2. Huyết hư phong táo	Khu phong, dưỡng huyết, nhuận táo
9.5	Phong chân	9.5.1. Phong hàn	Sơ phong tán hàn, tân lương thấu chân
		9.5.2. Phong nhiệt	Sơ phong thanh nhiệt, lương huyết thấu chân
9.6	Bạch sang	9.5.1. Phong huyết nhiệt	Lương huyết, giải độc, khu phong
		9.5.2. Thấp huyết nhiệt	Dưỡng huyết, thanh nhiệt trừ thấp, hòa dinh thông lạc
		9.5.3. Huyết hư phong táo	Dưỡng huyết, nhuận táo, khu phong

Mã số	Chủ trị		Công năng
	Bệnh danh	Thể bệnh	
9.7	Hỏa đới sang	9.6.1. Can kinh uất nhiệt	Thanh nhiệt lợi thấp, giải độc chỉ thống
		9.6.2. Tỳ hư thấp trệ	Kiện tỳ, trừ thấp, giải độc
		9.6.3. Khí trệ huyết ứ	Hoạt huyết hóa ứ, hành khí chỉ thống
9.8	Trật đả	9.7.1. Sang thương huyết ứ	Hành ứ hoạt huyết, thông kinh lạc chỉ thống
		9.7.2. Can thận hư suy	Bổ ích can thận, tiếp cốt
Nhóm 10			
10.1	Chứng cam	10.1.1. Tỳ khí hư	Bổ khí, kiện tỳ vị.
		10.1.2. Khí huyết hư	Bổ khí huyết, kiện vận tỳ vị
10.2	Ma chẩn	10.2.1. Sơ khởi	Giải cơ thấu biểu, tân lương giải biểu
		10.2.2. Sởi mọc	Thanh nhiệt giải độc, dưỡng huyết hòa dinh
		10.2.3. Sởi bay	Dưỡng âm thanh nhiệt, ích khí dưỡng huyết hòa dinh.
10.3	Ôn dịch	10.3.1. Nhiệt độc vệ khí	Sơ biểu thanh nhiệt giải độc
		10.3.2. Nhiệt độc dinh huyết	Thanh nhiệt giải độc, lương huyết chỉ huyết
		10.3.3. Khí âm lương suy	Ích khí dưỡng âm, sinh tân dưỡng dịch
		10.3.4. Khí huyết hao tổn	Kiện tỳ, ích khí dưỡng huyết
10.4	Nha chu viêm	10.4.1. Thấp nhiệt	Thanh nhiệt trừ thấp, giải độc tiêu thũng
		10.4.2. Tỳ hư	Kiện tỳ ích khí, trừ thấp tiêu thũng
10.5	Xích mục	Phong nhiệt dịch lệ	Sơ phong thanh nhiệt, giải độc tiêu thũng

B. Phần bệnh danh y học hiện đại

Mã số	Chủ trị		Công năng
	Bệnh danh	Thể bệnh	
	Đái máu	1/ Thấp nhiệt hạ tiêu	Thanh nhiệt lợi thấp, giải độc chỉ huyết
		2/ Âm hư huyết nhiệt	Tư âm thanh nhiệt, lương huyết chỉ huyết
		3/ Tỳ hư không nhiếp	Kiện tỳ nhiếp huyết
		4/ Huyết ứ	Hoạt huyết chỉ huyết
	Bí tiêu	1/ Thấp nhiệt hạ tiêu	Thanh nhiệt lợi thấp, lợi thủy thông lâm
		2/ Thận khí hư suy	Ích bổ thận khí, lợi thủy thông lâm
	Thoái hóa khớp	1/ Phong hàn thấp tý	Khu phong tán hàn trừ thấp, thông kinh lạc
		2/ Phong thấp nhiệt tý	Khu phong thanh nhiệt trừ thấp, thông kinh lạc
		3/ Can thận hư	Bổ can thận, dưỡng khí huyết, thông kinh lạc.
		4/ Can thận hư kiêm phong hàn thấp	Khu phong tán hàn trừ thấp, Bổ can thận, thông kinh lạc.
		5/ Đàm ứ tý trở	Trừ thấp hóa đàm, kiện tỳ thông tý.
		6/ Khí huyết hư	Bổ khí huyết, thông kinh lạc
	Viêm mũi dị ứng	1/ Phong hàn phạm phế	Khu phong tán hàn, ôn phế cố biểu thông tý.
		2/ Khí hư vệ suy	Ích bổ phế khí, cố biểu thông tý.
	Viêm phế quản	1/ Khu phong tán hàn, ôn phế cố biểu thông tý.	Khu phong tán hàn, tuyên phế chỉ khái.
		2/ Ích bổ phế khí, cố biểu thông tý.	Khu phong thanh nhiệt, tuyên phế chỉ khái.

Mã số	Chủ trị		Công năng
	Bệnh danh	Thể bệnh	
		3/ Khu phong tán hàn, ôn phế cố biểu thông tỵ.	Kiện tỳ hóa thấp trừ đàm, tuyên phế chỉ khái.
		4/ Ích bổ phế khí, cố biểu thông tỵ.	Tư âm nhuận phế, chỉ khái.
	Hen phế quản	1/ Hàn tà phạm phế	Khu phong tán hàn, tuyên phế chỉ suyễn.
		2/ Phế khí hư suy	Ích bổ phế khí, chỉ suyễn.
		3/ Thận hư không nạp	Ôn thận nạp khí, chỉ suyễn.
	Đại tiện ra máu	1/ Thấp nhiệt tràng vị	Thanh nhiệt trừ thấp, sáp trường chỉ tả
		2/ Tỳ khí hư suy	Ôn trung kiện tỳ táo thấp, chỉ tả.
	Viêm gan	1/ Can đờm thấp nhiệt	Thanh nhiệt trừ thấp, thanh can lợi đờm.
		2/ Can uất tỳ hư	Sơ can kiện tỳ, hành khí chỉ thống.
		3/ Can âm thương tổn	Tư âm dưỡng huyết, thanh can chỉ thống.
		4/ Tỳ thận dương hư	Ôn bổ tỳ thận, ôn dương hành thủy.
	Viêm dạ dày	1/ Khí trệ	Sơ can giải uất, hòa vị chỉ thống.
		2/ Hỏa uất	Sơ can tiết nhiệt, hòa vị chỉ thống
		3/ Huyết ứ	Hoạt huyết chỉ thống
		4/ Tỳ vị hư	Ôn bổ tỳ vị, chỉ thống.
	Trĩ	1/ Đại tràng thấp nhiệt	Thanh nhiệt trừ thấp, kiện tỳ thăng đề.
		2/ Huyết ứ	Hoạt huyết hóa ứ, kiện tỳ thăng đề
		3/ Khí hư hạ hãm	Kiện tỳ ích khí, thăng đề.
	Viêm niêm	1/ Thấp nhiệt	Thanh nhiệt trừ thấp, giải độc.

Mã số	Chủ trị		Công năng
	Bệnh danh	Thể bệnh	
	mạc miệng	2/ Tỳ hư	Kiên tỳ dưỡng vị, bài nùng sinh cơ
	Ỉa chảy	1/ Hàn tà phạm vị	Ôn trung tán hàn, hành khí chỉ tả
		2/ Hàn thấp khốn tỳ	Ôn trung tán hàn, hành khí chỉ tả
		3/ Thấp nhiệt tràng vị	Thanh nhiệt tràng vị, hành khí chỉ tả
		4/ Tỳ vị hư suy	Ôn bổ tỳ vị, chỉ tả
		5/ Tỳ thận dương hư	Ôn bổ thận dương, kiên tỳ chỉ tả.
	Đau đầu	1/ Can khí uất kết	Sơ can giải uất, hành khí chỉ thống
		2/ Hư hỏa thượng nhiễu	Tư âm dưỡng huyết, chỉ thống
		3/ Phong đàm thượng nhiễu	Kiên tỳ trừ đàm, khu phong chỉ thống
		4/ Khí huyết hư suy	Bổ khí dưỡng huyết.
		5/ Thận tinh bất túc	Ích thận dưỡng tinh
		6/ Tà khí trở lạc	Sơ tán phong tà
	Tăng huyết áp	1/ Can dương thượng cang	Bình can tiềm dương, trừ huyễn
		2/ Can thận âm hư	Tư bổ can thận, dưỡng huyết
		3/ Phong đàm nội uẩn	Kiên tỳ trừ đàm, khu phong, trừ huyễn.
		4/ Đàm nhiệt	Thanh nhiệt trừ đàm, khu phong, trừ huyễn.
	Mất ngủ	1/ Can khí uất kết	Sơ can lý khí, dưỡng tâm an thần
		2/ Tâm can thận âm hư	Tư bổ can thận, dưỡng tâm an thần
		3/ Tâm tỳ huyết hư	Kiên tỳ ích khí, bổ huyết dưỡng tâm.
		4/ Đàm hỏa nhiễu tâm	Thanh nhiệt hóa đàm, ninh tâm an thần

Mã số	Chủ trị		Công năng
	Bệnh danh	Thể bệnh	
		Phong hàn	Sơ phong tán hàn, tuyên phế giải biểu
		Phong nhiệt	Sơ phong thanh nhiệt, tân lương giải biểu
		Khí hư	Ích khí cố biểu
	Sốt xuất huyết	1/ Khí vệ	Sơ phong thanh nhiệt, giải độc
		2/ Dinh huyết	Thanh nhiệt giải độc, lương huyết chỉ huyết
		3/ Khí huyết hư	Kiện tỳ, ích khí dưỡng huyết
	Rối loạn kinh nguyệt	1/ Xung nhâm bất cố	Bổ can thận, cố xung nhâm, điều kinh.
		2/ Tỳ hư	Kiện tỳ ích khí, bổ huyết điều kinh
	Dị ứng thời tiết	1/ Phong hàn	Sơ phong tán hàn, giải biểu thấu chẩn
		2/ Phong nhiệt	Sơ phong thanh nhiệt, giải biểu thấu chẩn
	Đau mắt đỏ		Thanh nhiệt giải độc, hoạt huyết tiêu ứ
	Viêm phần phụ	1/ Thấp nhiệt hạ trú	Thanh nhiệt giải độc, lợi thấp tiêu ứ
		2/ Tỳ hư thấp trọc	Kiện tỳ ích khí, táo thấp hóa trọc.

Phụ lục 8
THÔNG TIN BAN ĐẦU VỀ 138 BÀI THUỐC NAM

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng	Chủ trị	Trang	Nguồn gốc
1	Chữa đái máu	Thân rễ dứa dại, Lá cối xay, Lá phèn đen	0	Đái máu kèm theo buốt rất		Tài liệu kế thừa BS Hoàng Thủ
2	Bạch biến diệp thang	Lá đậu ván trắng 40g	0	Say nắng	23	Nam Y nghiệm phương
3	Bài thuốc xông cảm	Lá hồng bì 100g, Lá bưởi 100g, Lá cúc tần 50g, Lá ngải cứu 50g	0	Cảm mạo phong hàn	15	Nam Y nghiệm phương
4	Bầu giác bông bong thang	Bầu giác 20g, Bông bong 50g, Chi thiên 50g	0	Viêm đại tràng thể nát và thể táo	173	Nam Y nghiệm phương
5	Bình vôi thang	Củ bình vôi 6g, Liên tâm 6g, Chè vằng 6g.	0	Mất ngủ	299	Nam Y nghiệm phương
6	Bồ công sài đất thang	Bồ công anh (sao qua) 50g, Sài đất (sao qua) 50g	0	Vú sưng, nóng, đỏ đau nhức và phát sốt	393	Nam Y nghiệm phương
7	Bột ba chạc cỏ nhọ nồi	Lá ba chạc 1 phần, Cỏ nhọ nồi 2 phần.	0	Cầm máu vết thương động mạch, tĩnh mạch.	582	Nam Y nghiệm phương
8	Bột dạ cẩm	Dạ cẩm 100g, Vỏ bưởi đào 100g, Vỏ quýt 100g	0	Đau loét dạ dày, hành tá tràng, đầy hơi, ợ chua.	116	Nam Y nghiệm phương

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng	Chủ trị	Trang	Nguồn gốc
9	Bột dạ dày	Lá khô 200g, Dạ cẩm 200g, Cỏ hàn the 200g, Vỏ dọt 200g.	0	Hội chứng dạ dày tá tràng đau vùng thượng vị ợ hơi, ợ chua, táo bón.	118	Nam Y nghiệm phương
10	Bột lá khô	Lá khô 500g, Bồ công anh 250g, Chút chít 100g, Nhân trần 100g, Lá khổ sâm 50g	0	Đau dạ dày thuộc nhiệt	112	Nam Y nghiệm phương
11	Cao lá mọ quạ	Lá mọ quạ lượng đủ dùng	0	Vết thương phần mềm lâu liền vết thương nhiễm trực khuẩn mũ xanh.	593	Nam Y nghiệm phương
12	Cao lỏng mã đề	Mã đề (thân, lá) 200g, Bách bộ 200g, Lá chanh 400g, Bán hạ chế 400g	0	Ho các loại	247	Nam Y nghiệm phương
13	Cao sim nghệ	Lá sim 1500g, Nghệ vàng 200g	0	Vết bông, vết thương phần mềm.	595	Nam Y nghiệm phương
14	Chè dứa cạn hoa đại lá dâu	Lá dứa cạn 100g, Hoa đại 300g, Lá dâu 400g.	0	Tăng huyết áp	231	Nam Y nghiệm phương
15	Chút chít muông trâu tán	Rễ chút chít 400g, Lá muông trâu 200g	0	Táo bón thuộc nhiệt	162	Nam Y nghiệm phương
16	Cối xay nhọ nôi mã đề thang	Lá cối xay 50g, Cỏ nhọ nôi 20g, Lá mã đề 30g.	0	Sốt xuất huyết thời kì sơ khởi.	38	Nam Y nghiệm phương

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng	Chủ trị	Trang	Nguồn gốc
17	Cồn bạch hoa xà	Rễ cây bạch hoa xà (bỏ lõi) 100g, Cồn 90 200ml	0	Hắc lào	551	Nam Y nghiệm phương
18	Cồn muông trâu bồ kết	Hạt muông trâu 20g, Hạt bồ kết 12g, Cồn 90 100ml.	0	Hắc lào	551	Nam Y nghiệm phương
19	Cứt lợn bạc hà kinh giới thang	Cây cứt lợn (lá, hoa) 12g, Bạc hà 8g, Hoa kinh giới 8g, Hoa húng giò 8g, Lá cối xay 12g.	0	Viêm mũi dị ứng	561	Nam Y nghiệm phương
20	Cửu thái trấp	Lá hẹ tươi 20g	0	Lỗ tai sưng, đau nhức, có khi ra mủ.	573	Nam Y nghiệm phương
21	Dã vô hoa thang	Lá hoặc quả Dã vô hoa tươi liều lượng đủ dùng.	0	Chấn thương sai khớp, bong gân, tụ máu, sưng nóng đỏ đau.	588	Nam Y nghiệm phương
22	Du long thái thang	Du long thái (Rau dền nước) khô 100-150g.	0	Đái dưỡng chấp (chứng cao lâm) do thận hư bàng quang thấp nhiệt.	207	Nam Y nghiệm phương
23	Đuôi chồn ngậy hương thang	Lá đuôi chồn 20g, Lá ngậy hương 20g, Củ sả 18g, Rễ cỏ xước 18g	0	Phù thũng toàn thân	209	Nam Y nghiệm phương
24	Hạn liên tang diệp bạc hà thang	Cỏ nhọ nồi 30g, Lá dâu 20g, Rau má 20g, Bạc hà 15g, Ngải cứu 15g.	0	Cảm mạo phong nhiệt	20	Nam Y nghiệm phương

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng	Chủ trị	Trang	Nguồn gốc
25	Hạn liên cam thảo đất thang	Cỏ nhọ nồi 20g, Cam thảo đất 15g	0	Kinh nguyệt ra nhiều và kéo dài.	355	Nam Y nghiệm phương
26	Hạt mãng cầu tán	Hạt mãng cầu (hạt na) 40 hạt	0	Sản phụ bị nứt đầu vú.	393	Nam Y nghiệm phương
27	Hồ tụy tử thang	Hồ tụy tử 10g, Liên tiền thảo 50g.	0	Trẻ em bị lên sỏi	449	Nam Y nghiệm phương
28	Hoa đại thang	Hoa đại khô 120g	0	Viêm tắc động mạch chi	242	Nam Y nghiệm phương
29	Hoàn bình thảo	Bột bình vôi 20g, Bột hoài sơn 10g, Bột thảo quyết minh 10g, Bột liên nhục 5g	0	Khó ngủ, mất ngủ.	280	Nam Y nghiệm phương
30	Hoàng oanh ngải diệp thang	Ngải diệp 30g, Hoàng oanh diệp 30g.	0	Cảm nắng đi ỉa	23	Nam Y nghiệm phương
31	Hương ngải ích mẫu tán	Hương phụ 1000g, Ngải cứu 300g, Ích mẫu 500g.	0	Kinh nguyệt không đều.	377	Nam Y nghiệm phương
32	Ích mẫu thang	Ích mẫu 40g, Rễ củ đèn	0	Bé kinh do huyết trệ	371	Nam Y nghiệm phương
33	Khiêm thực thang	Khiêm thực (sao vàng) 100g, Cỏ sữa nhỏ lá 100g	0	Phụ nữ khí hư ra nhiều	411	Nam Y nghiệm phương
34	Lạc tiên thang	Dây lạc tiên 16g, Lá vông 16g, Lá dâu 16g, Cây trinh nữ 16g	0	Mất ngủ	298	Nam Y nghiệm phương

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng	Chủ trị	Trang	Nguồn gốc
35	Lương phụ hoàn	Riềng (tẩm rượu sao) 100g, Hương phụ (tẩm giấm sao) 100g.	0	Đau dạ dày thể tý vị hư hàn	117	Nam Y nghiệm phương
36	Mã xỉ hiện thang	Rau sam tươi 50 - 100g	0	Trẻ em bị giun kim	524	Nam Y nghiệm phương
37	Mộc miên dung thụ thang	Mộc miên bì 80g, Dung thụ tua (Tua rễ cây si) 40g	0	Vết thương tụ máu, sưng đau	597	Nam Y nghiệm phương
38	Mộc miết cứu thái tán	Mộc miết tử 3-4 hạt, Cứu thái tươi 50g, Rau răm 50g, Tỏi 3g.	0	Trẻ em bị lên quai bị	454	Nam Y nghiệm phương
39	Nam uy linh tiên thang	Nam uy linh tiên 70g, Củ hẹ tươi 20g, Vỏ quýt 10g.	0	Hen, suyễn	258	Nam Y nghiệm phương
40	Ngân bò thang	Kim ngân hoa 20g, Bò công anh 20g, Vòi voi 10g, Mỏ quạ 10g.	0	Phụ nữ viêm tuyến vú	357	Nam Y nghiệm phương
41	Ngũ liên hoa thang	Ngũ liên hoa (hoa khê) 20-30g.	0	Trẻ em bị ho gà	457	Nam Y nghiệm phương
42	Nọc sởi thang	Lá nọc sởi tươi 40g	0	Sởi thời kỳ khởi phát	519	Nam Y nghiệm phương
43	Nước hoàng oanh diệp	Hoàng oanh diệp 50g, Lá trà không 30g.	0	Rửa vết thương do bỏng.	577	Nam Y nghiệm phương
44	Nước sắc hải vu diệp	Hải vu diệp thái nhỏ 50g, Lá trà không thái nhỏ 10g.	0	Nấm kẽ chân	552	Nam Y nghiệm phương
45	Nước sắc hoàng	Hoàng oanh diệp (lá duối) 200g.	0	Đau nhức răng	570	Nam Y nghiệm

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng	Chủ trị	Trang	Nguồn gốc
	oanh diệp					phương
46	Rau dệu giấp cá thang	Rau dệu 16g, Lá giấp cá 16g, Đậu cọc rào 12g, Cam thảo đất 12g.	0	Sởi thời kỳ khởi phát	519	Nam Y nghiệm phương
47	Rau dệu ngân hoa thang	Kim ngân hoa 16g, Rau dệu 16g, Lá giấp cá 16g, Cam thảo đất 12g, Bèo cái 12g.	0	Sởi trẻ em giai đoạn toàn phát.	451	Nam Y nghiệm phương
48	Râu mèo cỏ sữa thang	Cỏ sữa đỏ nhỏ lá 40g, Cây râu mèo 30g, Hoài sơn 20g, Vỏ sấu riêng 20g.	0	Tiêu khát thuộc chứng lý âm hư, mạch trầm hoạt	223	Nam Y nghiệm phương
49	Ráy đại hồng đơn cao	Củ ráy đại (Ráy ngựa) 50g, Hồng đơn 30g, Dầu thầu 250ml.	0	Chốc đầu.	542	Nam Y nghiệm phương
50	Rượu lộc vừng tầm xọng	Vỏ cây lộc vừng 50g, Rễ cây tầm xọng (mền tên) 50g, Xương bồ 50g, Quả cà gai 50g.	0	Sâu răng, chảy máu chân răng.	571	Nam Y nghiệm phương
51	Sắn thuyền trà xanh thang	Lá sắn thuyền 100g, Rễ chè xanh 100g, Trầm hương 3-4 g.	0	Tổ đĩa chân tay	541	Nam Y nghiệm phương
52	Sởi tía mộc thông thang	Vỏ cây sởi tía 20g, Rễ cây ruột gà 20g, Rễ cây bưởi bung 20g, Rễ cây cúc tần 40g.	0	Tiểu tiện đau buốt, chỉ ra từng giọt, sỏi bàng quang.	213	Nam Y nghiệm phương
53	Tầm phồng	Dây tầm phồng (Xoan leo) 50-60g	0	Bong gân	595	Nam Y nghiệm

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng	Chủ trị	Trang	Nguồn gốc
	thang					phương
54	Thần đen thang		0	Rắn độc cắn	607	Nam Y nghiệm phương
55	Thang lá đơn đỏ	Lá đơn đỏ 12g, Lá xấu hổ 12g, Lá cối xay 12g.	0	Mẩn ngứa ngoài da do dị ứng.	552	Nam Y nghiệm phương
56	Thang lá na lá gác	Lá na tươi 16g, Lá gác tươi 16g, Lá cà độc dược tươi 10g.	0	Trẻ em bị lên quai bị.	452	Nam Y nghiệm phương
57	Thang nghệ cúc tần	Củ nghệ 20g, Lá cúc tần 12g, Lá tràu không 12g, Lá sả 12g.	0	Bong gân, sai khớp.	600	Nam Y nghiệm phương
58	Thang rau sam cỏ sữa	Rau sam tươi 100g, Cỏ sữa tươi 100g.	0	Thấp nhiệt ly	150	Nam Y nghiệm phương
59	Thang trị phong thấp	Rễ cỏ xước 30g, Rễ cỏ may 20g, Rễ tràu không 8g, Rễ lá lốt 4g.	0	Phong thấp đau nhức gan bàn chân.	58	Nam Y nghiệm phương
60	Thang viêm thận 1	Ngũ gia bì 50g, Lá cối xay 50g, Dây bìm bìm 50g, Cây mía dò 25g	0	Viêm cầu thận mạn	204	Nam Y nghiệm phương
61	Thông mật thang	Rễ cây Rút 20g, Rễ cây bướm bướm 20g, Rễ cây mặt quỷ 20g, Rễ cây dành dành 20g.	0	Vàng da tắc mật	187	Nam Y nghiệm phương
62	Thuốc bó gãy xương	Cốt toái bồ tươi 200g, Lá sen tươi 100g, Lá	0	Bó gãy xương	603	Nam Y nghiệm

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng	Chủ trị	Trang	Nguồn gốc
		trắc bá tươi 100g, Quả bồ kết tươi 50g.				phương
63	Thuốc bó thanh táo	Lá thanh táo tươi	0	Bó gãy xương	584	Nam Y nghiệm phương
64	Thuốc đắp phù chìa ké	Lá phù dung 30g, Lá chìa vôi 20g, Lá ké hoa vàng 20g.	0	Viêm cơ, ung nhọt.	602	Nam Y nghiệm phương
65	Thuốc đắp xuyên phá thạch	Lá xuyên phá thạch (lá mỏ quạ)	0	Các vết thương mới hoặc đã nhiễm khuẩn hôi thối, giảm đau, sát khuẩn, sinh da non.	583	Nam Y nghiệm phương
66	Thuốc nhỏ mắt lá dành dành	Lá dành dành tươi 50g	0	Viêm kết mạc cấp.	539	Nam Y nghiệm phương
67	Thuốc nhỏ mắt sống đời.	Lá sống đời già (loại lá to) lượng tùy ý.	0	Viêm màng tiếp hợp đơn thuần, viêm màng tiếp hợp có viêm giác mạc nhẹ.	535	Nam Y nghiệm phương
68	Tía tô thang	Lá tía tô 20g, Hành tươi 1- 2 củ	0	Phụ nữ viêm tuyến vú sưng nóng đỏ đau.	358	Nam Y nghiệm phương
69	Tiêu chảy thang	Lá sả 10g, Lá ổi 10g, Củ riềng 10g, Vỏ măng cụt 10g.	0	Tiêu chảy	136	Nam Y nghiệm phương
70	Tiểu toán húng chanh thang	Tiểu toán (củ nén) 3 củ, Húng chanh (Rau tần dày lá) 3 lá.	0	Trẻ em bị suyễn do nhiệt.	497	Nam Y nghiệm phương

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng	Chủ trị	Trang	Nguồn gốc
71	Tơ hồng lá nhót thang	Dây tơ hồng (khô) 30g, Lá nhót 20g.	0	Hen suyễn	250	Nam Y nghiệm phương
72	Tỵ qua đằng tán	Dây mướp già 200g	0	Mũi chảy nước trong hoặc đục lẫn mủ, có mùi hôi hoặc tanh.	560	Nam Y nghiệm phương
73	Tỵ qua thang	Tỵ qua (Xơ mướp) 20g, Tạo giác thích 15g, Hành củ (khô) 8g	0	Tắc tia sữa	358	Nam Y nghiệm phương
74	Ưu đàm bì thang	Ưu đàm bì (vỏ cây sung) 500g	0	Trẻ em chóc đầu.	544	Nam Y nghiệm phương
75	Vòi voi sài đất mặt quỷ thang	Vòi voi 16g, Sài đất 16g, Đơn mặt quỷ 12g, Bồ cu vẽ 16g, Đơn đỏ 12g.	0	Viêm da, lở loét do nhiễm liên cầu khuẩn.	553	Nam Y nghiệm phương
76	Vòi voi vọng cách thang	Cây vòi voi 80g, Lá vọng cách 40g, Nhân trần 40g, Bông mã đề 20g.	0	Phù chân, phù mắt, tiểu tiện bí không lợi.	207	Nam Y nghiệm phương
77	Xương sông đu đủ nghệ chanh thang	Rễ xương sông 12g, Hoa đu đủ đực 12g, Nghệ vàng 12g, Rễ chanh, Khô phàn 4g.	0	Ho lâu ngày không khỏi, ho gà.	256	Nam Y nghiệm phương
78	0	Ích trí nhân 1 phần, Tỳ giải 1 phần, Thạch xương bò 1 phần, Ô dược 1 phần	0	Trị đái nhiều, són đái	198	Tuệ Tĩnh toàn tập

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng	Chủ trị	Trang	Nguồn gốc
79	0	Cỏ tháp bút 2 lạng, Chỉ xác 2 lạng, Can khương 1 lạng, Đại hoàng 2 đồng rưỡi sao đen	0	Trị trĩ nội chảy máu	205	Tuệ Tĩnh toàn tập
80	0	Rễ lau tươi 7 phần, Vỏ quýt 4 phần, Gừng sống 3 phần, Hạt cau khô 2 phần	0	Trị có thai nôn mửa không ăn được	242	Tuệ Tĩnh toàn tập
81	0	Đậu xanh 1/2 vốc, Lá dâm bụt 1 nắm, Lá tía tô 1 nắm, Ích mẫu 1 nắm.	0	Trị đơn sung, mụn nhọt viêm sung (đắp)	325	Tuệ Tĩnh toàn tập
82	0	Hy thiêm thảo 10g, Thổ phục linh 20g, Kế đầu ngựa 20g,	Khu phong thanh nhiệt, giải độc	Thấp tim thể viêm khớp cấp	445	YHCT
83	0	Cỏ nhọ nồi 10g, Cỏ xước 10g, Mãng vôi 9 cái, Lá bạc hà 100g, Nước vo gạo 300ml	Tư âm tiềm dương	Cao huyết áp thể âm hư dương xung	448	YHCT
84	0	Dành dành 7 quả, Tỏi 1 củ	Thanh nhiệt lợi thấp	Tiểu khó, tiểu ít do nhiễm khuẩn tiết niệu	504	YHCT
85	0	Củ khúc khắc 40g, Quả ké sao vàng 20g	Thanh nhiệt giải độc, tiêu viêm	Mụn nhọt giai đoạn viêm nhiễm	554	YHCT
86	0	Bồ công anh 80g; Hoa, lá cúc 80g giã uống nước, bã đắp tại	Thanh nhiệt giải độc	Đinh râu	556	YHCT

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng	Chủ trị	Trang	Nguồn gốc
		chỗ				
87	0	Lá phù dung tươi 20g, Rau sam tươi 20g, Củ chuối tiêu tươi 20g, Muối 20g. Giã đắp tại chỗ	Thanh nhiệt giải độc	Chín mé	557	YHCT
88	0	Hoa hòe sao đen 16g, Kinh giới sao đen 16g, Sinh địa 12g, Huyền sâm 12g, Cỏ nhọ nồi sao 16g, Trắc bá diệp sao 16g	Lương huyết chỉ huyết, hoạt huyết khứ ứ	Trĩ nội xuất huyết hay thể huyết ứ	578	YHCT
89	0	Vòi voi 30g, Tỏi 1 củ, Muối ăn 10g. Giã nát, đắp tại chỗ	Hành khí hoạt huyết, thông lạc	Sai khớp và Bong gân	590	YHCT
90	0	Lá bồ công anh 100g giã nát lọc nước uống, bã đắp tại chỗ	Thanh nhiệt giải độc, hoạt huyết lợi sữa	Viêm tuyến vú	685	YHCT
91	Bột lá khô	Lá khô 10g, Chút chít 10g, Bồ công anh 12g, Nhân trần 12g, Lá khở sâm 12g	Hòa can lý khí	Vị quản thống thể khí trệ	471	YHCT
92	Cao dạ cầm	Cây dạ cầm 300g, Đường 900g	Hòa can lý khí	Vị quản thống thể khí trệ	471	YHCT
93	Cao trâu cỏ	Trâu cỏ, Đỗ đen sao, Đường trắng	Bổ can thận âm	Thiếu máu do thiếu năng tạo máu của tủy	459	YHCT
94	Chỉ khái	Dây thuốc cá (tắm	0	tiểu nhi ho gà.	288	Nam Y

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng	Chủ trị	Trang	Nguồn gốc
	kê thang	nước tiêu sao vàng), Dây cỏ rửa.				cải cách
95	Đại ôn bổ thang	Nam nhơn sâm, Nam bạch truật, Gừng khô, chích Cam thảo, Hương phụ	0	Trúng phong	307	Nam Y cải cách
96	Giải độc trĩ sang thang	Hắc thủy liễu (bông đá biển thứ đen), Tơ hồng xanh, Mía ngựa 7 lóng, cúc sắt thợ rèn, Rễ mua lông, Rễ dừa lửa, Rễ cây thốt nốt, Lá tre gai.	0	Nhứt trĩ trĩ nội, trĩ ngoại, ruột non, già và hậu môn có ghẻ hay ngoài da có ung nhọt	323	Nam Y cải cách
97	Thanh nhiệt lợi thủy thang	Trái dành, Cam thảo, Hạt mã đề, Rau má, Mía lao, Rễ tranh.	0	Nhứt trĩ tiểu nóng gắt hoặc tức thôn âm hành khi tiểu ra nước lợn cợn	300	Nam Y cải cách
98	Lưng gối đau tê	Hà thủ ô đỏ, Ngưu tất nam	0	Lưng gối đau tê do can thận hư		Ba Vì
99	Đau nhức xương	Trầu lá gai, Ráy leo, Dây chiêu	0	Đau xương khớp thể hàn có can thận hư		Ba Vì
100	Chữa sưng khớp	Cây vòi vòi tươi	0	Đau khớp thể nhiệt		Ba Vì
101	Lưng gối nhức mỏi	Hạt tơ hồng, Cỏ xước, Ngũ gia bì, Thiên niên kiện.	0	Lưng gối nhức mỏi		Thái Nguyên
102	Thuốc phong thấp	Dây chiêu, Cà gai leo, Vỏ cây gạo, Dây xấu hổ	0	Đau xương khớp thể hàn		Thái Nguyên

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng	Chủ trị	Trang	Nguồn gốc
103	Phong tê thấp	Lá ắc ó, Dây gắm, Rễ lá lốt	0	Đau khớp thể hàn, có can thận hư		Thái Nguyên
104	Đau nhức xương	Dây chia vôi, Rễ cốt khí củ	0	Đau xương khớp thể hàn		Tuyên Quang
105	Thuốc tiêu chảy	Búp ổi, Vỏ rụt, Riềng, Sa nhân tím	0	Tiêu chảy do hàn thấp		Thái Nguyên
106	Chữa bệnh gan	Quả dứa dại, Nhân trần bồ bồ, Chi thiên, Cam thảo đất	0	Chứng thấp nhiệt can kinh		Thái Nguyên
107	Chữa lỵ	Hoa tai tượng đuôi chồn, Lá cây bông tai, Mơ lông	0	Kiết lỵ có đau bụng, mót rặn		Ba Vì
108	Ỉa chảy thấp nhiệt	Lá nhội, Lá thổ mật leo, Lá bồ cu vễ	0	Ỉa chảy do thấp nhiệt		Ba Vì
109	Chữa tiêu chảy	Lá nhót chua	0	Tiêu chảy thể nhiệt		Ba Vì
110	Đau dạ dày	Lá vú sữa	0	Đau dạ dày có khí trệ		Thái Nguyên
111	Chữa tăng huyết áp	Lá mò mâm xôi, Rau dứa cạn, Râu ngô	0	Huyết áp cao		Tuyên Quang
112	Chữa huyết áp	Rễ bạch hạc, Rau má, Lá tre	0	Huyết áp cao		Tuyên Quang
113	Hạ áp an thần	Rau dứa cạn, Lá đinh lăng, Hoa hòe, Cam thảo đất	0	Huyết áp cao, mất ngủ		Tuyên Quang
114	Chữa ho	Lược vàng tươi, Lá tai tượng xanh	0	Ho có đờm thể nhiệt chứng		Ba Vì
115	Ho hen	Lá bông bông, Cỏ sữa lá to, Lá dâu	0	Hen suyễn, ho đàm		Ba Vì

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng	Chủ trị	Trang	Nguồn gốc
116	Chữa ho	Hoa đu đủ đực, Lá hẹ	0	Ho do lạnh, ho có đờm		Tuyên Quang
117	Chữa ho	Lá xương sông, Mật ong	0	Ho do lạnh, ho có đờm		Tuyên Quang
118	Chữa đái máu	Thân rễ dứa dại, Lá cối xay, Lá phèn đen	0	Đái máu kèm theo buốt rất		Thái Nguyên
119	Đi ngoài ra máu	Lá cây phèn đen	thăng đê, chỉ huyết	Xuất huyết vị tràng		Thái Nguyên
120	Tiểu nóng, tiểu đực	Lá vôi, Râu ngô, Liều lượng bằng nhau	0	Tiểu nóng, tiểu đực		Thái Nguyên
121	Tiểu buốt rất	Lá mảnh cộng, Râu mèo, Vọng cách	0	Nhiễm trùng tiết niệu		Tuyên Quang
122	Chữa bí tiểu	Thài lài, Mã đề, Dây hạt bí	0	Tiểu khó, bí tiểu kèm theo nóng rất		Tuyên Quang
123	Tiểu buốt rất	Mã đề, Cỏ màn trâu, Cối xay, Cỏ tranh	0	Lâm chứng thể nhiệt		Ba Vì
124	Tiểu khó	Quả dứa dại, Mã đề, Cỏ tranh, Râu ngô	0	Tiểu bí thể thấp nhiệt hạ tiêu		Ba Vì
125	Tiểu ra máu	Lá giang tươi, Cỏ mực, Lá mã đề tươi	0	Đái ra máu		Ba Vì
126	Tiểu buốt rất	Thân rễ mía dò	0	Tiểu buốt rất		Tuyên Quang
127	Chữa mắt ngứa	Thảo quyết minh tử, Lạc tiên, Lá vông, Lá sen	0	Mắt ngứa có nhiệt chứng		Ba Vì
128	Đau kẽ sườn	Cành cúc tần khô, Cam thảo đất	0	Đau ngực có khí trệ, nhiệt chứng		Ba Vì
129	Thuốc điều kinh	Lá mò tím, Ích mẫu, Ngải cứu, Củ gấu	0	Rối loạn kinh nguyệt có huyết ứ		Thái Nguyên

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng	Chủ trị	Trang	Nguồn gốc
130	Bạch đới, lậu huyết	Cải trời, Hy thiêm, Huyết dụ, Bạch đồng nữ	0	Bạch đới, lậu huyết thể nhiệt		Tuyên Quang
131	Phụ nữ tiểu rắt	Lục lạc, Rai dứa nước, Mã đề	0	Thấp nhiệt hạ tiêu, Bạch đới		Tuyên Quang
132	Chữa trĩ	Lá mảnh bát, Rau diếp cá, Hoa mào gà, Xơ mướp	0	Hạ trĩ thể thấp nhiệt, huyết ứ		Ba Vì
133	Cao tiêu ứ	Bạch hoa xà thiệt thảo, Xạ đen, Trâu cỏ	0	Chứng tích tụ tam tiêu		Thái Nguyên
134	Bong gân đau khớp	Lá náng tươi	0	Chấn thương có huyết ứ		Tuyên Quang
135	Lở loét miệng	Lá bọ mảy 1 năm	0	Viêm loét miệng		Tuyên Quang
136	Chữa đau răng	Quả lộc vừng già	0	Đau răng		Ba Vì
137	Chữa cảm nắng	Lá bọ mảy, Rau má, Quả cà chua	0	Cảm thử, Cảm mạo phong nhiệt		Ba Vì
138	Chữa mê đay	Đơn đỏ, Củ khúc khắc, Cảm thảo đất, Ké đầu ngựa	0	Mê đay thể cảm nhiễm phong hàn		Ba Vì

Phụ lục 9
MỘT SỐ HÌNH ẢNH CỦA NHÓM NGHIÊN CỨU



Làm việc tại hội Đồng Y tỉnh Tuyên Quang



**Phỏng vấn lương y Từ Văn Ba
- người dân tộc Sán Diu tại Thái Nguyên**



Hội thảo xin ý kiến tại BV YHCT Thái Nguyên



**Làm việc hội Đồng Y
huyện Ba Vì**



**Thu thập mẫu cây tươi
tại địa phương**



**Thu thập mẫu cây tươi
tại địa phương**